

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

VỤ GIÁO DỤC TRUNG HỌC

DỰ ÁN MÔ HÌNH TRƯỜNG HỌC MỚI
TẠI VIỆT NAM

TÀI LIỆU TẬP HUẤN

**CÁN BỘ QUẢN LÝ, GIÁO VIÊN TRIỂN KHAI
MÔ HÌNH TRƯỜNG HỌC MỚI VIỆT NAM**

MÔN NGỮ VĂN

LỚP 6

(Lưu hành nội bộ)

Hà Nội, tháng 7/2015

MỤC LỤC

NỘI DUNG		Trang
Phần I	Một số vấn đề chung về mô hình trường học mới cấp THCS	5
A	Khái quát về mô hình trường học mới cấp trung học cơ sở	5
I	Quá trình nghiên cứu và thực nghiệm mô hình trường học mới ở Việt Nam	5
II	Đặc điểm nổi bật của mô hình trường học mới trung học cơ sở	6
B	Kế hoạch giáo dục lớp 6 theo mô hình trường học mới	7
I	Khung kế hoạch chung đối với các môn học/HĐGD lớp 6	7
II	Yêu cầu chung về kế hoạch bài học	8
C	Các đặc trưng cơ bản của mô hình trường học mới	10
I	Tài liệu Hướng dẫn học và phương thức dạy học	10
II	Tổ chức lớp học	19
D	Tổ chức hoạt động trải nghiệm sáng tạo trong mô hình trường học mới THCS	43
I	Hoạt động trải nghiệm sáng tạo	43
II	Sự khác nhau giữa môn học/HĐGD và hoạt động trải nghiệm sáng tạo	44
III	Một số hoạt động trải nghiệm sáng tạo trong mô hình trường học mới THCS	45
Đ	Đánh giá học sinh trong mô hình trường học mới cấp THCS	45
I	Mục đích đánh giá	45
II	Nguyên tắc đánh giá	46
III	Nội dung đánh giá	46
IV	Đánh giá thường xuyên và đánh giá định kỳ	47

V	Tổng hợp đánh giá định kỳ và xét khen thưởng	50
VI	Hồ sơ đánh giá	51
VII	Sử dụng kết quả đánh giá	52
VIII	Tổ chức thực hiện việc đánh giá học sinh	53
E	Tổ chức sinh hoạt chuyên môn và tham gia các hoạt động chuyên môn trên mạng "Trường học kết nối"	54
I	Tổ chức sinh hoạt chuyên môn	54
II	Tham gia các hoạt động chuyên môn trên “Trường học kết nối”	60
G	Trách nhiệm của các cấp quản lý địa phương trong việc triển khai mô hình trường học mới cấp THCS	94
I	Trách nhiệm của Sở Giáo dục và Đào tạo	94
II	Trách nhiệm của Phòng Giáo dục và Đào tạo	95
III	Trách nhiệm của hiệu trưởng	95
Phần II	Tổ chức dạy học và kiểm tra, đánh giá môn Ngữ văn lớp 6 theo mô hình trường học mới	97
I	Vị trí, đặc điểm môn học	97
II	Chương trình môn học	100
II	Hướng dẫn tổ chức hoạt động học theo chủ đề	110

Phần I

MỘT SỐ VẤN ĐỀ CHUNG VỀ MÔ HÌNH TRƯỜNG HỌC MỚI CẤP TRUNG HỌC CƠ SỞ

A. KHÁI QUÁT VỀ MÔ HÌNH TRƯỜNG HỌC MỚI TRUNG HỌC CƠ SỞ

I. QUÁ TRÌNH NGHIÊN CỨU VÀ THỰC NGHIỆM MÔ HÌNH TRƯỜNG HỌC MỚI Ở VIỆT NAM

Từ năm học 2011-2012, Bộ Giáo dục và Đào tạo triển khai mô hình trường học mới đối với cấp tiểu học với mục tiêu là đổi mới đồng bộ các hoạt động sư phạm trong nhà trường; bảo đảm cho học sinh được tự quản, tự tin trong học tập, chiếm lĩnh được kiến thức, kỹ năng qua tự học và hoạt động tập thể; phù hợp với điều kiện về năng lực đội ngũ giáo viên, thiết bị giáo dục của hầu hết các trường học Việt Nam, đồng thời có giải pháp thu hút các gia đình và cộng đồng tích cực tham gia cùng nhà trường thực hiện chức năng giáo dục. Qua ba năm triển khai ở cấp tiểu học đã khẳng định trường học mới là một kiểu mô hình nhà trường hiện đại, tiên tiến, phù hợp với mục tiêu đổi mới và đặc điểm của giáo dục Việt Nam. Đến năm học 2014-2015 đã có 1447 trường tiểu học trên phạm vi toàn quốc có học sinh học hết lớp 5 theo mô hình này. Từ 1447 trường được hỗ trợ qua dự án, đã có nhiều trường tự đảm bảo các điều kiện để triển khai áp dụng mô hình trường học mới. Năm học 2015-2016, cả nước có trên 3700 trường triển khai áp dụng mô hình này.

Nhằm tạo điều kiện cho học sinh THCS học theo mô hình trường học mới, nhất là những học sinh đã học theo mô hình trường học mới cấp tiểu học, Bộ Giáo dục và Đào tạo đã chỉ đạo 6 tỉnh (Lào Cai, Hà Giang, Hòa Bình, Khánh Hòa, Đắk Lắk, Kon Tum) triển khai thực nghiệm thành công mô hình ở 48 lớp 6 của 24 trường THCS.

Từ năm học 2015-2016, Bộ Giáo dục và Đào tạo tiếp tục triển khai thực điểm mô hình trường học mới ở lớp 7 tại 6 tỉnh nói trên với các học sinh đã hoàn thành chương trình lớp 6; đồng thời nhân rộng chương trình lớp 6 ra 63 tỉnh, thành phố trong cả nước. Hiện nay đã có hơn 1600 trường THCS đăng kí tham gia triển khai mô hình trường học mới đối với lớp 6 năm học 2015-2016.

II. ĐẶC ĐIỂM NỔI BẬT CỦA MÔ HÌNH TRƯỜNG HỌC MỚI TRUNG HỌC CƠ SỞ

Mô hình trường học mới THCS được triển khai dựa trên sự phối hợp giữa hoạt động học tập cá thể với sự tương tác học sinh - học sinh và học sinh - giáo viên; hướng học sinh đến sự phát triển toàn diện, không chỉ hoạt động lĩnh hội kiến thức mà còn rèn luyện khả năng vận dụng kiến thức vào thực tế sinh động, năng lực tự học, kỹ năng sống, tự phục vụ bản thân, tự quản tập thể, bồi dưỡng hứng thú học tập để học tập suốt đời. Mô hình trường học mới THCS chú trọng phát huy năng lực riêng của từng học sinh, không ứng xử một cách đồng loạt bằng cách quan tâm đến từng học sinh ngay trong quá trình học, kịp thời động viên kết quả đạt được, phát hiện những điểm mạnh để khuyến khích, những khó khăn để hướng dẫn, trợ giúp; đánh giá sự tiến bộ của từng học sinh theo yêu cầu giáo dục, không so sánh học sinh này với học sinh khác. Những đặc điểm nổi bật của mô hình trường học mới THCS so với mô hình trường học hiện nay là:

1. Hoạt động học của học sinh được coi là trung tâm của quá trình dạy học. Học sinh tự thiết lập tiến độ và các bước đi cho quá trình học tập, với một chương trình tự học theo từng bước và tăng cường sự ưu việt của hoạt động nhóm. Học sinh được khuyến khích, tạo cơ hội tham gia tích cực vào các hoạt động học tập, đặc biệt là hoạt động theo nhóm và tự học. Từ đó, các em có thể khám phá và chiếm lĩnh kiến thức, kỹ năng mới; đồng thời phát triển nhiều phẩm chất và năng lực quan trọng như: tính chủ động, tự tin, khả năng suy nghĩ độc lập, năng lực tư duy phê phán và tư duy sáng tạo, năng lực giải quyết vấn đề, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác. Giáo viên tận dụng khả năng tổ chức các hoạt động để giúp học sinh vận dụng kiến thức, kỹ năng vào cuộc sống.
2. Tài liệu hướng dẫn học tập được thiết kế cho học sinh hoạt động, học nhóm, tự học; dùng chung cho giáo viên, học sinh và cha mẹ học sinh. Trong tài liệu, cấu trúc các hoạt động học tập theo các chủ đề; cung cấp kiến thức học kết hợp hướng dẫn phương pháp, hình thức học và phương pháp tư duy; nội dung học lồng ghép với các bước của các hoạt động học tập.
3. Giáo viên duy trì một môi trường học tập cởi mở, thân thiện, hiệu quả và đóng vai trò là người hướng dẫn học, quan tâm đến sự khác biệt trong việc tiếp thu kiến thức của học sinh. Thông qua tổ chức các hoạt động của Hội đồng tự quản học sinh, góc học tập, góc cộng đồng... và hoạt động nhóm để hỗ trợ tích cực cho học tập và giáo dục học sinh. Từ đó học sinh được tự chủ, có trách nhiệm với hoạt động học tập của mình; rèn luyện, phát triển khả năng giao tiếp và lãnh đạo; nâng cao các phẩm chất và phong cách con người.

4. Nhà trường thiết lập mối liên hệ chặt chẽ với cha mẹ học sinh và cộng đồng, trong đó các thành viên của gia đình được tham gia vào quá trình giáo dục và các dự án học tập tại cộng đồng.
5. Đánh giá học sinh thường xuyên theo quá trình học tập nhằm kiểm tra và hướng dẫn phương pháp học tập có hiệu quả cho học sinh. coi trọng việc học sinh tự đánh giá, đánh giá lẫn nhau và đánh giá của cha mẹ học sinh, cộng đồng. Kết hợp đánh giá kiến thức, kỹ năng với đánh giá năng lực và phẩm chất của học sinh.
6. Giáo viên có vị trí mới, được bồi dưỡng thường xuyên để nâng cao trình độ và năng lực nghề nghiệp, đáp ứng vai trò quan trọng là người hướng dẫn, tổ chức và quyết định trong các hoạt động học tập, giáo dục, đánh giá học sinh và phối hợp với cha mẹ học sinh và cộng đồng.

B. KẾ HOẠCH GIÁO DỤC LỚP 6 TRONG MÔ HÌNH TRƯỜNG HỌC MỚI

I. KHUNG KẾ HOẠCH CHUNG ĐỐI VỚI CÁC MÔN HỌC/HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC LỚP 6

Trên cơ sở đảm bảo chuẩn kiến thức, kỹ năng và thái độ của chương trình giáo dục phổ thông hiện hành, các sở/phòng giáo dục và đào tạo giao quyền chủ động cho các trường thực hiện mô hình trường học mới xây dựng và thực hiện kế hoạch giáo dục định hướng phát triển năng lực học sinh với khung thời gian 37 tuần (học kỳ I: 19 tuần, học kỳ II: 18 tuần), đảm bảo thời gian kết thúc năm học thống nhất cả nước, có đủ thời lượng dành cho ôn tập, thí nghiệm, thực hành, tổ chức hoạt động trải nghiệm sáng tạo và kiểm tra định kỳ. Thời lượng thực hiện chương trình giáo dục cả năm học (được tính bằng 35 tuần) đối với từng môn và hoạt động giáo dục (HĐGD) lớp 6 như sau:

TT	Môn học/HĐGD	Số tiết trung bình/tuần	Tổng số tiết/năm
1	Toán	4	140
2	Ngữ văn	4	140
3	Khoa học tự nhiên (Vật lí, Hóa học, Sinh học)	3	105
4	Khoa học xã hội (Lịch sử, Địa lí)	2	70
5	Giáo dục công dân	1	35
6	Công nghệ	2	70

TT	Môn học/HĐGD	Số tiết trung bình/tuần	Tổng số tiết/năm
7	Tin học	2	70
8	Ngoại ngữ	3	105
9	Hoạt động giáo dục (Âm nhạc, Mĩ thuật, Thể dục)	4	140
10	Giáo dục tập thể	2	70
11	Tự chọn (Ngoại ngữ 2; Kỹ năng sống; Nghề phổ thông; Hoạt động tập thể, giáo dục địa phương)	2	70

Tài liệu Hướng dẫn học các môn học/HĐGD được biên soạn với thời lượng 35 tuần (bao gồm cả ôn tập, kiểm tra). Các trường có thể sử dụng 2 tuần còn lại để giáo viên xây dựng kế hoạch giáo dục học kỳ 1 và cả năm học; tổ chức một số hoạt động đầu năm học gồm: Tổ chức tuần sinh hoạt đầu năm học; Hướng dẫn tham gia một số hoạt động trong và ngoài nhà trường;... và dự phòng.

II. YÊU CẦU CHUNG VỀ KẾ HOẠCH BÀI HỌC

Để đảm bảo các nguyên tắc tổ chức hoạt động học trong mô hình trường học mới, mỗi bài học thường được xây dựng dựa trên một chủ đề dạy học, nhằm giải quyết một vấn đề/nhiệm vụ học tập tương đối hoàn chỉnh, từ việc hình thành kiến thức, kỹ năng mới đến vận dụng chúng vào giải quyết những vấn đề gắn với thực tiễn. Kế hoạch tổ chức hoạt động học của học sinh trong mỗi bài học cần đảm bảo các yêu cầu sau:

1. Chuỗi hoạt động học của học sinh thể hiện rõ tiến trình sự phạm của phương pháp dạy học tích cực được áp dụng trong toàn bộ bài học. Nhìn chung, tiến trình hoạt động học của học sinh theo các phương pháp dạy học tích cực đều phù hợp với tiến trình nhận thức chung: huy động những kiến thức, kỹ năng của mình để giải quyết tình huống/câu hỏi/vấn đề/nhiệm vụ học tập; nhận thức được sự chưa đầy đủ về kiến thức, kỹ năng của mình; xuất hiện nhu cầu và học tập để bổ sung, hoàn thiện kiến thức, kỹ năng mới; vận dụng kiến thức, kỹ năng mới để tiếp tục giải quyết tình huống/câu hỏi/vấn đề/nhiệm vụ học tập ban đầu và các tình huống/câu hỏi/vấn đề/nhiệm vụ học tập mới...

Ví dụ: Trong dạy học ở trường THCS, để xây dựng một kiến thức cụ thể cho học sinh, tiến trình hoạt động giải quyết vấn đề được mô tả như sau: đề xuất vấn đề - suy đoán giải pháp - khảo sát lí thuyết và/hoặc thực nghiệm - kiểm tra, vận dụng kết quả. Theo đó, chuỗi hoạt động học của học sinh phù hợp với tiến trình sự phạm của phương pháp dạy học giải quyết vấn đề sẽ bao gồm:

a) Hoạt động khởi động: Từ nhiệm vụ cần giải quyết, học sinh huy động kiến thức, kĩ năng đã biết và nảy sinh nhu cầu về kiến thức, kĩ năng còn chưa biết, nhưng hi vọng có thể tìm tòi, xây dựng được; diễn đạt nhu cầu đó thành câu hỏi.

b) Hoạt động hình thành kiến thức và Hoạt động luyện tập: Để giải quyết vấn đề đặt ra, học sinh cần phải học lí thuyết hoặc/và thiết kế phương án thực nghiệm, tiến hành thực nghiệm, thu lượm các dữ liệu cần thiết và xem xét, rút ra kết luận. Kiến thức, kĩ năng mới được hình thành giúp cho việc giải quyết được câu hỏi/vấn đề đặt ra.

c) Hoạt động vận dụng: Trên cơ sở kiến thức, kĩ năng mới được hình thành, học sinh vận dụng chúng để giải quyết các tình huống có liên quan trong học tập và cuộc sống hàng ngày.

d) Hoạt động tìm tòi, mở rộng: Học sinh tiếp tục tìm tòi và mở rộng kiến thức thông qua các nguồn tư liệu, học liệu, khác nhau; tự đặt ra các tình huống có vấn đề nảy sinh từ nội dung bài học, từ thực tiễn cuộc sống, vận dụng các kiến thức, kĩ năng đã học để giải quyết bằng những cách khác nhau.

2. Mỗi hoạt động học tương ứng với một nhiệm vụ học tập giao cho học sinh, thể hiện rõ: mục đích, nội dung, phương thức hoạt động và sản phẩm học tập mà học sinh phải hoàn thành. Quá trình tổ chức mỗi hoạt động học của học sinh được thực hiện theo các bước như sau:

a) Chuyển giao nhiệm vụ: Việc chuyển giao nhiệm vụ có thể được thực hiện thông qua nhiều hình thức khác nhau: lời nói trực tiếp của giáo viên; tài liệu, học liệu..., đảm bảo tất cả học sinh quan tâm đến nhiệm vụ đặt ra, sẵn sàng nhận và tự nguyện thực hiện nhiệm vụ học tập.

b) Thực hiện nhiệm vụ: Học sinh hoạt động độc lập, tự chủ, trao đổi, tìm tòi cách thức để vượt qua khó khăn giải quyết nhiệm vụ. Trong quá trình đó, khi cần phải có sự định hướng của giáo viên.

c) Tranh luận, khái quát hóa, vận dụng tri thức mới: Dưới sự hướng dẫn của giáo viên, học sinh trình bày, tranh luận, bảo vệ sản phẩm học tập đã hoàn thành. Giáo viên bổ sung, chính xác hóa và khái quát hóa kiến thức cho học sinh.

3. Thiết bị dạy học và học liệu được sử dụng trong bài học phải đảm bảo sự phù hợp với từng hoạt động học đã thiết kế. Việc sử dụng các thiết bị dạy học và học liệu đó được thể hiện rõ trong phương thức hoạt động học và sản phẩm học tập tương ứng mà học sinh phải hoàn thành trong mỗi hoạt động học.

4. Phương án kiểm tra, đánh giá trong quá trình dạy học phải đảm bảo sự đồng bộ với phương pháp và kĩ thuật dạy học tích cực được sử dụng. Cần tăng cường đánh giá

về sự hình thành và phát triển năng lực, phẩm chất của học sinh thông qua quá trình thực hiện các nhiệm vụ học tập, thông qua các sản phẩm học tập mà học sinh đã hoàn thành; tăng cường hoạt động tự đánh giá và đánh giá đồng đẳng của học sinh.

C. CÁC ĐẶC TRƯNG CƠ BẢN CỦA MÔ HÌNH TRƯỜNG HỌC MỚI

I. TÀI LIỆU HƯỚNG DẪN HỌC VÀ PHƯƠNG THỨC DẠY HỌC

1. Các loại tài liệu trong mô hình trường học mới

1.1. Tài liệu Hướng dẫn học lớp 6

Các môn học lớp 6 theo mô hình trường học mới được thiết kế từ các môn học hiện hành trong chương trình giáo dục phổ thông hiện hành với việc tích hợp một số môn học theo định hướng mới: các môn Vật lý, Hóa học, Sinh học tích hợp thành môn Khoa học tự nhiên; các môn Lịch sử, Địa lý tích hợp thành môn Khoa học xã hội; các môn Thể dục, Âm nhạc, Mỹ thuật tích hợp thành Hoạt động giáo dục. Ngoài các môn ngoại ngữ được thực hiện theo Đề án "Dạy và học ngoại ngữ trong hệ thống giáo dục quốc dân giai đoạn 2008 – 2020", tài liệu Hướng dẫn học các môn học theo mô hình trường học mới được thiết kế, biên soạn lại trên cơ sở đảm bảo mục tiêu và nội dung của chương trình giáo dục phổ thông hiện hành, bao gồm:

- Hướng dẫn học Toán lớp 6;
- Hướng dẫn học Ngữ văn lớp 6;
- Hướng dẫn học Khoa học tự nhiên lớp 6: Được tổ chức lại trên cơ sở tích hợp nội dung dạy học các môn Vật lý, Hóa học và Sinh học lớp 6;
- Hướng dẫn học Khoa học xã hội lớp 6: Được tổ chức lại trên cơ sở tích hợp nội dung dạy học các môn Địa lý và Lịch sử lớp 6;
- Hướng dẫn học Công nghệ lớp 6;
- Hướng dẫn học Tin học lớp 6;
- Hướng dẫn học Giáo dục công dân lớp 6;
- Hướng dẫn hoạt động giáo dục lớp 6: Được tổ chức lại trên cơ sở tích hợp nội dung dạy học các môn Âm Nhạc, Mỹ thuật, Thể dục lớp 6.

Như vậy, so với quy định hiện hành, số lượng các môn học trong mô hình trường học mới giảm đi nhưng vẫn đảm bảo chuẩn kiến thức, kỹ năng của từng môn học trong

chương trình giáo dục phổ thông cấp THCS hiện hành, đồng thời khắc phục được sự trùng lặp về nội dung trong nội bộ môn học cũng như trùng lặp giữa các môn học như hiện nay, tạo điều kiện thuận lợi cho việc tổ chức hoạt động học theo các phương pháp dạy học tích cực nhằm phát triển năng lực và phẩm chất học sinh.

1.2. Tài liệu hướng dẫn giáo viên

Tài liệu hướng dẫn giáo viên được biên soạn nhằm giúp giáo viên hiểu rõ hơn về việc tích hợp các nội dung dạy học để xây dựng các chủ đề, phương pháp và kỹ thuật dạy học tích cực được sử dụng để tổ chức các hoạt động học của học sinh trong mỗi chủ đề theo tài liệu Hướng dẫn học. Tài liệu hướng dẫn giáo viên gồm có:

- Hướng dẫn giáo viên Toán lớp 6;
- Hướng dẫn giáo viên Ngữ văn lớp 6;
- Hướng dẫn giáo viên Khoa học tự nhiên lớp 6;
- Hướng dẫn giáo viên Khoa học xã hội lớp 6;
- Hướng dẫn giáo viên Công nghệ 6;
- Hướng dẫn giáo viên Tin học lớp 6;
- Hướng dẫn giáo viên Giáo dục công dân lớp 6;
- Hướng dẫn giáo viên tổ chức các hoạt động giáo dục lớp 6;
- Hướng dẫn phối hợp giữa nhà trường, gia đình và cộng đồng.

2. Cấu trúc tài liệu Hướng dẫn học và phương thức dạy học

2.1. Nguyên tắc xây dựng tài liệu Hướng dẫn học

Theo định hướng phát triển năng lực và phẩm chất của học sinh, quá trình dạy học theo mô hình trường học mới, học sinh được phát huy tối đa vai trò dân chủ trong học tập và thi đua lành mạnh. Theo đó, việc xây dựng tài liệu Hướng dẫn học được thực hiện theo nguyên tắc như sau:

- Về nội dung, tài liệu Hướng dẫn học các môn học được biên soạn theo các chủ đề tích hợp để có thể tổ chức hoạt động học tích cực và tự lực của học sinh. Hoạt động học mỗi chủ đề có thể và cần phải được thực hiện một cách linh hoạt ở trong lớp, ngoài lớp, trong trường, ở nhà và cộng đồng. Số tiết phân phối cho mỗi chủ đề là số tiết dành để tổ chức các hoạt động trên lớp, cùng với các hoạt động học ở ngoài lớp học tạo thành chuỗi hoạt động học theo tiến trình sư phạm của phương pháp dạy học tích cực được sử dụng.

Đối với các môn Khoa học tự nhiên, Khoa học xã hội và Hoạt động giáo dục, ngoài các chủ đề tích hợp trong các phân môn, có một số chủ đề tích hợp liên môn được xây dựng từ các nội dung dạy học trùng nhau hoặc có liên quan chặt chẽ với nhau trong các phân môn.

- Về phương pháp dạy học, tài liệu Hướng dẫn học được biên soạn theo các phương pháp và kỹ thuật dạy học tích cực, thể hiện ở các hoạt động học tích cực, tự lực và sáng tạo của học sinh. Trong mỗi chủ đề, các hoạt động học được thiết kế theo tiến trình sư phạm của phương pháp dạy học được sử dụng, phù hợp với đặc thù môn học và nội dung học tập. Tuy có những điểm khác nhau nhưng nhìn chung chuỗi hoạt động học của mỗi chủ đề đều phải tuân theo con đường nhận thức chung là: từ một vấn đề mới đòi hỏi phải học thêm kiến thức, kỹ năng mới để giải quyết; có thêm kiến thức, kỹ năng mới cần tiếp tục tìm tòi, mở rộng và vận dụng vào thực tiễn; khi vận dụng kiến thức, kỹ năng vào thực tiễn lại nảy sinh vấn đề mới... Theo tiến trình đó, mỗi hoạt động học, học sinh được giao một nhiệm vụ học tập cụ thể để có thể tự học một cách tích cực, tự lực và sáng tạo, trong đó có sự kết hợp hài hòa giữa hoạt động cá nhân, cặp đôi, nhóm nhỏ và toàn lớp.

- Về đánh giá, mỗi hoạt động học của học sinh được biên soạn trong tài liệu Hướng dẫn học đều phải thể hiện rõ sản phẩm học tập mà học sinh phải hoàn thành. Trong quá trình tổ chức hoạt động học của học sinh, giáo viên quan sát, phát hiện những khó khăn mà học sinh gặp phải để có biện pháp hỗ trợ phù hợp; hướng dẫn học sinh hợp tác, hỗ trợ lẫn nhau để thực hiện nhiệm vụ học tập; nhận xét, đánh giá quá trình và sản phẩm học tập của học sinh, qua đó đánh giá về sự hình thành và phát triển năng lực của học sinh.

2.2. Mô hình cấu trúc bài học

Trong mỗi bài học của tài liệu Hướng dẫn học của môn học/HĐGD luôn đảm bảo 5 hoạt động cơ bản sau:

a) Hoạt động khởi động

Mục đích của hoạt động này là tạo tâm thế học tập cho học sinh, giúp học sinh ý thức được nhiệm vụ học tập, hứng thú học bài mới. Giáo viên sẽ tạo tình huống học tập dựa trên việc huy động kiến thức, kinh nghiệm của bản thân học sinh có liên quan đến vấn đề xuất hiện trong tài liệu hướng dẫn học; làm bộc lộ "cái" học sinh đã biết, bỏ khuyết những gì cá nhân học sinh còn thiếu, giúp học sinh nhận ra "cái" chưa biết và muốn biết thông qua hoạt động này. Từ đó, giúp học sinh suy nghĩ và xuất hiện những quan niệm ban đầu của mình về vấn đề sắp tìm hiểu, học tập.

Lưu ý: Nhiệm vụ học tập được giao cho học sinh trong hoạt động "Khởi động" cần đảm bảo rằng học sinh không thể giải quyết trọn vẹn với kiến thức, kỹ năng cũ mà cần phải học thêm kiến thức, kỹ năng mới trong các hoạt động "Hình thành kiến thức" và "Luyện tập" để hoàn thiện. Có thể hình dung 3 hoạt động này đã đáp ứng đầy đủ mục tiêu dạy học theo chương trình, sách giáo khoa hiện hành, cần đảm bảo cho tất cả học sinh đều thực hiện được.

b) Hoạt động hình thành kiến thức

Mục đích của hoạt động này là giúp học sinh lĩnh hội được kiến thức, kỹ năng mới và đưa các kiến thức, kỹ năng mới vào hệ thống kiến thức, kỹ năng đã có của bản thân. Giáo viên sẽ giúp học sinh xây dựng kiến thức, kỹ năng mới của bản thân trên cơ sở đối chiếu kiến thức, kinh nghiệm sẵn có với những hiểu biết mới; kết nối/sắp xếp kiến thức, kỹ năng cũ và mới dựa trên việc phát biểu, viết ra các kết luận/khái niệm/công thức mới...

c) Hoạt động luyện tập

Mục đích của hoạt động này là giúp học sinh củng cố, hoàn thiện kiến thức, kỹ năng vừa lĩnh hội được. Giáo viên sẽ yêu cầu học sinh thực hiện các nhiệm vụ, làm các bài tập cụ thể giống như các nhiệm vụ, bài tập trong bước hình thành kiến thức, để diễn đạt được đúng kiến thức hoặc mô tả đúng kỹ năng đã học bằng ngôn ngữ theo cách của riêng mình, từ đó áp dụng trực tiếp kiến thức, kỹ năng đã biết để giải quyết các tình huống/vấn đề trong học tập.

d) Hoạt động vận dụng

Mục đích của hoạt động này là giúp học sinh vận dụng được các kiến thức, kỹ năng để giải quyết các tình huống/vấn đề mới, không giống với những tình huống/vấn đề đã được hướng dẫn hay đưa ra những phản hồi hợp lý trước một tình huống/vấn đề mới trong học tập hoặc trong cuộc sống. Giáo viên sẽ hướng dẫn học sinh kết nối và sắp xếp lại các kiến thức, kỹ năng đã học để giải quyết thành công tình huống/vấn đề tương tự tình huống/vấn đề đã học. Đây có thể là những hoạt động mang tính nghiên cứu, sáng tạo, vì thế cần hướng dẫn học sinh tranh thủ sự hướng dẫn của gia đình, địa phương để hoàn thành nhiệm vụ học tập. Trước một vấn đề, học sinh có thể có nhiều cách giải quyết khác nhau.

đ) Hoạt động tìm tòi mở rộng

Mục đích của hoạt động này là giúp học sinh không bao giờ bằng lòng, thỏa mãn với những gì đã học và hiểu rằng ngoài những kiến thức được học trong nhà trường còn rất nhiều điều có thể và cần phải tiếp tục học tập, học tập suốt đời. Giáo viên cần

khuyến khích học sinh tiếp tục tìm tòi và mở rộng kiến thức ngoài lớp học. Học sinh tự đặt ra các tình huống có vấn đề nảy sinh từ nội dung bài học, từ thực tiễn cuộc sống, vận dụng các kiến thức, kĩ năng đã học để giải quyết bằng những cách khác nhau.

Lưu ý: Hoạt động "Vận dụng" và "Tìm tòi, mở rộng" là các hoạt động giao cho học sinh thực hiện ở ngoài lớp học, giáo viên không tổ chức dạy học hoàn toàn trên lớp. Vì vậy nội dung các hoạt động này trong tài liệu Hướng dẫn học chỉ là những yêu cầu, định hướng và gợi ý về phương pháp thực hiện, mô tả sản phẩm học tập phải hoàn thành,... để học sinh tự phát hiện, lựa chọn tình huống thực tiễn nhằm vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học được trong bài học; tìm tòi mở rộng thêm theo sở thích, sở trường, hứng thú của mình. Các hoạt động này hết sức cần thiết và quan trọng, giúp cho việc phát triển năng lực và phẩm chất của học sinh, cần phải tổ chức thực hiện đầy đủ và hiệu quả. Tuy nhiên, giáo viên cần hiểu rõ rằng không được/không nên yêu cầu tất cả học sinh phải thực hiện giống nhau đối với các hoạt động này; sản phẩm học tập của mỗi học sinh/nhóm học sinh trong các hoạt động này có thể không giống nhau.

Hoạt động "Vận dụng" và "Tìm tòi, mở rộng" có bản chất là hoạt động trải nghiệm của học sinh, có thể được thực hiện trong phòng thí nghiệm ở trường, tại viện bảo tàng, các địa danh lịch sử văn hóa hoặc tìm hiểu và giải quyết các tình huống thường gặp trong cuộc sống hàng ngày, ở nhà và cộng đồng. Trong mỗi bài học, tùy vào nội dung kiến thức, cần gợi ý cho học sinh quan sát, phát hiện những hiện tượng, sự kiện, tình huống, vấn đề có liên quan trong hoạt động sống hàng ngày để vận dụng kiến thức đã học vào giải quyết. Những hoạt động đó bắt đầu từ các nhiệm vụ học tập như:

- Thực hiện thí nghiệm trong phòng thí nghiệm của nhà trường để chứng minh cho kiến thức đã học;
- Tìm kiếm tư liệu và minh chứng để chứng minh cho một kiến thức đã học hoặc làm rõ về một sự kiện, một di tích hay một di sản...
- Xác định một vấn đề để báo cáo sau một chuyến tham quan thực tế, đọc một bài văn hay xem một bộ phim khoa học;
- Sáng tác một điệu nhảy, một bài hát, một điệu nhạc; viết và thể hiện một bài thuyết trình; sáng tác và thể hiện một tiểu phẩm;...
- Vận dụng kiến thức đã học để giải thích các tình huống thực tiễn.

2.3. Tổ chức dạy học theo dự án

2.3.1. Quan niệm dạy học dự án

Dạy học theo dự án là một hình thức dạy học, trong đó người học thực hiện một nhiệm vụ học tập phức hợp, có sự kết hợp giữa lý thuyết và thực hành, có tạo ra các sản

phẩm có thể giới thiệu, báo cáo. Nhiệm vụ này được học sinh thực hiện với tính tự lực cao trong toàn bộ quá trình học tập, từ việc xác định mục đích, lập kế hoạch, đến việc thực hiện dự án, kiểm tra, điều chỉnh, đánh giá quá trình và kết quả thực hiện. Làm việc nhóm là hình thức cơ bản của dạy học theo dự án.

2.3.2. Đặc điểm của dạy học dự án

Trong các tài liệu về dạy học dự án có rất nhiều đặc điểm được đưa ra. Các nhà sư phạm khi xác lập cơ sở lý thuyết cho dạy học dự án này đã nêu ra 3 đặc điểm cốt lõi của dạy học dự án: định hướng học sinh, định hướng thực tiễn và định hướng sản phẩm. Có thể cụ thể hoá các đặc điểm của dạy học dự án như sau:

a) *Định hướng thực tiễn*: Chủ đề của dự án xuất phát từ những tình huống của thực tiễn xã hội và đời sống. Nhiệm vụ dự án cần chứa đựng những vấn đề phù hợp với trình độ và khả năng của học sinh.

b) *Có ý nghĩa thực tiễn xã hội*: Các dự án học tập góp phần gắn việc học tập trong nhà trường với thực tiễn đời sống, xã hội. Trong những trường hợp lý tưởng, việc thực hiện các dự án có thể mang lại những tác động xã hội tích cực.

c) *Định hướng hứng thú học sinh*: Học sinh được tham gia chọn đề tài, nội dung học tập phù hợp với khả năng và hứng thú cá nhân. Ngoài ra, hứng thú của học sinh cần được tiếp tục phát triển trong quá trình thực hiện dự án.

d) *Tính phức hợp*: Nội dung dự án có sự kết hợp tri thức của nhiều lĩnh vực hoặc môn học khác nhau nhằm giải quyết một vấn đề mang tính phức hợp.

đ) *Định hướng hành động*: Trong quá trình thực hiện dự án có sự kết hợp giữa nghiên cứu lý thuyết và vận dụng lý thuyết vào trong hoạt động thực tiễn, thực hành. Thông qua đó, kiểm tra, củng cố, mở rộng hiểu biết lý thuyết cũng như rèn luyện kỹ năng hành động, kinh nghiệm thực tiễn của học sinh.

e) *Tính tự lực cao của học sinh*: Trong dạy học dự án, học sinh cần tham gia tích cực và tự lực vào các giai đoạn của quá trình dạy học. Điều đó cũng đòi hỏi và khuyến khích tính trách nhiệm, sự sáng tạo của học sinh. Giáo viên chủ yếu đóng vai trò tư vấn, hướng dẫn, giúp đỡ. Tuy nhiên mức độ tự lực cần phù hợp với kinh nghiệm, khả năng của học sinh và mức độ khó khăn của nhiệm vụ.

g) *Cộng tác làm việc*: Các dự án học tập thường được thực hiện theo nhóm, trong đó có sự cộng tác làm việc và sự phân công công việc giữa các thành viên trong nhóm. Dạy học dự án đòi hỏi và rèn luyện tính sẵn sàng và kỹ năng cộng tác làm việc giữa các thành viên tham gia, giữa học sinh và giáo viên cũng như với các lực lượng xã hội khác tham gia trong dự án. Đặc điểm này còn được gọi là học tập mang tính xã hội.

h) Định hướng sản phẩm: Trong quá trình thực hiện dự án, các sản phẩm được tạo ra. Sản phẩm của dự án không giới hạn trong những thu hoạch lý thuyết, mà trong đa số trường hợp các dự án học tập tạo ra những sản phẩm vật chất của hoạt động thực tiễn, thực hành. Những sản phẩm này có thể sử dụng, công bố, giới thiệu.

2.3.3. Các dạng của dạy học theo dự án

Dạy học theo dự án có thể được phân loại theo nhiều phương diện khác nhau. Sau đây là một số cách phân loại dạy học theo dự án:

a) Phân loại theo chuyên môn

- Dự án trong một môn học: trọng tâm nội dung nằm trong một môn học.
- Dự án liên môn: trọng tâm nội dung nằm ở nhiều môn khác nhau.
- Dự án ngoài môn học: Là các dự án không phụ thuộc trực tiếp vào các môn học, ví dụ dự án chuẩn bị cho các lễ hội trong trường.

b) Phân loại theo sự tham gia của học sinh: Dự án cho nhóm học sinh, dự án cá nhân. Dự án dành cho nhóm học sinh là hình thức dự án dạy học chủ yếu.

c) Phân loại theo sự tham gia của giáo viên: dự án dưới sự hướng dẫn của một giáo viên, dự án với sự cộng tác hướng dẫn của nhiều giáo viên.

d) Phân loại theo quỹ thời gian: Có thể phân chia như sau:

- Dự án nhỏ: thực hiện trong một số giờ học, có thể từ 2-6 giờ học.
- Dự án trung bình: dự án trong một hoặc một số ngày, nhưng giới hạn là một tuần hoặc 40 giờ học.
- Dự án lớn: dự án thực hiện với quỹ thời gian lớn, tối thiểu là một tuần (hay 40 giờ học), có thể kéo dài nhiều tuần.

đ) Phân loại theo nhiệm vụ

Dựa theo nhiệm vụ trọng tâm của dự án, có thể phân loại các dự án theo các dạng sau:

- Dự án tìm hiểu: là dự án khảo sát thực trạng đối tượng.
- Dự án nghiên cứu: nhằm giải quyết các vấn đề, giải thích các hiện tượng, quá trình.
- Dự án thực hành: có thể gọi là dự án kiến tạo sản phẩm, trọng tâm là việc tạo ra các sản phẩm vật chất hoặc thực hiện một kế hoạch hành động thực tiễn, nhằm thực hiện những nhiệm vụ như trang trí, trưng bày, biểu diễn, sáng tác.
- Dự án hỗn hợp: là các dự án có nội dung kết hợp các dạng nêu trên.

Các loại dự án trên không hoàn toàn tách biệt với nhau. Trong từng lĩnh vực chuyên môn có thể phân loại các dạng dự án theo đặc thù riêng.

2.3.4. Tiến trình thực hiện dạy học theo dự án

Dựa trên cấu trúc của tiến trình phương pháp, người ta có thể chia cấu trúc của dạy học theo dự án làm nhiều giai đoạn nhỏ hơn. Sau đây trình bày một cách phân chia các giai đoạn của dạy học theo dự án theo 5 giai đoạn.

a) Chọn đề tài và xác định mục đích của dự án: Giáo viên và học sinh cùng nhau đề xuất, xác định đề tài và mục đích của dự án. Cần tạo ra một tình huống xuất phát, chứa đựng một vấn đề, hoặc đặt một nhiệm vụ cần giải quyết, trong đó chú ý đến việc liên hệ với hoàn cảnh thực tiễn xã hội và đời sống. Cần chú ý đến hứng thú của học sinh cũng như ý nghĩa xã hội của đề tài. Giáo viên có thể giới thiệu một số hướng đề tài để học sinh lựa chọn và cụ thể hoá. Trong trường hợp thích hợp, sáng kiến về việc xác định đề tài có thể xuất phát từ phía học sinh. Giai đoạn này được mô tả thành hai giai đoạn là đề xuất sáng kiến và thảo luận sáng kiến.

b) Xây dựng kế hoạch thực hiện: Trong giai đoạn này học sinh với sự hướng dẫn của giáo viên xây dựng đề cương cũng như kế hoạch cho việc thực hiện dự án. Trong việc xây dựng kế hoạch cần xác định những công việc cần làm, thời gian dự kiến, vật liệu, kinh phí, phương pháp tiến hành và phân công công việc trong nhóm.

c) Thực hiện dự án: Các thành viên thực hiện công việc theo kế hoạch đã đề ra cho nhóm và cá nhân. Trong giai đoạn này học sinh thực hiện các hoạt động trí tuệ và hoạt động thực tiễn, thực hành, những hoạt động này xen kẽ và tác động qua lại lẫn nhau. Kiến thức lý thuyết, các phương án giải quyết vấn đề được thử nghiệm qua thực tiễn. Trong quá trình đó sản phẩm của dự án và thông tin mới được tạo ra.

d) Thu thập kết quả và công bố sản phẩm: Kết quả thực hiện dự án có thể được viết dưới dạng thu hoạch, báo cáo,... Trong nhiều dự án các sản phẩm vật chất được tạo ra qua hoạt động thực hành. Sản phẩm của dự án cũng có thể là những hành động phi vật chất, chẳng hạn việc biểu diễn một vở kịch, việc tổ chức một sinh hoạt nhằm tạo ra các tác động xã hội. Sản phẩm của dự án có thể được trình bày giữa các nhóm học sinh, có thể được giới thiệu trong nhà trường hay ngoài xã hội.

đ) Đánh giá dự án: Giáo viên và học sinh đánh giá quá trình thực hiện và kết quả cũng như kinh nghiệm đạt được. Từ đó rút ra những kinh nghiệm cho việc thực hiện các dự án tiếp theo. Kết quả của dự án cũng có thể được đánh giá từ bên ngoài. Hai giai đoạn cuối này cũng có thể được mô tả chung thành giai đoạn kết thúc dự án.

Việc phân chia các giai đoạn trên đây chỉ mang tính chất tương đối. Trong thực tế chúng có thể xen kẽ và thâm nhập lẫn nhau. Việc tự kiểm tra, điều chỉnh cần được thực hiện trong tất cả các giai đoạn của dự án. Với những dạng dự án khác nhau có thể xây dựng cấu trúc chi tiết riêng phù hợp với nhiệm vụ dự án. Giai đoạn 4 và 5 cũng thường được mô tả chung thành một giai đoạn (giai đoạn kết thúc dự án).

Như vậy, dạy học dự án là một hình thức dạy học quan trọng để thực hiện quan điểm dạy học định hướng vào người học, quan điểm dạy học định hướng hoạt động và quan điểm dạy học tích hợp. Dạy học dự án góp phần gắn lý thuyết với thực hành, tư duy và hành động, nhà trường và xã hội, tham gia tích cực vào việc phát triển năng lực làm việc tự lực, năng lực sáng tạo, năng lực giải quyết các vấn đề phức hợp, tinh thần trách nhiệm và khả năng cộng tác làm việc của học sinh. Những đặc trưng và ưu điểm của dạy học dự án rất phù hợp với đặc trưng của mô hình trường học mới THCS.

Để tận dụng những ưu điểm của dạy học dự án vào mô hình trường học mới THCS, đồng thời giúp học sinh làm quen dần với hoạt động nghiên cứu khoa học dành cho học sinh trung học, giáo viên bộ môn cần xây dựng một số dự án học tập (tối thiểu 2 dự án/phân môn/lớp), tập trung vào các chủ đề liên môn với nội dung giáo dục liên quan đến các vấn đề thời sự của địa phương, đất nước, ví dụ: Giáo dục đạo đức, pháp luật; Bảo vệ và sử dụng hiệu quả các nguồn nước; Biến đổi khí hậu và phòng chống thiên tai; Bảo vệ và phát triển bền vững môi trường sống; Giới và bình đẳng giới; An toàn giao thông; Sử dụng năng lượng hiệu quả; Ứng dụng kiến thức, kỹ năng trong chương trình học vào thực tiễn; ... Trong tài liệu hướng dẫn giáo viên có gợi ý một số dự án dạy học để giáo viên tham khảo xây dựng các dự án dạy học của môn học/HĐGD. Tùy điều kiện thực tế, các bài học theo dự án này được bổ sung vào kế hoạch dạy học và hoạt động giáo dục của nhà trường.

2.4. Đánh giá trong quá trình tổ chức hoạt động dạy học

Trong quá trình tổ chức hoạt động học của học sinh, các sản phẩm học tập được nhận xét, đánh giá, chia sẻ dưới nhiều hình thức. Sau mỗi hoạt động học, học sinh cần phải hoàn thành một sản phẩm học tập, báo cáo với giáo viên để được nhận xét, đánh giá.

- Hình thức đánh giá trong quá trình hoạt động học trên lớp chủ yếu là nhận xét bằng lời, đồng thời gợi ý, hướng dẫn để học sinh tiếp tục hoàn thiện sản phẩm học tập và học tiếp. Khi giáo viên nhận xét bằng lời, cần lưu ý rèn luyện cho học sinh thói quen ghi chép lại những lời nhận xét đó vào vở để hoàn thiện sản phẩm học tập, đồng thời để sử dụng trong quá trình ôn tập về sau.

- Đối với một số học sinh đặc biệt (học sinh có quá trình hoạt động học và đạt được kết quả tốt hoặc học sinh còn yếu, kém) thì giáo viên có thể ghi trực tiếp những lời nhận xét, đánh giá và vở của học sinh, để vừa động viên, nhắc nhở học sinh, vừa phối hợp với gia đình trong việc động viên, giúp đỡ học sinh tiến bộ.

- Trong các hoạt động học, nhất là hoạt động "Luyện tập", sản phẩm học tập của học sinh có thể là kết quả thí nghiệm; câu trả lời cho các câu hỏi định tính; lời giải cho các bài tập định lượng; lời lập luận, giải thích cho các ứng dụng thực tiễn..., giáo viên có thể nhận xét, đánh giá mức độ hoàn thành đồng thời gợi ý, định hướng để học sinh tiếp tục hoàn thiện. Trong giai đoạn đầu, khi học sinh chưa quen với việc chỉ được đánh giá thường xuyên bằng nhận xét, giáo viên cũng có thể cho điểm kèm theo để học sinh biết được mức độ hoàn thành bài luyện tập của mình. Tuy nhiên, cần thông báo cho học sinh biết điểm này sẽ không sử dụng khi đánh giá kết quả học tập của học sinh trong môn học. Kết quả học tập môn học được ghi nhận theo hướng dẫn trong mục Đ.

- Ngoài việc được đánh giá, nhận xét, các sản phẩm học tập của học sinh, bao gồm sản phẩm hoạt động học trên lớp và nhất là các sản phẩm học tập ở nhà và cộng đồng (Hoạt động vận dụng và Hoạt động tìm tòi, mở rộng), các dự án học tập... cần được chia sẻ cho đông đảo học sinh trong lớp bằng nhiều hình thức như: tổ chức báo cáo và thảo luận trên lớp; đưa vào góc học tập, góc thư viện; giao nhiệm vụ cho học sinh trong lớp tìm đọc, lựa chọn và nhận xét các sản phẩm học tập của bạn...

Với việc tổ chức như trên, ngoài việc thực hiện được mục tiêu tăng cường hoạt động tự chủ, tự lực, sáng tạo của học sinh trong học tập trong lớp, trong trường, ngoài trường; tạo không khí thi đua học tập giữa các học sinh với nhau; đồng thời tạo được mối quan hệ chặt chẽ giữa giáo viên - học sinh, học sinh - học sinh, gia đình - nhà trường - xã hội như chúng ta hằng mong muốn.

II. TỔ CHỨC LỚP HỌC

1. Số lượng học sinh/lớp và số buổi học/tuần

1.1. Số lượng học sinh/lớp thực hiện theo quy định tại Điều lệ Trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học, ban hành kèm theo Thông tư số 12/2011/TT-BGiáo dục và Đào tạo ngày 28/3/2011 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, tối đa là 45 học sinh/lớp. Khuyến khích các trường tùy theo điều kiện thực tế giảm số học sinh/lớp để tạo điều kiện thuận lợi cho việc tổ chức dạy học theo mô hình trường học mới.

1.2. Chương trình dạy học theo mô hình trường học mới THCS được thiết kế cho đối tượng học sinh học 1 buổi/ngày. Khuyến khích các trường dạy hơn 6 buổi/tuần bằng các biện pháp tăng cường tổ chức các hoạt động trải nghiệm sáng tạo ngoài lớp học. Việc tổ chức dạy học hơn 6 buổi/tuần cho các lớp học mô hình trường học mới (nếu có) được vận dụng theo hướng dẫn tại Công văn số 7291/BGDĐT-GDTrH ngày 01/11/2010 của Bộ Giáo dục và Đào tạo một cách phù hợp.

2. Bố trí giáo viên giảng dạy

Việc phân công giáo viên chủ nhiệm lớp và giáo viên bộ môn về cơ bản được thực hiện theo quy định hiện hành. Trong thời gian trước mắt, việc dạy học các chủ đề thuộc phân môn trong các môn học tích hợp (Vật lí, Hóa học, Sinh học trong môn Khoa học Tự nhiên; Lịch sử, Địa lý trong môn Khoa học Xã hội; Âm nhạc, Mỹ thuật, Thể dục trong môn Hoạt động giáo dục) do giáo viên bộ môn hiện nay đảm nhận. Đối với các chủ đề tích hợp, các tổ/nhóm chuyên môn thảo luận, tham mưu để Hiệu trưởng lựa chọn phân công giáo viên thực hiện, nếu có chủ đề chung của các phân môn thì phân công giáo viên có điều kiện thuận lợi nhất giảng dạy. Thông qua việc triển khai thí điểm mô hình trường học mới và qua sinh hoạt tổ/nhóm chuyên môn, giáo viên được bồi dưỡng để tiến tới mỗi giáo viên có thể đảm nhận nhiều phân môn trong một môn học.

3. Về bố trí cơ sở vật chất, trang thiết bị

Các lớp học theo mô hình trường học mới cần được ưu tiên sử dụng các trang thiết bị thí nghiệm, học liệu, thư viện, phòng học bộ môn, phòng học ngoại ngữ... để tổ chức các hoạt động học tập. Căn cứ vào tiến trình dạy học của từng chủ đề cụ thể theo tài liệu Hướng dẫn học của môn học/HĐGD, giáo viên đăng kí sử dụng thiết bị dạy học, học liệu, các phòng thí nghiệm, phòng học bộ môn, phòng học ngoại ngữ..., đồng thời động viên giáo viên, học sinh tự làm đồ dùng dạy học để tổ chức các hoạt động học tương ứng cho học sinh.

4. Tổ chức các hoạt động học của học sinh

4.1. Các hình thức hoạt động học của học sinh

a) Hoạt động cá nhân: Loại hoạt động này yêu cầu học sinh thực hiện các bài tập/nhiệm vụ một cách độc lập nhằm tăng cường khả năng làm việc độc lập của học sinh. Nó diễn ra khá phổ biến, đặc biệt là với các bài tập/nhiệm vụ có yêu cầu khám phá, sáng tạo hoặc rèn luyện đặc thù. Giáo viên cần đặc biệt coi trọng hoạt động cá nhân vì nếu thiếu nó, nhận thức của học sinh sẽ không đạt tới mức độ sâu sắc và chắc chắn cần thiết, cũng như các kĩ năng sẽ không được rèn luyện một cách tập trung.

b) Hoạt động cặp đôi và hoạt động nhóm: Loại hoạt động này nhằm giúp học sinh phát triển năng lực hợp tác, tăng cường sự chia sẻ và tính cộng đồng. Thông thường, hình thức hoạt động cặp đôi được sử dụng trong những trường hợp các bài tập/nhiệm vụ cần sự chia sẻ, hợp tác trong nhóm nhỏ gồm 2 em. Ví dụ: kể cho nhau nghe, nói với nhau một nội dung nào đó, đổi bài cho nhau để đánh giá chéo,...; còn hình thức hoạt động nhóm (từ 3 em trở lên) được sử dụng trong trường hợp tương tự, nhưng nghiêng về sự hợp tác, thảo luận với số lượng thành viên nhiều hơn.

c) Hoạt động chung cả lớp: Hình thức hoạt động này phù hợp với số đông học sinh, nhằm tăng cường tính cộng đồng, giáo dục tinh thần đoàn kết, sự chia sẻ, tinh thần chung sống hài hoà. Hoạt động chung cả lớp thường được vận dụng trong các tình huống sau: nghe giáo viên hướng dẫn chung; nghe giáo viên nhắc nhở, tổng kết, rút kinh nghiệm; học sinh luyện tập trình bày miệng trước tập thể lớp... Khi tổ chức hoạt động chung cả lớp, giáo viên tránh biến giờ học thành giờ nghe thuyết giảng hoặc vấn đáp vì như vậy sẽ làm giảm hiệu quả và sai mục đích của hình thức hoạt động này.

d) Hoạt động với cộng đồng: Hoạt động với cộng đồng là hình thức hoạt động của học sinh trong mối tương tác với xã hội, bao gồm các hình thức, từ đơn giản như: nói chuyện với bạn bè, hỏi người thân trong gia đình,... đến những hình thức phức tạp hơn như: tham gia bảo vệ môi trường, tìm hiểu các di tích văn hoá, lịch sử ở địa phương, tham gia các dự án cộng đồng...

4.2. Tiến trình hoạt động nhóm

Ở các lớp học theo mô hình trường học mới, học sinh ngồi học theo nhóm. Tuy nhiên, không phải lúc nào học sinh cũng hoạt động theo nhóm. Học sinh vẫn phải làm việc cá nhân, theo cặp trong nhóm. Các hình thức làm việc trong nhóm được thay đổi thường xuyên căn cứ vào yêu cầu của tài liệu Hướng dẫn học và của thiết kế hoạt động của giáo viên.

a) Làm việc cá nhân: Trước khi tham gia phối hợp với bạn học trong các nhóm nhỏ, cá nhân luôn có một khoảng thời gian với các hoạt động để tự lĩnh hội kiến thức, chuẩn bị cho các hoạt động đóng vai hay thảo luận trong nhóm. Phổ biến nhất có thể kể đến các hoạt động như đọc mục tiêu bài học, đọc văn bản, giải bài toán để tìm kết quả,...

Cá nhân làm việc độc lập nhưng vẫn có thể tranh thủ hỏi hay trả lời bạn trong nhóm, vẫn thực hiện các yêu cầu của của nhóm trưởng (nếu có) để phục vụ cho các hoạt động cá nhân.

Tần suất của các hoạt động cá nhân trong nhóm rất lớn và chiếm ưu thế hơn so với các hoạt động khác. Làm việc cá nhân giúp học sinh có thời gian tập trung tự nghiên

cứu, tự khám phá kiến thức, tự chuẩn bị những gì cần thiết trước khi sử dụng nó để có những hoạt động khác cùng cả nhóm. Trong quá trình làm việc cá nhân, gặp những gì không hiểu, học sinh có thể hỏi bạn ngồi cạnh hoặc nêu ra trong nhóm để các thành viên khác cùng trao đổi và nếu nhóm không giải quyết được vấn đề thì nhóm trưởng có thể nhờ giáo viên hỗ trợ.

b) Làm việc theo cặp (2 học sinh): Tùy theo hoạt động học tập, có lúc học sinh sẽ làm việc theo cặp trong nhóm. Giáo viên lưu ý cách chia nhóm sao cho không học sinh nào bị lẻ khi hoạt động theo cặp. Nếu không, giáo viên phải cho đan chéo giữa các nhóm để đảm bảo tất cả học sinh đều được làm việc. Làm việc theo cặp rất phù hợp với các công việc như: kiểm tra dữ liệu, giải thích, chia sẻ thông tin; thực hành kỹ năng giao tiếp cơ bản (ví dụ như nghe, đặt câu hỏi, làm rõ một vấn đề), đóng vai.

Làm việc theo cặp sẽ giúp học sinh tự tin và tập trung tốt vào công việc nhóm. Quy mô nhỏ này cũng là nền tảng cho sự chia sẻ và hợp tác trong nhóm lớn hơn sau này.

c) Làm việc chung cả nhóm: Trong các giờ học của trường học mới luôn có các hoạt động cả nhóm cùng hợp tác. Ví dụ, sau khi học sinh tự đọc một câu chuyện, trưởng nhóm sẽ dẫn dắt các bạn trao đổi về một số vấn đề của câu chuyện đó; hoặc sau khi một cá nhân trong nhóm đã đưa ra kết quả của một bài toán, nhóm sẽ cùng trao đổi nhận xét, bổ sung về cách giải bài toán đó; hoặc là học sinh trong nhóm sẽ cùng thực hiện một dự án nhỏ với sự chuẩn bị và phân chia công việc rõ ràng;... Nhóm là hình thức học tập phát huy rất tốt khả năng sáng tạo nên hình thức này để phù hợp với các hoạt động cần thu thập ý kiến và phát huy sự sáng tạo. Điều quan trọng là phải giúp học sinh cần phải biết mình làm gì và làm như thế nào khi tham gia làm việc nhóm.

d) Làm việc cả lớp: Khi học sinh có nhiều ý kiến khác nhau xung quanh một vấn đề hoặc có những khó khăn mà nhiều học sinh không thể vượt qua, giáo viên có thể dừng công việc của các nhóm lại để tập trung cả lớp làm sáng tỏ các vấn đề còn băn khoăn hoặc bàn cãi. Lưu ý rằng những tình huống như vậy không xuất hiện thường xuyên trong lớp học.

Như vậy, việc lựa chọn hình thức làm việc nào: cá nhân, cặp đôi, nhóm hay cả lớp đều phụ thuộc vào yêu cầu của các loại hình hoạt động và luyện tập. Tài liệu Hướng dẫn học chỉ là một gợi ý cho việc tổ chức các hình thức hợp tác này, giáo viên cần lưu ý là không phải luôn tuân theo một cách máy móc thiết kế có sẵn của tài liệu. Tùy vào tình hình chung của cả lớp và thiết kế của cá nhân, giáo viên có sự thay đổi, ứng dụng linh động và phù hợp, đảm bảo tính hiệu quả cho bài học và sự hứng thú cho học sinh.

Cần tránh dạy học đồng loạt theo hướng định lượng thời gian, bắt học sinh theo kịp tiến độ một cách khiên cưỡng, thông báo chung hoặc ghi các nội dung trên bảng

trong khi hầu hết học sinh đã hiểu và làm được; chốt kiến thức trong từng phần nhỏ; cho học sinh giơ tay phát biểu quá nhiều gây mất thời gian; thay vì dạy cả lớp như hiện hành thì lại dạy cho nhiều nhóm nên việc giảng giải lặp đi lặp lại ở các nhóm khác nhau; sử dụng câu hỏi phát vấn nhiều và vụn vặt...

4.3. Vai trò của các thành viên trong hoạt động nhóm

Để tránh việc tổ chức hoạt động nhóm mang tính hình thức. Trong khi thảo luận nhóm, cần phân rõ vai trò của cá nhân, nhóm trưởng, giáo viên. Cụ thể là:

a) Cá nhân: tự đọc, suy nghĩ, giải quyết nhiệm vụ, có thể hỏi các bạn trong nhóm về những điều mình chưa hiểu; khi các bạn cũng gặp khó khăn như mình thì yêu cầu sự trợ giúp của giáo viên; thực hiện các yêu cầu của nhóm trưởng và yêu cầu của giáo viên.

b) Nhóm trưởng: thực hiện các nhiệm vụ của cá nhân như những bạn khác; bao quát nhóm xem các bạn có khó khăn gì không; phân công các bạn giúp đỡ nhau; tổ chức cho cả nhóm thảo luận những vấn đề khó khăn; thay mặt nhóm để liên hệ với giáo viên và xin trợ giúp; báo cáo tiến trình học tập nhóm; điều hành chốt kiến thức trong nhóm. Nhóm trưởng tạo cơ hội để mọi thành viên tự giác trong tự học, tích cực tham gia các hoạt động nhóm. Đối với các bạn nhút nhát thiếu tự tin, cần được khuyến khích nói nhiều, trao đổi nhiều, thể hiện nhiều trong hoạt động nhóm. Không để tình trạng một số thành viên làm thay, làm hộ các thành viên khác trong nhóm. Giáo viên lưu ý phân công học sinh luân phiên nhau làm nhóm trưởng.

c) Thư kí của nhóm: thực hiện các nhiệm vụ của cá nhân như các bạn khác; là người ghi chép hoặc vẽ lại những nội dung trao đổi hoặc kết quả công việc của nhóm. Việc ghi chép này giúp nhóm tổng hợp công việc mình đã thực hiện, trao đổi với các nhóm khác hoặc chia sẻ trước cả lớp. Để việc tổng hợp ý kiến, công việc của nhóm được thú vị và hấp dẫn, giáo viên có thể cùng các em sáng tạo ra nhiều hình thức trình bày như tranh hoá hoặc sơ đồ hoá với các hình ảnh ngộ nghĩnh. Thư kí còn là người đánh dấu vào bảng tiến độ công việc để giúp nhóm trưởng báo cáo giáo viên. Giáo viên lưu ý phân công học sinh luân phiên nhau làm thư kí.

4.4. Vai trò của giáo viên trong tổ chức hoạt động nhóm

- Chọn luân phiên các nhóm trưởng, thư kí nhóm để giúp giáo viên triển khai các hoạt động học tập.

- Xác định và phân công nhiệm vụ cho các nhóm một cách cụ thể và rõ ràng.

- Đứng ở vị trí thuận lợi để dễ dàng quan sát các nhóm học sinh làm việc và có thể hỗ trợ kịp thời cho các nhóm. Không nên dành thời gian làm việc ở một nhóm quá lâu, đứng một chỗ ở khu vực bàn giáo viên.

- Giúp đỡ học sinh, gợi mở để học sinh phát huy tìm tòi kiến thức mới, hỗ trợ cho cả lớp, hướng dẫn học sinh báo cáo sản phẩm. Khi cần tạo tình huống để học tập, giáo viên có thể gọi học sinh còn yếu; khi cần biểu dương khích lệ học tập, giáo viên có thể gọi học sinh khá giỏi thay mặt nhóm để báo cáo; giao thêm nhiệm vụ cho những học sinh hoàn thành trước nhiệm vụ (giao thêm bài tập hoặc yêu cầu hướng dẫn các bạn khác...).

- Vừa hướng dẫn học tập cho một nhóm, vừa kết hợp quan sát, đánh giá và thúc đẩy các nhóm khác làm việc. Việc chỉ định học sinh phát biểu, trình bày báo cáo ... phải được cân nhắc phù hợp với nội dung hoạt động, đối tượng học sinh, không tập trung vào một số học sinh trong lớp, trong nhóm.

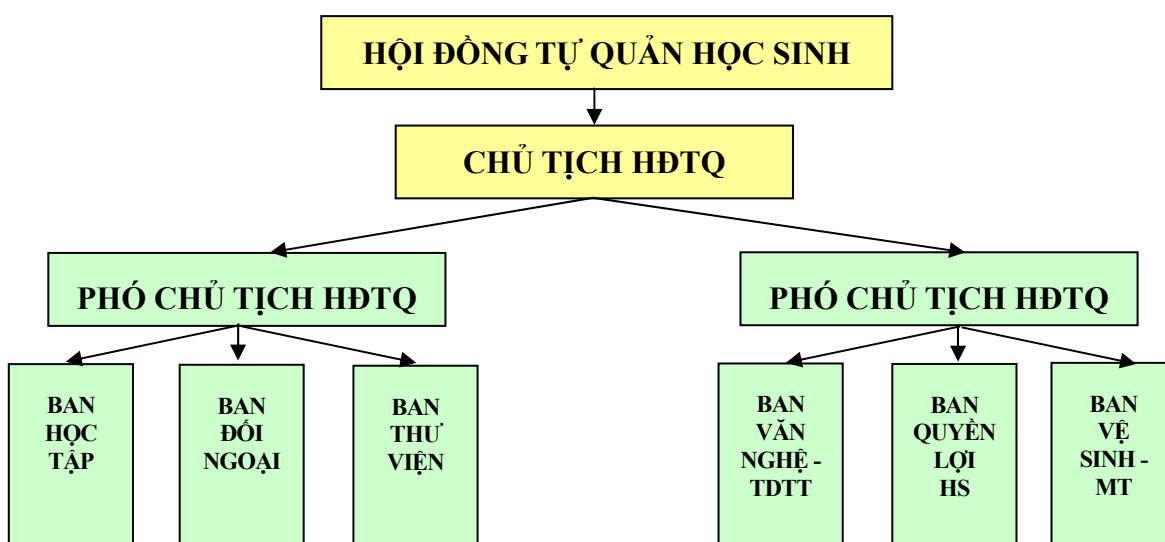
- Tránh dạy học đồng loạt theo hướng định lượng thời gian. Học sinh hoặc nhóm học sinh đã hoàn thành nhiệm vụ của một hoạt động nào đó, trong khi chưa hết giờ giáo viên giao thêm nhiệm vụ học tập hoặc nhiệm vụ giúp các bạn khác, nhóm bạn khác chưa hoàn thành.

- Việc trợ giúp học sinh cần có độ sâu, giao nhiệm vụ cần cụ thể chi tiết, phân phối thời gian hợp lí, linh hoạt để trợ giúp cho học sinh. Cần huy động được sự trợ giúp của học sinh khá giỏi, các nhóm đã hoàn thành nhiệm vụ trong lớp để trợ giúp học sinh và các nhóm chậm hơn, yếu hơn.

5. Hội đồng tự quản học sinh

5.1. Giới thiệu về Hội đồng tự quản học sinh

Cơ cấu tổ chức của Hội đồng tự quản học sinh như sau:



Hội đồng tự quản học sinh là một tổ chức của học sinh, do học sinh thành lập ở từng lớp dưới sự hướng dẫn của giáo viên chủ nhiệm và cha mẹ học sinh để tổ chức các hoạt động học tập, vui chơi của chính các em đồng thời quản lí, giám sát, điều chỉnh các hoạt động đó; bảo đảm cho các em tham gia một cách dân chủ và tích cực vào đời sống học đường; khuyến khích các em tham gia một cách toàn diện vào các hoạt động của nhà trường và phát triển lòng khoan dung, sự tôn trọng, bình đẳng, tinh thần hợp tác và đoàn kết cho học sinh.

Tổ chức Hội đồng tự quản học sinh là một biện pháp giáo dục nhằm thúc đẩy sự phát triển về đạo đức, tình cảm và xã hội của học sinh thông qua những kinh nghiệm hoạt động thực tế của học sinh trong nhà trường và mối quan hệ với những người xung quanh.

Tham gia Hội đồng tự quản học sinh, học sinh sẽ có những tiến bộ rõ rệt về khả năng tự ý thức, lòng tự trọng, tính tự tin, các hành vi cư xử tôn trọng và bình đẳng giữa học sinh nam và học sinh nữ; phát triển kĩ năng ra quyết định, kĩ năng hợp tác và kĩ năng lãnh đạo đồng thời cũng chuẩn bị cho các em ý thức trách nhiệm khi thực hiện những quyền và bổn phận của mình.

5.2. Quy trình thành lập Hội đồng tự quản học sinh

a) Chuẩn bị thành lập Hội đồng tự quản học sinh

Quá trình tiến hành thành lập Hội đồng tự quản học sinh nhất thiết phải có sự tham gia của giáo viên chủ nhiệm và cha mẹ học sinh với vai trò là người cố vấn khích lệ, hỗ trợ, giám sát và cung cấp nguồn lực cho các em. Giáo viên chủ nhiệm cần thông báo trước cho cha mẹ học sinh về việc thành lập Hội đồng tự quản học sinh để bất kì mối lo ngại, băn khoăn nào cũng sẽ được nêu lên ngay từ đầu chứ không phải trong một vài tuần đầu khi Hội đồng tự quản học sinh đã đi vào hoạt động, bởi vì những tuần đầu tiên là thời điểm mà hoạt động của Hội đồng tự quản học sinh dễ bị “trục trặc” nhất. Giáo viên chủ nhiệm cũng phải chuẩn bị để thích ứng dần với vai trò hỗ trợ, định hướng của mình, khi học sinh được tin tưởng trao quyền chủ động hơn.

Học sinh nên được tạo cơ hội thảo luận cùng nhau về các vấn đề thế nào là Hội đồng tự quản học sinh? Mục đích thành lập Hội đồng tự quản học sinh là gì? Vì sao học sinh nên tham gia Hội đồng tự quản học sinh? Những lợi ích có thể có của Hội đồng tự quản học sinh tới cuộc sống của chính các em trong nhà trường? Những vai trò, trách nhiệm mà các em sẽ gánh vác?

Giáo viên chủ nhiệm cùng học sinh trao đổi về kế hoạch hoạt động (nội dung, cách thức hoạt động) của Hội đồng tự quản học sinh; các ban chuyên trách có thể thành

lập và nhiệm vụ của các ban; tiêu chuẩn học sinh được tham gia vào các ban; kế hoạch bầu cử,...

b) Tiến hành sinh hoạt tập thể để tổ chức bầu Hội đồng tự quản học sinh

b1. Hoạt động chuẩn bị cho việc bầu cử Hội đồng tự quản học sinh

Sau khi đã hoàn thành bước chuẩn bị về tư tưởng cho học sinh, giáo viên chủ nhiệm cùng học sinh thảo luận về cơ cấu của Hội đồng tự quản học sinh. Thông thường là 1 chủ tịch, 2 phó chủ tịch. Tuy nhiên, số lượng phó chủ tịch có thể khác nhau tùy vào đặc điểm của từng lớp. Với sự định hướng của giáo viên chủ nhiệm, học sinh trao đổi về những phẩm chất, năng lực cần có của các ban trong Hội đồng tự quản học sinh. Giáo viên chủ nhiệm lưu ý sử dụng những ngôn từ đơn giản, dễ hiểu cho học sinh.

Sau đó, học sinh lập danh sách ứng cử (những học sinh tự nguyện đăng kí) và danh sách đề cử (những bạn được các bạn khác tín nhiệm giới thiệu).

Học sinh tiến hành bầu ban kiểm phiếu gồm trưởng ban và một số các thành viên tùy vào số lượng học sinh của lớp. Giáo viên chủ nhiệm lưu ý hướng dẫn kĩ cách làm việc của ban kiểm phiếu: chuẩn bị phiếu bầu (có thể phải có dấu hiệu gì đó để đảm bảo là phiếu của ban kiểm phiếu phát ra như chữ kí của trưởng ban kiểm phiếu hay của giáo viên chủ nhiệm), cách ghi phiếu bầu, kiểm phiếu bầu, công bố kết quả kiểm phiếu.

Các ứng viên sẽ có thời gian để chuẩn bị phần tranh cử của mình. Đây là một hoạt động quan trọng nhằm tạo điều kiện cho học sinh được cảm thấy sự dân chủ, công bằng, bình đẳng và được học cách thuyết trình trước đám đông. Học sinh có thể nhờ tới sự tư vấn, hỗ trợ của giáo viên chủ nhiệm, cha mẹ học sinh và các bạn học trong việc chuẩn bị tranh cử. Bài tranh cử của học sinh cần có những nội dung như: Giới thiệu về bản thân, những mong muốn của em về lớp học, những việc em sẽ làm nếu em trở thành Chủ tịch Hội đồng tự quản học sinh,... Những lời hứa này phải khả thi.

Với sự hỗ trợ của giáo viên chủ nhiệm, một học sinh sẽ được hướng dẫn trước để điều khiển quá trình bầu cử.

b2. Tổ chức bầu cử Hội đồng tự quản học sinh

Việc tổ chức bầu Hội đồng tự quản học sinh cần được tiến hành đúng quy trình, dân chủ, tự nguyện và hấp dẫn như một ngày hội.

- Bầu Chủ tịch và Phó chủ tịch Hội đồng tự quản học sinh:

Học sinh điều khiển quá trình bầu cử thông qua nội dung hoạt động của Hội đồng tự quản học sinh và tiêu chuẩn nhân sự.

Các ứng viên sẽ lần lượt tranh cử bằng các bài thuyết trình đã được chuẩn bị trước. Giáo viên chủ nhiệm lưu ý không để học sinh cầm giấy đọc mà để các em chủ động thể hiện khả năng thuyết trình của mình.

Sau khi các ứng viên đã thuyết trình xong, ban kiểm phiếu làm việc (phát phiếu bầu, thu phiếu, kiểm phiếu). Các học sinh có số phiếu cao nhất từ trên xuống sẽ trúng cử vào vị trí Chủ tịch, Phó chủ tịch Hội đồng tự quản học sinh. Chủ tịch, các Phó chủ tịch Hội đồng tự quản học sinh ra mắt cả lớp.

- Thành lập các ban chuyên trách:

Chủ tịch và các Phó chủ tịch Hội đồng tự quản học sinh giới thiệu với cả lớp về mục đích thành lập các ban chuyên trách như: Ban học tập; Ban thư viện; Ban văn nghệ, thể thao; Ban đối ngoại; Ban vệ sinh; Ban hoà giải,... và nhiệm vụ của mỗi ban.

Sau khi cả lớp đã thống nhất và quyết định thành lập một số ban nào đó trong lớp, Chủ tịch hoặc Phó chủ tịch cho các bạn trong lớp tự nguyện đăng kí tham gia các ban. Nên khuyến khích mỗi học sinh trong lớp đều tham gia ít nhất một ban. Với những học sinh không đăng kí tham gia một ban nào, giáo viên chủ nhiệm có thể dành thời gian để tìm hiểu sở thích, nguyện vọng của các em đó để tư vấn đúng hướng hoặc nhờ tới sự trợ giúp của cha mẹ học sinh và các bạn trong lớp. Trong trường hợp vẫn còn một số học sinh do nhút nhát không tự đăng kí vào bất cứ ban nào, giáo viên chủ nhiệm có thể thành lập riêng một ban dành cho các em và gọi là Ban hỗ trợ giáo viên chủ nhiệm. Giáo viên chủ nhiệm cần trực tiếp hỗ trợ, động viên và tổ chức cho học sinh, cho cha mẹ học sinh giúp đỡ từng em trong Ban, tạo điều kiện cho từng em làm giúp thầy cô một số công việc trên lớp để các em mạnh dạn dần, đến khi các em chủ động đăng kí vào một ban nào đó.

Sau khi học sinh đã đăng kí xong vào các ban, Chủ tịch và Phó chủ tịch Hội đồng tự quản học sinh cùng giáo viên chủ nhiệm thống nhất danh sách các ban, có thể vận động một số học sinh chuyển sang ban khác nếu cần thiết để có sự điều chỉnh hợp lí đối với từng ban. Tiếp theo, các ban sẽ tổ chức bầu Trưởng ban. Dưới sự điều khiển của Trưởng ban, các thành viên cùng lập kế hoạch hành động và phân công nhiệm vụ cụ thể theo nguyên tắc tất cả các thành viên trong ban cùng tham gia hoạt động. Để giúp các ban hoạt động hiệu quả, mỗi ban nên có sự hỗ trợ, tư vấn của cha mẹ học sinh và giáo viên chủ nhiệm. Lưu ý là ở mỗi ban, các học sinh trong ban có nhiệm vụ đề xuất hoạt động và theo dõi việc thực hiện hoạt động đề ra. Các hoạt động này không phải chỉ do các bạn trong ban thực hiện mà cần có sự tham gia của học sinh cả lớp. Do vậy, quá trình thực hiện các hoạt động cũng giúp bản thân học sinh tự hiểu được mình phù hợp với ban nào và giúp giáo viên chủ nhiệm tư vấn đúng cho học sinh trong việc chuyển

đổi ban. Chủ tịch Hội đồng tự quản học sinh phân công các Phó chủ tịch nhận trách nhiệm phụ trách các ban trong lớp theo khả năng và nguyện vọng của các Phó chủ tịch.

Một số lưu ý:

- Hội đồng tự quản học sinh có thể thay đổi để đảm bảo tất cả học sinh trong lớp đều có cơ hội được tham gia và trải nghiệm. Thời gian thay một hay toàn bộ các thành viên nòng cốt tùy thuộc vào tình hình mỗi lớp học. Giáo viên chủ nhiệm cần nói rõ điều này ngay từ đầu để tránh cho học sinh khỏi những cảm xúc tiêu cực khi không được tham gia các vai trò quan trọng nữa.

- Nhìn chung, quá trình thành lập Hội đồng tự quản học sinh nên cố gắng bám sát thực tiễn bầu cử của đất nước và địa phương để giúp học sinh hiểu được quá trình bầu cử tự do, công bằng và dân chủ. Trong quá trình thành lập, giáo viên chủ nhiệm nên khuyến khích học sinh có những biện pháp, ý tưởng mới của chính các em. Học sinh và giáo viên chủ nhiệm cùng tổ chức quá trình bầu cử. Cha mẹ học sinh và đại diện cộng đồng có thể được mời tham gia với tư cách quan sát viên.

5.3. Tăng cường năng lực cho Hội đồng tự quản học sinh

Sau khi Hội đồng tự quản học sinh của lớp được thành lập, giáo viên chủ nhiệm cần bồi dưỡng những kỹ năng hoạt động cần thiết cho Hội đồng tự quản học sinh, các kỹ năng cần có của Chủ tịch, Phó chủ tịch và các Trưởng ban.

Để Hội đồng tự quản học sinh hoạt động có hiệu quả, giáo viên chủ nhiệm nên vận dụng kinh nghiệm của bản thân, của đồng nghiệp để hướng dẫn tổ chức hoạt động cho Hội đồng tự quản học sinh. Giáo viên chủ nhiệm có thể thực hiện những công việc sau:

- Họp với Chủ tịch, Phó chủ tịch và các Trưởng ban để giúp các em lập kế hoạch hoạt động cho từng ban một các thực tế và khả thi.

- Thường xuyên rút kinh nghiệm về nội dung hoạt động của Hội đồng tự quản học sinh với sự tham gia của học sinh và cha mẹ học sinh trong lớp.

- Thường xuyên giám sát, hỗ trợ Hội đồng tự quản học sinh, đồng thời động viên, khuyến khích nhiều học sinh mạnh dạn tham gia ứng cử vào Hội đồng tự quản học sinh. Giáo viên chủ nhiệm nên chủ động thực hiện các hoạt động mẫu để hướng dẫn các em làm quen và dễ dàng thực hiện; cần kiên trì hướng dẫn, trân trọng từng hoạt động của học sinh.

- Luôn làm mới Hội đồng tự quản học sinh về nội dung và cơ cấu tổ chức nhân sự, mỗi năm học cần kiện toàn tổ chức Hội đồng tự quản học sinh ít nhất 2 lần.

- Theo dõi, đánh giá học sinh và ghi nhật kí đánh giá. Thực hiện đánh giá và khen thưởng kịp thời cuối học kì, cuối năm học và khen thưởng đột xuất với những cá nhân có đóng góp tích cực, hiệu quả tốt cho Hội đồng tự quản học sinh.

5.4. Một số hoạt động do Hội đồng tự quản học sinh tổ chức

Để Hội đồng tự quản học sinh biết cách chủ động thực hiện các nhiệm vụ học tập, hoạt động giáo dục và các sinh hoạt vui chơi khác, bên cạnh các công cụ hỗ trợ trong lớp học, giáo viên cần giới thiệu cho học sinh một số hoạt động và hướng dẫn cách thức tổ chức các hoạt động đó để các em có thể thực hiện tốt vai trò “tự quản” của mình. Căn cứ vào nội dung học tập, vui chơi và tình hình lớp học, Hội đồng tự quản học sinh dưới sự hỗ trợ của giáo viên sẽ lựa chọn các hoạt động phù hợp và tổ chức một cách có hiệu quả các hoạt động học tập, hoạt động hỗ trợ quá trình học tập, hoạt động vui chơi... tránh hình thức và lặp đi lặp lại quá nhiều.

Một số hoạt động của Hội đồng tự quản học sinh đã được thử nghiệm và khẳng định là hữu ích cho công tác quản lí ở lớp học, trường học bao gồm:

a) Tổ chức cho học sinh tham gia các hoạt động quản lí lớp học

- *Mục đích:* Hỗ trợ giáo viên chủ nhiệm về quản lí lớp học; quản lí các hoạt động vui chơi; tổ chức các hoạt động nhóm; tự tổ chức các hoạt động giáo dục; truyền đạt ý kiến phản ánh của học sinh trong lớp. Những hoạt động trên giúp học sinh phát triển sự tự giác, chủ động khi tham gia các hoạt động của lớp; tạo cơ hội cho học sinh cảm nhận được mình là một phần của tập thể và có trách nhiệm để tập thể đó hoạt động và phát triển tốt; phát huy sự sáng tạo và để các học sinh có điều kiện được hỗ trợ lẫn nhau.

- *Cách tiến hành:* Giáo viên chủ nhiệm trao đổi với học sinh trong lớp về việc các em sẽ tham gia tổ chức và quản lí các hoạt động của lớp. Chủ tịch, Phó chủ tịch với sự hỗ trợ của giáo viên chủ nhiệm và các Trưởng ban xây dựng dự thảo Kế hoạch hoạt động và trao đổi về các hoạt động dự kiến sẽ thực hiện với cả lớp. Khi Kế hoạch hoạt động đã được cả lớp nhất trí thông qua, Chủ tịch Hội đồng tự quản học sinh sẽ họp với Phó chủ tịch và các Trưởng ban để phân công nhiệm vụ cho từng ban theo dõi, quản lí, sử dụng các công cụ hỗ trợ đã được xây dựng và đang có trong lớp. Ví dụ:

- + Ban Kỉ luật chịu trách nhiệm về bảng theo dõi sĩ số và việc thực hiện nội quy của lớp. Trưởng ban cần tổng hợp tình hình và báo cáo hằng tuần trước lớp.
- + Ban Học tập chịu trách nhiệm định kì hằng tuần hoặc hằng tháng chia sẻ thông tin trước cả lớp về các lĩnh vực mà các bạn học sinh trong lớp đạt thành công hay tiến bộ, những vướng mắc cần sự hỗ trợ của giáo viên chủ nhiệm

hoặc cha mẹ học sinh. Trường ban sẽ thay mặt cả lớp trình bày về điều này trong cuộc họp cha mẹ học sinh.

- + Ban Đối ngoại phụ trách việc bảo quản và thống kê cảm tưởng của những người khách đến thăm trường/lớp hoặc cảm xúc của học sinh khi đi thăm một nơi nào đó. Ban đối ngoại có thể viết một bản tin định kì để công bố những thông báo hay kết luận quan trọng về các hoạt động được liệt kê trong Sổ ghi chép khách tham quan. Những thông tin này vừa được lưu giữ làm kỉ niệm, vừa là cơ sở cho nhà trường và giáo viên chủ nhiệm có những cân nhắc điều chỉnh cũng như là cơ hội cho học sinh lưu ý vào những điều hay khi mình đến thăm một nơi nào đó. Đây còn là cơ sở để phục vụ cho các dự án nghiên cứu của học sinh sau này để huy động cộng đồng tham gia.

Thời gian đầu, giáo viên chủ nhiệm nên hướng dẫn chi tiết và theo dõi cụ thể, thường xuyên các ban hoạt động. Dần dần, giáo viên chủ nhiệm giảm bớt sự kiểm soát và để các nhóm chủ động hoạt động. Thành viên của các ban có thể luân phiên thay đổi để đảm bảo tất cả các học sinh đều được tham gia vào các hoạt động quản lí lớp học.

b) Tổ chức xây dựng, quản lí sử dụng và phát triển góc học tập, góc thư viện, góc cộng đồng, bản đồ cộng đồng (được thể hiện chi tiết trong ở mục 6).

c) Công nhận những đức tính tốt

- *Mục đích:* Đây có thể coi là một cách “giáo dục đạo đức” một cách tự nhiên và thú vị. Hoạt động này tạo điều kiện cho học sinh tìm kiếm và nhìn vào những đức tính tốt, những điều hay từ phía bạn học để khích lệ động viên bạn tiếp tục phát huy những điều tốt đẹp đó, đồng thời cũng là cơ hội để học sinh cả lớp cùng học tập những đức tính tốt. Đây còn là cơ hội cho học sinh được chia sẻ, gần gũi nhau hơn, góp phần tạo không khí thân thiện trong lớp.

- *Cách tiến hành:*

Bước 1: Cả lớp hoặc các tổ, nhóm ngồi theo vòng tròn. Giáo viên phát cho mỗi học sinh một tờ bìa. Các em sẽ viết tên của mình lên tờ bìa đó.

Bước 2: Học sinh chuyển tờ bìa cho bạn ngồi bên phải mình. Khi nhận được tờ bìa ghi tên một bạn nào đó, học sinh ghi một điểm tích cực của bạn đó vào tờ bìa. Cứ như vậy, các tờ bìa sẽ được chuyển hết một vòng. Cần lưu ý đảm bảo rằng, mỗi học sinh đều nhận được lời nhận xét tích cực của tất cả các bạn trong nhóm. (Lưu ý: Nên tránh những lời nhận xét về hình thức bề ngoài, xã giao hay cách ăn mặc mà nên nhận xét về tính cách, thái độ, khả năng học tập,... của bạn mình).

Khi học sinh nhận lại được tờ bìa của mình, các em sẽ đọc và nếu được, một số em sẽ chia sẻ những lời ghi trong tờ bìa với cả lớp.

Những tờ bìa này có thể được lưu giữ lại để chia sẻ cùng cha mẹ học sinh vào buổi họp cha mẹ học sinh. Cha mẹ học sinh có thể viết thêm vào các đức tính tốt đẹp của con em mình. Điều này sẽ tạo được sự hào hứng của học sinh cũng như sự phấn khởi của cha mẹ học sinh và tăng thêm sự gắn kết giữa cha mẹ học sinh và lớp học.

Hoạt động này có thể được tổ chức sau mỗi một học kỳ để học sinh thấy được sự cố gắng được ghi nhận của mình trong một giai đoạn và sẽ tiếp tục phát huy những đức tính tốt ở học kỳ tiếp theo.

d) Xây dựng nội quy nhà trường

- *Mục đích:* Tạo cho học sinh cảm giác trách nhiệm khi tự mình xây dựng nội quy của trường mình, qua đó giúp học sinh có ý thức hơn trong việc thực hiện nội quy.

- *Cách xây dựng:* Trường cần tổ chức cho học sinh tham gia xây dựng nội quy của trường mình nhằm giúp học sinh hiểu rõ và làm theo nội quy một cách tự giác.

Các lớp có thể tổ chức thảo luận trong lớp, sau đó cử đại diện dự buổi họp chung toàn trường để thảo luận, xây dựng nội quy của trường. Nội quy cần ngắn gọn, cụ thể, dễ hiểu để học sinh dễ nhớ và thực hiện. Có thể bổ sung, điều chỉnh nội quy sau mỗi năm học và nội quy cũng cần được công bố ở các kì họp cha mẹ học sinh và từng lớp học.

- *Cách sử dụng:* Các bản nội quy nên được đặt ở nơi mọi người dễ dàng nhìn thấy, không quá cao để học sinh không đọc được, cũng không quá thấp để bị hư hỏng do va chạm. Nhà trường và mỗi lớp cũng nên có một ban lo nhiệm vụ theo dõi việc thực hiện nội quy của lớp mình.

Ở một số địa phương, tại các lớp học ít học sinh, bảng nội quy còn thiết kế thêm các ô để học sinh dán các bông hoa có tên mình mỗi tháng một lần vào các nội dung mà mình đã thực hiện tốt.

đ) Ngày hội thành tựu

- *Mục đích:* Tạo cơ hội cho giáo viên, học sinh, cha mẹ học sinh và các tổ chức cộng đồng cùng gặp nhau trong một ngày để công bố các thành tích và sự tiến bộ học tập của học sinh sau một năm học, đồng thời tham gia vào các hoạt động văn hoá và thực hiện các hoạt động có ý nghĩa đối với nhà trường và cộng đồng. Đây là những cuộc gặp mặt rất quan trọng để tăng cường sự giao tiếp trao đổi giữa những người tham gia, trình bày và đưa ra các dự án, các kết quả và thành tích đạt được, các chương trình hành động tương lai có lợi cho cộng đồng và xây dựng tinh thần tôn trọng giữ gìn bản sắc văn hoá địa phương.

- *Cách tổ chức*: Nhà trường, giáo viên, học sinh cùng cha mẹ học sinh và đại diện cộng đồng cùng bàn bạc về nội dung và hình thức tổ chức Ngày hội thành tựu. Có thể đan xen vào ngày hội một số hoạt động:

- + Báo cáo các thành tích của học sinh.
- + Các hoạt động văn hoá đặc sắc của địa phương.
- + Sự giao lưu từ cộng đồng.
- + Những dự án tiếp theo có lợi cho học sinh và cộng đồng và cần sự phối hợp của cộng đồng và cha mẹ học sinh...

Ngày hội thành tựu nên được tổ chức một năm một lần để đảm bảo sự liên kết thường xuyên giữa nhà trường, gia đình và cộng đồng.

Những vấn đề cơ bản về quy trình thành lập Hội đồng tự quản học sinh và hướng dẫn được học sinh thành lập Hội đồng tự quản học sinh của lớp được trình bày trong tài liệu Hướng dẫn tổ chức lớp học của mô hình trường học mới.

6. Không gian lớp học trong mô hình trường học mới

6.1. Khái quát về không gian lớp học mô hình trường học mới

Trong các lớp học theo mô hình trường học mới, cần bố trí một số không gian và tài liệu được giáo viên và Hội đồng tự quản học sinh sử dụng hàng ngày/tuần/tháng để phục vụ quá trình học tập tại lớp và tạo ra các hoạt động hỗ trợ cho việc học tập và các sinh hoạt tập thể khác như: Góc học tập; Góc sáng tạo; Góc thư viện; Góc cộng đồng; Hòm thư “nhịp cầu bè bạn”; Hòm thư “điều em muốn nói”; Sổ đối nội, đối ngoại; Nhật kí cha mẹ học sinh;... (Gọi chung là công cụ hỗ trợ)

Học sinh cần được hướng dẫn sử dụng chúng để tham gia vào các hoạt động của lớp, giúp các em phát triển sự đam mê, sự sáng tạo, hình thành nhân cách và các kĩ năng hợp tác trong học tập; qua đó, giáo viên chủ nhiệm có thể phát hiện và nuôi dưỡng các tiềm năng, giải đáp những băn khoăn, lo lắng.

Học sinh sử dụng các không gian và tài liệu đó dựa trên vốn hiểu biết của mình, có thể có sự hỗ trợ của giáo viên chủ nhiệm, để chúng phát huy tác dụng trong việc quản lí, tổ chức, thúc đẩy quá trình học tập. Đây không phải là những hoạt động mang tính cạnh tranh mà là sự hỗ trợ lẫn nhau học tập trong một môi trường lớp học thân thiện. Giáo viên chủ nhiệm nên chú ý động viên các em tham gia và bên cạnh việc hỗ trợ, giáo viên chủ nhiệm nên tạo ra những thách thức mới để gây hứng thú và nâng cao tinh thần trách nhiệm của các em.

Giáo viên chủ nhiệm lưu ý trao đổi cùng cha mẹ học sinh và học sinh để xây dựng và sử dụng các không gian và tài liệu phù hợp nhất với điều kiện của lớp, để phục vụ có hiệu quả cho học tập và các hoạt động của lớp, tránh việc xây dựng và sử dụng một cách máy móc, hình thức.

Tùy không gian lớp học mà giáo viên chủ nhiệm hướng dẫn Hội đồng tự quản học sinh lựa chọn và xây dựng số công cụ hỗ trợ phù hợp. Tránh tình trạng làm hình thức hoặc làm phức tạp cho không gian lớp học.

6.2. Một số công cụ hỗ trợ đã được thử nghiệm và có tác dụng tốt cho hoạt động học và công tác quản lý ở lớp học, trường học mới

a) Bảng theo dõi sĩ số

- *Mục đích:* Bảng này được thiết kế để theo dõi sĩ số của các em học sinh. Công cụ này như một bảng đánh giá cá nhân hoặc cho tập thể theo tuần, tháng hoặc theo kì. Bảng theo dõi sĩ số giúp học sinh phát triển tính tự giác, đi học đúng giờ và có tinh thần trách nhiệm trong học tập đồng thời xây dựng cho các em ý thức được đi học là một quyền lợi đặc biệt, chứ không phải là nghĩa vụ bắt buộc. Học sinh cần có được cảm giác thoải mái, vui vẻ khi đi học.

- *Cách xây dựng:* Có thể làm bảng chung của cả lớp hoặc theo nhóm. Trên bảng cần có tên của học sinh, ngày tháng và các ô tương ứng. Giáo viên chủ nhiệm cùng bàn bạc với học sinh hình thức điền vào ô như điền tên, tích, chấm cờ hoặc dán những hình ảnh yêu thích của mình. Bảng nên thay đổi theo tháng để tạo sự hứng thú cho học sinh.

- *Cách sử dụng:* Mỗi học sinh khi đến lớp sẽ tự động điền vào phần ô tương ứng với ngày đi học. Để học sinh chủ động làm việc này, thay vì trưởng nhóm hoặc trưởng ban, sẽ tạo hứng thú cho các em. Học sinh mong đến trường để tự mình ghi thêm thành tích chuyên cần cho mình. Vào cuối tuần, đại diện các nhóm sẽ có một bản báo cáo ngắn gọn gửi giáo viên chủ nhiệm.

b) Sổ nhật kí học tập và tham gia hoạt động của học sinh

- *Mục đích:* Cuốn sổ này giúp học sinh có ý thức hơn và cố gắng nhiều hơn trong việc học tập và tham gia tích cực vào các hoạt động của lớp học, trường học. Việc thường xuyên chia sẻ thông tin trong cuốn sổ còn là hình thức khuyến khích và ghi nhận những thành tích của học sinh. Đây còn là công cụ giúp việc liên lạc, trao đổi với cha mẹ học sinh được thường xuyên và tốt hơn.

- *Cách xây dựng:* Giáo viên chủ nhiệm trao đổi với cha mẹ học sinh và học sinh về mục đích của cuốn sổ. Học sinh sẽ tự chuẩn bị và trang trí cuốn sổ riêng của mình.

Giáo viên chủ nhiệm chỉ lưu ý nhắc nhở các em về kích thước để không gây khó khăn trong việc bảo quản, cất giữ.

- *Cách sử dụng*: Giáo viên chủ nhiệm giải thích rõ cho học sinh về việc dùng cuốn sổ để ghi lại thành tích học tập (có thể là điểm số, những lời nhận xét tích cực của giáo viên chủ nhiệm và các bạn học về việc học tập, những sản phẩm học tập có thể đính kèm...) và kết quả hoạt động học tập xuất sắc của mình. Cuốn sổ này cũng mang tính cá nhân và không nhất thiết là phải đem so sánh với bất kì ai.

c) Hộp thư cá nhân

- *Mục đích*: Tạo cơ hội cho giáo viên chủ nhiệm và học sinh trong lớp trao đổi, tiếp nhận thông tin giữa học sinh với học sinh và giữa học sinh với giáo viên. Hộp thư cá nhân giúp hình thành cho học sinh thói quen quan tâm, chia sẻ với mọi người; rèn luyện học sinh biết tôn trọng sự riêng tư của bạn. Công cụ này còn là cách để giáo viên chủ nhiệm động viên, khích lệ học sinh, hiểu được học sinh hơn.

- Cách xây dựng

- *Bước 1*: Giáo viên chủ nhiệm cho mỗi học sinh tự tạo một hộp thư nhỏ từ các vật dụng như hộp các-tông nhỏ, giấy bìa, tranh ảnh, giấy màu, giấy trắng,... giáo viên chủ nhiệm để học sinh tự vẽ, cắt dán, trang trí những hình ảnh các em yêu thích, không nên làm đồng loạt giống nhau. Trên mỗi hộp thư cá nhân có tên của học sinh. Công việc này cũng có thể thực hiện ở nhà. Giáo viên chủ nhiệm lưu ý học sinh về kích cỡ tối đa cho mỗi hộp thư cá nhân.
- *Bước 2*: Cùng gắn những hộp thư cá nhân của cả lớp tại một vị trí, hoặc chia thành các nhóm. Lưu ý gắn ở vị trí thuận tiện, vừa tầm để đảm bảo tất cả các học sinh dễ tham gia và sử dụng.

- *Cách sử dụng*: Giáo viên chủ nhiệm cùng trao đổi với học sinh về tác dụng của hộp thư cá nhân; giải thích cho học sinh thấy mỗi cá nhân trong lớp đều nên có một hộp thư riêng. Bất cứ điều gì các em muốn chia sẻ, trao đổi với bạn hoặc thầy cô giáo, các em có thể viết thư và bỏ vào hộp thư riêng của bạn/thầy cô giáo. Các em có thể đề tên của mình trong thư hoặc không. Giáo viên chủ nhiệm nên sử dụng hộp thư cá nhân để khích lệ, động viên, góp ý với học sinh mà không làm các em xấu hổ trước lớp. Giáo viên chủ nhiệm cũng có thể bỏ vào hộp thư cá nhân của các em những bài tập theo đúng trình độ để tăng thêm hứng thú học tập cho các em.

Giáo viên chủ nhiệm nên dành thời gian vào các giờ nghỉ giải lao hay các buổi sinh hoạt tập thể để học sinh viết thư cho nhau. Giáo viên chủ nhiệm nên thường xuyên sử dụng hộp thư này để tạo phong trào và hình thành dần thói quen trong lớp. Lưu ý:

Hộp thư tuy của cá nhân nhưng không nên dán kín hay "bảo mật" vì các em luôn cần được giáo dục, rèn luyện tính trung thực, lòng tự trọng, không tự ý xem thư của người khác.

d) Hộp thư "Điều em muốn nói"

- *Mục đích:* Đây là công cụ giúp học sinh được bày tỏ ý kiến của mình. Những ý kiến của học sinh có thể là những tình cảm, cảm nhận, mong muốn, đề nghị hoặc bất cứ điều gì các em muốn nói về thầy cô, bạn bè, cha mẹ, nhân viên phục vụ, điều kiện học tập – sinh hoạt và các hoạt động vui chơi,... mà các em không thể hoặc chưa dám nói trực tiếp. Qua hộp thư này, người lớn (thầy cô, cha mẹ,...) sẽ có điều kiện hiểu các em nhiều hơn, đồng thời điều chỉnh các hoạt động giáo dục, sinh hoạt sao cho phù hợp. Bên cạnh đó, công cụ này còn có ý nghĩa giúp các em nhận biết mình là một thành viên của nhà trường, quyền cơ bản của trẻ được tạo điều kiện thể hiện (quyền được học tập – quyền được vui chơi – quyền được tham gia ý kiến,...). Từ đó, các em có ý thức, tự giác và chủ động khi tham gia các hoạt động của chính các em.

- *Cách xây dựng:* Hộp thư có thể được làm bởi cha mẹ học sinh hoặc giáo viên chủ nhiệm cùng học sinh thực hiện. Giáo viên chủ nhiệm và học sinh trang trí thêm những hình ảnh vui nhộn và được đặt tại các vị trí thuận tiện trong lớp, vừa tầm với của học sinh. Một số nơi còn có thêm các biện pháp bảo vệ cho hộp thư để chỉ những người có trách nhiệm mở hộp thư mới mở được để đảm bảo giữ kín những thông tin của học sinh.

- *Cách sử dụng:* Giáo viên chủ nhiệm giải thích cho học sinh về mục đích của hộp thư. Khuyến khích các em sử dụng hộp thư này để giúp cho tình hình và các điều kiện của lớp học, trường học được tốt hơn. Giáo viên chủ nhiệm cũng nên nhấn mạnh tới việc học sinh không cần thiết phải đề tên mình trong thư, nếu muốn. Để quản lý Hộp thư "Điều em muốn nói" cần có sự tham gia của Chủ tịch, Phó chủ tịch và Trưởng các ban của Hội đồng tự quản học sinh và giáo viên. Hộp thư cần được mở hằng ngày hoặc hằng tuần để ghi nhận, trả lời những ý kiến của học sinh cũng như giải quyết các vấn đề nảy sinh trong lớp, trường. Tuy nhiên, tốt nhất nên mở hộp thư hằng ngày để đảm bảo cập nhật và giải quyết kịp thời những vấn đề mới phát sinh. Giáo viên chủ nhiệm lưu ý, những vấn đề mang tính cá nhân thì cần trao đổi với cá nhân học sinh, những vấn đề mang tính chất tập thể thì cần có sự trao đổi, bàn bạc trước cả lớp để tìm ra phương án giải quyết.

đ) Sinh nhật hồng

- *Mục đích:* Tạo sự vui tươi trong lớp học; giúp học sinh biết cách quan tâm đến bạn bè, biết cách tổ chức những buổi kỉ niệm nho nhỏ; tạo sự gắn kết của các thành viên trong lớp.

- *Cách xây dựng*: Giáo viên chủ nhiệm có thể trao đổi với một ban trong lớp học về cách xây dựng góc sinh nhật. Có thể là cây với 12 bông hoa tương ứng với 12 tháng trong năm và trên mỗi bông hoa tháng là tên các bạn có ngày sinh trong tháng. Có thể là những hành tinh nhỏ mang tên tháng trong vũ trụ,... học sinh hoàn toàn có thể thực hiện được công việc này. Giáo viên chủ nhiệm hãy để các em tự trao đổi và thống nhất cách thực hiện.

Cũng có cách xây dựng khác nữa là giáo viên chủ nhiệm chia lớp ra thành nhóm phụ trách từng tháng. Nhóm học sinh của tháng sẽ cùng bàn bạc để tổ chức sinh nhật của tháng mình theo cách mà các em thích nhất.

- *Cách sử dụng*: Góc sinh nhật giúp cả lớp cùng biết được sắp đến sinh nhật của bạn nào. Một ban sẽ phụ trách phần tổ chức sinh nhật cho các bạn trong tháng (hoặc có thể tổ chức đơn lẻ cho từng bạn). Cũng có thể dùng hình thức luân phiên các ban tổ chức hoặc nhóm các bạn có sinh nhật tháng này sẽ tổ chức cho nhóm các bạn có ngày sinh nhật của tháng khác. Việc tổ chức không cần cầu kì, các học sinh có thể lên kịch bản cho một chương trình văn nghệ, trò chơi,... giáo viên chủ nhiệm hãy để cho các học sinh trong lớp được chúc mừng bạn mình và nên gợi ý học sinh sử dụng các công cụ khác (Ví dụ: Hộp thư bè bạn, những lời yêu thương,...) để thể hiện tình cảm với bạn mình trong ngày sinh nhật của các em. Giáo viên chủ nhiệm nên tạo điều kiện cho học sinh được tổ chức sinh nhật nói về bản thân mình, về những thay đổi khi một tuổi mới đã đến với em. Mỗi tháng qua đi, học sinh có thể gỡ tháng đó xuống để học sinh cảm nhận được thời gian của năm.

e) Những lời yêu thương

- *Mục đích*: Học sinh được chia sẻ những câu nói, câu thơ hay, có ý nghĩa với mục đích giáo dục học sinh hướng đến những điều tốt đẹp.

- *Cách xây dựng*: Giáo viên chủ nhiệm và học sinh cùng thảo luận để quyết định chọn một hình thức phù hợp với điều kiện lớp học để làm góc của những lời yêu thương. Có thể làm trên khổ giấy A0, trang trí thành cây với những chiếc lá, bông hoa là những lời yêu thương và được dán lên tường. Có thể là cây thông góc lớp với những lời yêu thương được gắn lên cây,... Cũng có thể ghi những lời nói yêu thương, những câu danh ngôn phù hợp, dễ hiểu, dễ nhớ liên quan đến tuổi học trò trên các hành lang, lối đi, thư viện, sân/vườn trường,... nơi học sinh dễ quan sát và thường xuyên nhắc nhở mình thực hiện.

- *Cách sử dụng*: Giáo viên chủ nhiệm hướng dẫn học sinh sưu tầm những câu nói hay, những lời yêu thương về tình cảm gia đình, thầy trò, bạn bè... Học sinh cũng có

thể nhờ cha mẹ học sinh sưu tầm cùng. Giáo viên chủ nhiệm có thể giao cho các ban quản lí góc này xây dựng chủ đề theo từng tháng, từng sự kiện để học sinh sưu tầm những câu nói, câu thơ hay theo các chủ điểm đó. Trong các buổi sinh hoạt lớp, giáo viên chủ nhiệm dành thời gian để cùng học sinh trò chuyện về những lời yêu thương này để giáo dục học sinh biết hướng tới những điều tốt đẹp và yêu thương trong cuộc sống.

g) Bảng nội quy lớp học

- *Mục đích*: Giúp các em thấy có trách nhiệm khi tự mình xây dựng nội quy của lớp mình; qua đó, học sinh có ý thức hơn trong việc thực hiện nội quy.

- *Cách xây dựng*: Giáo viên chủ nhiệm tổ chức cho học sinh tham gia xây dựng nội quy của lớp nhằm giúp học sinh hiểu rõ và làm theo nội quy một cách tự giác. Nội quy cần ngắn gọn, cụ thể, dễ hiểu để học sinh dễ nhớ và thực hiện. Có thể bổ sung, điều chỉnh nội quy sau mỗi năm học và nội quy cũng cần được công bố ở các kì họp cha mẹ học sinh.

- *Cách sử dụng*: Bảng nội quy nên được đặt ở nơi mọi người dễ dàng nhìn thấy, không quá cao để học sinh không đọc được, cũng không quá thấp để bị hư hỏng do va chạm. Ở những lớp rộng rãi và ít học sinh, bảng nội quy có thể thiết kế thêm các ô để học sinh dán các bông hoa có tên mình mỗi tháng một lần vào các nội dung mà mình đã thực hiện tốt.

h) Sổ ghi chép đối nội – đối ngoại

- *Mục đích*: Dùng ghi lại cảm tưởng của những người khách đến thăm trường/lớp hoặc cảm xúc của học sinh khi tham quan một nơi nào đó.

- *Cách xây dựng*: Giáo viên chủ nhiệm có thể bàn bạc trước lớp và giao cho một ban thực hiện việc thiết kế và ghi chép sổ. Sổ nên có các thông tin về ngày tháng, tên đoàn khách, học sinh nhà trường; cảm xúc của khách hoặc của học sinh, có thể có phần để dán những hình ảnh (nếu có) về những sự kiện đó.

- *Cách sử dụng*: Khách đến từ các tổ chức, hiệp hội hoặc giáo viên chủ nhiệm và các bạn học sinh đến từ các trường, lớp khác, đến thăm trường, lớp mình, sẽ ghi lại những cảm xúc, suy nghĩ của họ. Đây là một cơ hội cho khách có những đề xuất, ý kiến hay chỉ ra các quan điểm về một vấn đề cụ thể. Khi học sinh đi tham quan cũng thực hiện tương tự như vậy.

6.3. Các góc hỗ trợ trong lớp học

a) Góc học tập

- *Góc học tập* là không gian trong lớp học trang bị những tài liệu, đồ dùng dạy học, các vật dụng,... phục vụ cho việc học tập của học sinh

– *Vai trò và ý nghĩa của góc học tập*

- + Góc học tập làm tăng hứng thú học tập của học sinh, tăng các nguồn kiến thức trong dạy học của giáo viên. Giáo viên sử dụng phương pháp trực quan trong dạy học giúp học sinh nắm kiến thức một cách chủ động, vững chắc. Góc học tập có một vai trò rất quan trọng đối với việc dạy và học trong trường THCS.
- + Góc học tập cung cấp sách vở, tài liệu tham khảo, đồ dùng học tập ngay tại lớp học rất thuận lợi cho học tập và tham khảo tài liệu khi cần thiết mà không phải đến thư viện.
- + Giáo viên làm phong phú thêm bài giảng của mình bằng sách và các tư liệu tham khảo trong góc học tập; có thể quan sát được hiệu quả dạy học, biết được hứng thú nghề nghiệp của học sinh, từ đó có thể hướng nghiệp cho các em.
- + Giúp học sinh thu nhận và tổng hợp kiến thức thông qua việc quan sát và thao tác sử dụng các tài liệu, đồ vật ở góc học tập; làm phong phú kiến thức và phát huy trí tưởng tượng của các em.
- + Học sinh sẽ hứng thú học tập hơn khi sử dụng góc học tập dưới sự hướng dẫn của giáo viên; hoặc tự nghiên cứu theo nhóm hay từng cá nhân, qua đó, hình thành thói quen tự học, tự nghiên cứu của học sinh.

– *Các tài liệu và đồ dùng ở góc học tập*

- + Ngay từ đầu năm học, giáo viên căn cứ trên yêu cầu chương trình và nội dung môn học; quan sát tâm lý và sở thích của học sinh để chuẩn bị kế hoạch xây dựng góc học tập phù hợp. Bằng kinh nghiệm của mình, giáo viên suy nghĩ xem tài liệu nào, dụng cụ học tập nào góc học tập có thể giúp học sinh học tập có kết quả tốt hơn, hiệu quả hơn; đồng thời góp phần phát huy năng khiếu, sở thích và định hướng nghề nghiệp cho các em.
- + Trong mỗi môn học, giáo viên cần sưu tầm những loại tài liệu và đồ dùng học tập sau:
 - Tài liệu in ấn phục vụ học tập: Sách tham khảo, các loại sách giáo khoa, báo, tạp chí,... liên quan đến nội dung môn học; sơ đồ, biểu đồ, bản đồ, tranh ảnh,... tạo hứng thú và mở rộng hiểu biết cho học sinh.
 - Đồ dùng dạy và học: Đây là những vật dụng mà học sinh và giáo viên có thể sử dụng trong các giờ thực hành, thí nghiệm như các dụng cụ đo lường (cân, nhiệt kế, ampe kế,...), mô hình trái đất, các mẫu vật,...

- Vật dụng phục vụ cuộc sống: Những đồ dùng thiết thực phục vụ cuộc sống như các loại công cụ lao động, đồ dùng sinh hoạt hằng ngày, trang phục, nhạc cụ, lương thực, thực phẩm,...
 - Tài liệu sáng tạo nghệ thuật: Các vật dụng có tính nghệ thuật dùng cho học tập, phát huy tính tưởng tượng và sáng tạo nghệ thuật của học sinh như các con rối, rô bốt,...
 - Đồ dùng do học sinh tự làm: Các bài làm đạt điểm tốt của học sinh, các vật dụng do học sinh sáng chế,...
- + Ngoài ra, ở góc học tập còn có tài liệu hướng dẫn học các môn, hướng dẫn sử dụng các tài liệu, nhất là hướng dẫn sử dụng các tài liệu liên quan đến môn học.

- Quản lí góc học tập

- + Hội đồng tự quản học sinh phân công các bạn học sinh thay phiên nhau chăm sóc góc học tập; dọn dẹp lại cho ngăn nắp sau mỗi buổi học, quét dọn, lau sạch bụi bặm, vết bẩn sau khi sử dụng.
- + Hội đồng tự quản học sinh tổ chức đọc sách, thảo luận theo nhóm cùng sở thích và giúp nhau học tập một cách hiệu quả...

b) Góc thư viện

- Góc thư viện là khu vực được bố trí riêng biệt trong lớp, là nơi để các tài liệu tham khảo (từ điển, sách, báo, truyện,...) do thư viện nhà trường hỗ trợ, giáo viên và học sinh sưu tầm, do cha mẹ học sinh cùng cộng đồng đóng góp.

Góc thư viện trong lớp học là một công cụ quan trọng tạo cơ hội cho học sinh học tập một cách tích cực, chủ động, đồng thời cung cấp các nguồn tài liệu khác nhau để học sinh học tập và thư giãn.

Nguồn thông tin trong góc thư viện là một công cụ đắc lực hỗ trợ cho giáo viên và học sinh trong dạy - học tích cực. Giáo viên có thể sử dụng nguồn thông tin ở góc thư viện để giải đáp rõ hơn những nội dung có trong tài liệu hướng dẫn học hoặc làm giàu thêm vốn kiến thức của mình cũng như học sinh. Với mỗi chủ đề hay bài học, giáo viên cần tham khảo thêm tư liệu về chủ đề hay bài học đó trong góc thư viện và cung cấp cho học sinh tên, trang, mục tài liệu cần tham khảo để hoàn thành bài học. Góc thư viện trong lớp học có thể hỗ trợ cho từng đối tượng học sinh trong quá trình học tập khác nhau. Với học sinh trung bình, các em có thể tìm thông tin để giải thích rõ hơn cho các khái niệm trong tài liệu hướng dẫn học. Với các học sinh khá, giỏi, các em có thể tìm hiểu sâu hơn, mở rộng hơn nội dung bài học qua những tài liệu có trong góc thư viện.

Góc thư viện đóng vai trò hỗ trợ nguồn tài liệu phong phú cho một môn học hay một chủ đề. Mặc dù tài liệu hướng dẫn học đã cung cấp cho học sinh những nội dung cơ bản cần thiết, nhưng vẫn có lúc học sinh vướng mắc và không hiểu rõ về một khái niệm hay một thông tin nào đó có liên quan đến bài học. Trong trường hợp này, giáo viên nên hướng dẫn học sinh đến góc thư viện để tìm những cách giảng giải, chú thích khác phù hợp hơn với trình độ và khả năng nhận thức của học sinh. Sau khi đọc về một chủ đề tương tự trong góc thư viện, học sinh có thể tiếp tục học và làm việc với tài liệu hướng dẫn học.

Góc thư viện là nơi rất hữu ích để học sinh tiến hành các dự án nghiên cứu nhỏ của một số môn học. Tại đây các em có thể thực hiện việc tìm kiếm thông tin cho bài tập trong dự án nghiên cứu của mình. Nhiều khi tài liệu hướng dẫn học không cung cấp đủ nội dung để hoàn thành mục tiêu bài học như đã đề xuất. Vì vậy, việc tìm kiếm các thông tin tham khảo ở góc thư viện sẽ là rất cần thiết. Mô hình trường học mới tăng cường khả năng tự học của học sinh, vì vậy nguồn thông tin trong góc thư viện sẽ hỗ trợ rất tốt cho các em trong việc tự học.

Góc thư viện trong lớp học đồng thời cũng được sử dụng để giúp học sinh giải trí và phát triển óc sáng tạo. Sách là nguồn giải trí rất lớn đối với trẻ em cũng như người lớn. Qua việc đọc sách, chúng ta có thể giáo dục chính mình, tích lũy và tăng khả năng tưởng tượng, trải nghiệm một cách gián tiếp. Ví dụ, như thưởng thức một chuyến đi lên mặt trăng hay thám hiểm một địa bàn khảo cổ; hoặc có thể sáng tác những bức tranh dựa trên các câu chuyện đã đọc; đóng vai thể hiện lại các nhân vật, sự kiện trong các câu chuyện,...

Ngoài việc cung cấp thông tin cho học sinh, góc thư viện còn góp phần hình thành, phát triển thói quen đọc sách cho các em, xây dựng nền tảng văn hoá đọc của mỗi người trong suốt cả cuộc đời.

c) Góc cộng đồng và bản đồ cộng đồng

c1) Góc cộng đồng

Góc cộng đồng là khu vực được bố trí riêng biệt trong lớp học, là nơi để các hiện vật, dụng cụ, tranh ảnh,... thể hiện sinh động đời sống vật chất hay tinh thần của cộng đồng địa phương. Góc cộng đồng được hiểu là sự mô tả một cách đơn giản về mối quan hệ giữa nhà trường và cộng đồng địa phương, trong đó bao gồm các thông tin về bản đồ cộng đồng, về mùa vụ, sản xuất, kinh doanh, ngành nghề, phong tục tập quán, văn hoá, lễ hội, trang phục đặc sắc, lịch sử, di sản, địa lí, khí hậu thời tiết,... và một số sản vật đặc trưng của địa phương. Góc cộng đồng là hình ảnh thu nhỏ về những đặc điểm riêng

biệt của cộng đồng trong phạm vi hẹp hoặc phạm vi rộng hơn nhưng có cùng những đặc điểm chung.

Góc cộng đồng giúp giáo viên, học sinh biết rõ về môi trường vật chất và tinh thần của cộng đồng địa phương; thấy được sự gắn gũi, gắn bó giữa gia đình, nhà trường và cộng đồng; tận dụng những yếu tố tích cực của môi trường địa phương vào nội dung các hoạt động dạy học. Qua đó, giúp các em thuận lợi trong việc áp dụng kiến thức đã học vào thực tiễn. Giáo viên cần tìm ra những nguồn lực sẵn có về vật chất, con người hoặc ngành nghề thủ công của địa phương để hỗ trợ, liên kết, hợp tác giáo dục với nhà trường. Nhà trường vận động những nghệ nhân, doanh nhân giỏi ở địa phương đến trường để phổ biến cho học sinh những kiến thức, kinh nghiệm kinh doanh,... Từ đó, học sinh tăng thêm niềm tự hào về quê hương, đất nước, con người Việt Nam, mong muốn được duy trì và phát triển các tinh hoa văn hoá, truyền thống của các vùng miền và của quê hương.

Cùng tham gia vào quá trình xây dựng "Góc cộng đồng" có các thành viên trong cộng đồng như chính quyền địa phương, Hội phụ nữ, Đoàn thanh niên, ... cùng với cha mẹ học sinh, học sinh, giáo viên chủ nhiệm lớp và các giáo viên bộ môn. Khi thiết lập góc cộng đồng, giáo viên chủ nhiệm cần tổ chức một cuộc họp, gặp gỡ các thành viên trong cộng đồng để cùng nhau xây dựng góc cộng đồng. Tại cuộc họp này các đại biểu có thể vẽ trên giấy khổ to, hoặc trên tấm vải trắng để mô tả thông tin về mùa vụ, ngành nghề, lễ hội, khí hậu thời tiết,... của địa phương bằng các màu sắc sinh động. Mọi người có thể đóng góp hoặc sưu tầm một số sản phẩm đặc trưng của địa phương để trưng bày tại góc cộng đồng.

Tóm lại, góc cộng đồng giúp nhà trường, giáo viên và học sinh:

- + Biết rõ môi trường vật chất và tinh thần của cộng đồng địa phương.
- + Sử dụng các yếu tố tích cực của môi trường vật chất và tinh thần ở địa phương vào trong các hoạt động dạy học tại lớp học.
- + Giúp học sinh áp dụng kiến thức học ở lớp vào thực tiễn cuộc sống ở gia đình và cộng đồng.
- + Tìm ra những nguồn lực sẵn có trong cộng đồng để hỗ trợ nhà trường trong giáo dục học sinh, đặc biệt là những người có ảnh hưởng lớn ở cộng đồng như trưởng bản, già làng, trưởng dòng họ, hội trưởng các hội: phụ nữ, thanh niên, cựu chiến binh, cựu giáo chức,... và các nguồn lực tình nguyện khác.
- + Là nguồn thông tin để học sinh giới thiệu về cộng đồng với những người đến thăm và làm việc tại lớp/trường mình.

c2) Bản đồ cộng đồng

Bản đồ cộng đồng là bản đồ của địa phương mà trên đó có sự mô tả một cách đơn giản, bằng hình vẽ trên giấy khổ to hoặc trên một miếng vải, về cộng đồng địa phương. Nội bật trên bản đồ cộng đồng là vị trí trường học, vị trí nhà ở gia đình của tất cả học sinh trong lớp. Ngoài ra, bản đồ cộng đồng phải thể hiện được những vị trí, địa điểm nổi bật của cơ quan hành chính, những đặc điểm về tự nhiên, văn hoá, xã hội và kinh tế; những di tích lịch sử, di tích văn hóa, công trình khoa học-kỹ thuật... của địa phương thuộc khu vực trường đóng.

Có thể nói, bản đồ cộng đồng là bản vẽ thu nhỏ những đặc điểm cơ bản của cộng đồng - nơi nhà trường đang tồn tại và phát triển. Nó khẳng định cộng đồng và nhà trường luôn tồn tại, gắn bó, hỗ trợ và không thể tách rời.

Bản đồ cộng đồng nhà trường, giáo viên và học sinh:

- + Biết được khoảng cách mà mỗi học sinh phải đi học từ nhà đến trường.
- + Xác định được những thuận lợi và khó khăn khi học sinh đi học.
- + Biết được những địa điểm mà học sinh có thể gặp nguy hiểm để hướng dẫn các em phòng tránh rủi ro.
- + Biết được những địa điểm cần thiết để chỉ dẫn cho học sinh đến khi cần sự trợ giúp hoặc vui chơi.
- + Biết được những địa điểm và cách đi thăm gia đình học sinh.
- + Là nguồn thông tin giới thiệu về cộng đồng với những người đến thăm và làm việc tại trường.
- + Giúp học sinh biết tìm đường đến thăm nhà bạn để hỏi bài, vui chơi, đường đến trường an toàn, thuận tiện nhất, đường đến hiệu sách, chợ, uỷ ban nhân dân, đồn công an, bưu điện,...

Bản đồ cộng đồng được treo tại góc cộng đồng, nơi dễ quan sát trong lớp học. Mọi học sinh có thể quan sát và đọc được thông tin trên đó. Khi có khách tham quan lớp học, mỗi bạn đều có thể giới thiệu được về lớp mình, ngôi trường của mình, về địa điểm nhà các bạn trong lớp, về cộng đồng. Nếu có một bạn mới được chuyển về lớp học, bạn ấy sẽ được giới thiệu về bản đồ cộng đồng của lớp, bạn ấy và mọi người trong lớp sẽ xác định xem nhà bạn ấy sẽ được vẽ ở đâu trong bản đồ cộng đồng. Và tất nhiên sẽ có tên của bạn ấy gắn hình vẽ ngôi nhà trên bản đồ cộng đồng của lớp. Bạn ấy sẽ rất vui vì sẽ biết ngay đường nào thuận tiện khi đến trường, nhà mình ở gần nhà bạn nào để cùng đi đến trường.

Bản đồ cộng đồng giúp học sinh ý thức được mình là một thành viên của cộng đồng, từ đó ý thức xây dựng và giữ gìn cộng đồng được nâng cao.

Giáo viên có thể sử dụng bản đồ cộng đồng trong các hoạt động giáo dục cho học sinh về quan hệ gia đình, cộng đồng; tình bạn và mối quan tâm đến nhau; sự đoàn kết, chia sẻ, gắn bó giữa những con người, những gia đình trong cùng một cộng đồng; củng cố niềm tự hào về gia đình, cộng đồng, quê hương mình.

Những vấn đề cơ bản về của công cụ hỗ trợ hoạt động học của học sinh tại lớp được trình bày trong tài liệu Hướng dẫn tổ chức lớp học của mô hình trường học mới.

D. TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM SÁNG TẠO TRONG MÔ HÌNH TRƯỜNG HỌC MỚI THCS

I. HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM SÁNG TẠO

Có nhiều quan niệm khác nhau về Hoạt động trải nghiệm sáng tạo, nhưng tựu trung lại Hoạt động trải nghiệm sáng tạo là hoạt động giáo dục, trong đó, từng cá nhân học sinh được trực tiếp hoạt động thực tiễn trong môi trường nhà trường cũng như môi trường gia đình và xã hội dưới sự hướng dẫn và tổ chức của nhà giáo dục, qua đó phát triển tình cảm, đạo đức, phẩm chất nhân cách, các năng lực..., từ đó tích lũy kinh nghiệm riêng cũng như phát huy tiềm năng sáng tạo của cá nhân mình.

Theo định hướng chương trình giáo dục phổ thông mới, các hoạt động giáo dục trong trường THCS gồm: Hoạt động tập thể (sinh hoạt lớp, sinh hoạt trường, sinh hoạt Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh, sinh hoạt Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh); hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp được tổ chức theo các chủ đề giáo dục; hoạt động giáo dục hướng nghiệp;... được gọi chung là Hoạt động trải nghiệm sáng tạo.

Đối với mô hình trường học mới THCS, vừa chú trọng đến tính trải nghiệm của học sinh trong các bài học, vừa chú trọng các hoạt động trải nghiệm sáng tạo theo định hướng chương trình giáo dục phổ thông mới nhằm giúp học sinh có cơ hội trải nghiệm nhiều hơn ở ngoài lớp học, chủ động phối hợp cùng cha mẹ học sinh, các doanh nghiệp và các tổ chức chính trị - xã hội tại địa phương như đoàn, hội, đội để xây dựng một số dự án học tập cộng đồng, gắn nội dung giáo dục trong nhà trường với các hoạt động thường xuyên tại địa phương liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh; vệ sinh môi trường; hoạt động văn hóa, văn nghệ; thể dục, thể thao;...

II. SỰ KHÁC NHAU GIỮA MÔN HỌC/HĐGD VÀ HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM SÁNG TẠO

Đặc trưng	Môn học/HĐGD	Hoạt động trải nghiệm sáng tạo
Mục đích chính	Hình thành và phát triển hệ thống tri thức khoa học, năng lực nhận thức và hành động của học sinh.	Hình thành và phát triển những phẩm chất, tư tưởng, ý chí, tình cảm, giá trị, kỹ năng sống và những năng lực chung cần có ở con người trong xã hội hiện đại.
Nội dung	<ul style="list-style-type: none"> - Kiến thức khoa học, nội dung gắn với các lĩnh vực chuyên môn. - Được thiết kế thành các phần chương, bài, có mối liên hệ logic chặt chẽ hoặc các mô đun tương đối hoàn chỉnh. 	<ul style="list-style-type: none"> - Kiến thức thực tiễn gắn bó với đời sống, địa phương, cộng đồng, đất nước, mang tính tổng hợp nhiều lĩnh vực giáo dục, nhiều môn học; dễ vận dụng vào thực tế. - Được thiết kế thành các chủ đề mang tính mở, không yêu cầu mối liên hệ chặt chẽ giữa các chủ đề
Hình thức tổ chức	<ul style="list-style-type: none"> - Đa dạng, có quy trình chặt chẽ, hạn chế về không gian, thời gian, quy mô và đối tượng tham gia,... - Học sinh ít cơ hội trải nghiệm cá nhân. - Người chỉ đạo, tổ chức hoạt động học tập chủ yếu là giáo viên. 	<ul style="list-style-type: none"> - Đa dạng, phong phú, mềm dẻo, linh hoạt, mở về không gian, thời gian, quy mô, đối tượng và số lượng,... - Học sinh có nhiều cơ hội trải nghiệm cá nhân. - Có nhiều lực lượng tham gia chỉ đạo, tổ chức các hoạt động trải nghiệm với các mức độ khác nhau (giáo viên, cha mẹ học sinh, nhà hoạt động xã hội, chính quyền, doanh nghiệp,...).
Tương tác, phương pháp	<ul style="list-style-type: none"> - Chủ yếu là thầy - trò. - Thầy chỉ đạo, hướng dẫn, trò hoạt động là chính. 	<ul style="list-style-type: none"> - Đa chiều. - Học sinh tự hoạt động, trải nghiệm là chính.
Kiểm tra, đánh giá	<ul style="list-style-type: none"> - Nhấn mạnh đến năng lực tư duy. - Theo chuẩn chung. - Thường đánh giá kết quả đạt được bằng điểm số. 	<ul style="list-style-type: none"> - Nhấn mạnh đến kinh nghiệm, năng lực thực hiện, tính trải nghiệm. - Theo những yêu cầu riêng, mang tính cá biệt hoá, phân hoá. - Thường đánh giá kết quả đạt được bằng nhận xét.

III. MỘT SỐ HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM SÁNG TẠO TRONG MÔ HÌNH TRƯỜNG HỌC MỚI THCS

Các hoạt động trải nghiệm sáng tạo trong mô hình trường học mới THCS rất đa dạng như: Tham gia các dự án cộng đồng; Tham quan, dã ngoại; Hội thi/cuộc thi; Câu lạc bộ; Các trò chơi; Tổ chức diễn đàn; Sân khấu tương tác; Hoạt động giao lưu; Hoạt động chiến dịch; Hoạt động nhân đạo; Hoạt động tình nguyện; Lao động công ích; Sinh hoạt tập thể....

Bộ Giáo dục và Đào tạo sẽ có tài liệu hướng dẫn riêng về tổ chức các hoạt động trải nghiệm sáng tạo trong mô hình trường học mới THCS.

Đ. ĐÁNH GIÁ HỌC SINH TRONG MÔ HÌNH TRƯỜNG HỌC MỚI THCS

I. MỤC ĐÍCH ĐÁNH GIÁ

Đánh giá học sinh trong mô hình trường học mới THCS được hiểu là những hoạt động quan sát, theo dõi, trao đổi, kiểm tra, nhận xét quá trình học tập, rèn luyện của học sinh; tư vấn, hướng dẫn, động viên học sinh; nhận xét định tính hoặc định lượng về kết quả học tập, rèn luyện, sự hình thành và phát triển một số năng lực, phẩm chất của học sinh THCS nhằm mục đích giúp:

1. Học sinh tự rút kinh nghiệm và nhận xét lẫn nhau trong quá trình học tập, tự điều chỉnh cách học, qua đó dần hình thành và phát triển năng lực vận dụng kiến thức, khả năng tự học, phát hiện và giải quyết vấn đề trong môi trường giao tiếp, hợp tác; bồi dưỡng hứng thú học tập và rèn luyện của học sinh trong quá trình giáo dục.
2. Giáo viên rút kinh nghiệm, điều chỉnh hoạt động dạy học và giáo dục ngay trong quá trình và kết thúc mỗi giai đoạn dạy học và giáo dục; kịp thời phát hiện những cố gắng, tiến bộ của học sinh để động viên, khích lệ; phát hiện những khó khăn chưa thể tự vượt qua của học sinh để hướng dẫn, giúp đỡ; đưa ra nhận định phù hợp về những ưu điểm nổi bật và những hạn chế của mỗi học sinh để có biện pháp khắc phục kịp thời nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động học tập, rèn luyện của học sinh.
3. Cán bộ quản lý giáo dục các cấp có căn cứ để kịp thời chỉ đạo các hoạt động giáo dục, đổi mới phương pháp và hình thức dạy học, kiểm tra, đánh giá nhằm đạt hiệu quả giáo dục.

4. Cha mẹ học sinh hoặc người giám hộ (sau đây gọi chung là cha mẹ học sinh), cộng đồng quan tâm và tham gia nhận xét, góp ý quá trình và kết quả học tập, rèn luyện, phát triển năng lực, phẩm chất của học sinh; tích cực hợp tác với nhà trường trong các hoạt động dạy học và giáo dục học sinh.

II. NGUYÊN TẮC ĐÁNH GIÁ

1. Đánh giá phải hướng tới sự phát triển phẩm chất và năng lực của học sinh thông qua mức độ đạt chuẩn kiến thức, kỹ năng, thái độ và các biểu hiện năng lực, phẩm chất của học sinh dựa trên mục tiêu giáo dục THCS; coi trọng đánh giá để giúp đỡ học sinh về phương pháp học tập.
2. Chú trọng đánh giá thường xuyên đối với tất cả học sinh: đánh giá các hoạt động trên lớp; đánh giá qua hồ sơ học tập, vở học tập; đánh giá qua việc học sinh báo cáo kết quả thực hiện một dự án học tập, nghiên cứu khoa học, kỹ thuật, báo cáo kết quả thực hành, thí nghiệm; đánh giá qua bài thuyết trình (bài viết, bài trình chiếu, video clip,...) về kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập (sau đây gọi chung là sản phẩm học tập); kết hợp đánh giá trong quá trình dạy học, giáo dục và đánh giá tổng kết cuối kỳ, cuối năm học. Kết hợp đánh giá của giáo viên với tự đánh giá và đánh giá lẫn nhau của học sinh, đánh giá của cha mẹ học sinh và cộng đồng.
3. Coi trọng đánh giá sự tiến bộ của mỗi học sinh, không so sánh học sinh này với học sinh khác; coi trọng việc động viên, khuyến khích sự hứng thú, tính tích cực và vượt khó trong học tập, rèn luyện của học sinh; giúp học sinh phát huy năng khiếu cá nhân; đảm bảo kịp thời, công bằng, khách quan, không tạo áp lực cho học sinh, giáo viên và cha mẹ học sinh.
4. Việc đánh giá học sinh khuyết tật học hòa nhập phải bảo đảm quyền được chăm sóc và giáo dục đối với tất cả học sinh theo nguyên tắc động viên, khuyến khích sự nỗ lực và sự tiến bộ của học sinh là chính.

III. NỘI DUNG ĐÁNH GIÁ

1. Đánh giá hoạt động học tập, sự tiến bộ và kết quả học tập của học sinh theo chuẩn kiến thức, kỹ năng của chương trình giáo dục THCS theo từng môn học và hoạt động giáo dục.
2. Đánh giá sự hình thành và phát triển một số phẩm chất của học sinh.

Việc đánh giá mức độ đạt được các yêu cầu về phẩm chất và năng lực chung của học sinh cấp THCS được thực hiện thông qua nhận xét các biểu hiện chủ yếu của các thành tố

trong từng phẩm chất và năng lực. Bộ Giáo dục và Đào tạo sẽ hướng dẫn cụ thể về các biểu hiện chủ yếu của các thành tố trong từng phẩm chất và năng lực của học sinh.

IV. ĐÁNH GIÁ THƯỜNG XUYÊN VÀ ĐÁNH GIÁ ĐỊNH KỲ

1. Đánh giá thường xuyên

1.1. Đánh giá thường xuyên là đánh giá trong quá trình học tập, rèn luyện, của học sinh, được thực hiện theo tiến trình nội dung của các môn học và hoạt động giáo dục, trong đó có quá trình vận dụng kiến thức, kỹ năng ở nhà trường, gia đình và cộng đồng.

1.2. Tham gia đánh giá thường xuyên gồm có: giáo viên, học sinh (tự rút kinh nghiệm và nhận xét, góp ý bạn qua hoạt động của nhóm, lớp); khuyến khích cha mẹ học sinh và cộng đồng tham gia nhận xét, góp ý cho học sinh, giáo viên, các hoạt động giáo dục của nhà trường.

1.2.1. Giáo viên đánh giá

a) Đánh giá quá trình học tập của học sinh

Trong quá trình dạy học, căn cứ vào đặc điểm và mục tiêu của bài học, của mỗi hoạt động trong bài học, giáo viên tiến hành một số việc như sau:

- Theo dõi, kiểm tra quá trình và từng kết quả thực hiện nhiệm vụ của học sinh/nhóm học sinh theo tiến trình dạy học; quan tâm tiến độ hoàn thành từng nhiệm vụ của học sinh để áp dụng biện pháp cụ thể, kịp thời giúp đỡ học sinh vượt qua khó khăn. Chấp nhận sự khác nhau về thời gian và mức độ hoàn thành nhiệm vụ của các học sinh; những học sinh hoàn thành nhiệm vụ nhanh hơn tiến độ chung thì được giao thêm nhiệm vụ học tập hoặc giúp đỡ bạn. Hằng tuần, giáo viên lưu ý đến những học sinh có nhiệm vụ chưa hoàn thành, giúp đỡ kịp thời để học sinh biết cách hoàn thành nhiệm vụ.

- Nếu có nhận xét đặc biệt, giáo viên ghi vào phiếu, vở, sản phẩm học tập... của học sinh về những kết quả đã làm được hoặc chưa làm được, mức độ hiểu biết và năng lực vận dụng kiến thức, mức độ thành thạo các thao tác, kỹ năng cần thiết...

b) Đánh giá sự hình thành và phát triển phẩm chất, năng lực của học sinh

Giáo viên quan sát các biểu hiện trong quá trình học tập, sinh hoạt và tham gia các hoạt động tập thể để nhận xét sự hình thành và phát triển một số phẩm chất, năng lực của học sinh; từ đó động viên, khích lệ, giúp học sinh khắc phục khó khăn; phát huy ưu điểm và các phẩm chất, năng lực riêng; điều chỉnh hoạt động, ứng xử để tiến bộ.

c) Lưu ý

Giáo viên không đánh giá bằng cho điểm mà đánh giá bằng nhận xét quá trình và kết quả học tập của học sinh; chủ yếu dùng lời nói để động viên, góp ý, hướng dẫn học sinh, đồng thời ghi lại những nhận xét đáng chú ý nhất vào "Sổ tay lên lớp" như: những kết quả học sinh đã đạt được hoặc chưa đạt được; các biểu hiện cụ thể về sự hình thành và phát triển năng lực, phẩm chất của học sinh; những biện pháp đã áp dụng và những điều cần đặc biệt lưu ý để giúp cho quá trình theo dõi, giáo dục đối với cá nhân hoặc nhóm học sinh trong học tập, rèn luyện.

Để đạt hiệu quả cao trong việc động viên, khích lệ học sinh, giáo viên cần đặc biệt quan tâm đến đặc điểm tâm sinh lý, hoàn cảnh riêng... của từng học sinh để có những nhận xét thỏa đáng; biểu dương, khen ngợi kịp thời đối với từng thành tích, tiến bộ giúp học sinh tự tin vươn lên; tuyệt đối tránh những nhận xét có tính xúc phạm, làm tổn thương tâm lý học sinh.

Giáo viên kịp thời trao đổi với cha mẹ học sinh và những người có trách nhiệm để có thêm thông tin và phối hợp giúp cho sự hình thành và phát triển phẩm chất, năng lực của học sinh.

Hàng tháng, đối với những học sinh cần được quan tâm, giáo viên ghi nhận xét vào "Sổ tay lên lớp" của giáo viên về thành tích hoặc hạn chế nổi bật trong học tập và rèn luyện; các biểu hiện của phẩm chất, năng lực; dự kiến áp dụng biện pháp cụ thể, riêng biệt nhằm bồi dưỡng học sinh có năng khiếu, giúp đỡ kịp thời những học sinh chưa hoàn thành nội dung học tập môn học và hoạt động giáo dục trong tháng.

1.2.2. Học sinh tự đánh giá và tham gia nhận xét, góp ý bạn, nhóm bạn

- Học sinh tự rút kinh nghiệm ngay trong quá trình hoặc sau khi thực hiện từng nhiệm vụ học tập, hoạt động giáo dục khác; trao đổi với giáo viên để được góp ý, hướng dẫn.

- Học sinh tham gia nhận xét, góp ý bạn, nhóm bạn ngay trong quá trình thực hiện các nhiệm vụ học tập môn học và hoạt động giáo dục; thảo luận, hướng dẫn, giúp đỡ bạn hoàn thành nhiệm vụ.

1.2.3. Cha mẹ học sinh tham gia đánh giá

Cha mẹ học sinh được khuyến khích phối hợp với giáo viên và nhà trường động viên, giúp đỡ học sinh học tập, rèn luyện; được giáo viên hướng dẫn tham dự, quan sát, hỗ trợ các hoạt động của học sinh; trao đổi với giáo viên bằng các hình thức phù hợp như lời nói, viết thư... về các nhận xét, các biện pháp giúp đỡ học sinh.

2. Đánh giá định kì kết quả học tập cuối học kì I và cuối năm học

2.1. Các môn Ngữ văn, Toán, Khoa học tự nhiên, Khoa học xã hội, Giáo dục công dân, Công nghệ, Tin học được đánh giá qua bài kiểm tra định kì với thời lượng 90 phút. Đề kiểm tra bao gồm các câu hỏi, bài tập (tự luận hoặc/và trắc nghiệm) theo 4 mức độ yêu cầu:

- Nhận biết: học sinh nhận biết, nhắc lại hoặc mô tả đúng kiến thức, kĩ năng đã học khi được yêu cầu.

- Thông hiểu: học sinh diễn đạt đúng kiến thức hoặc mô tả đúng kĩ năng đã học bằng ngôn ngữ theo cách của riêng mình, có thể thêm các hoạt động phân tích, giải thích, so sánh; áp dụng trực tiếp (làm theo mẫu) kiến thức, kĩ năng đã biết để giải quyết các tình huống, vấn đề trong học tập.

- Vận dụng: học sinh kết nối và sắp xếp lại các kiến thức, kĩ năng đã học để giải quyết thành công tình huống, vấn đề tương tự tình huống, vấn đề đã học.

- Vận dụng cao: học sinh vận dụng được các kiến thức, kĩ năng để giải quyết các tình huống, vấn đề mới, không giống với những tình huống, vấn đề đã được hướng dẫn; đưa ra những phản hồi hợp lí trước một tình huống, vấn đề mới trong học tập hoặc trong cuộc sống.

Tỷ lệ số câu hỏi, bài tập thuộc các phân môn trong bài kiểm tra đối với các môn Khoa học tự nhiên, Khoa học xã hội, Công nghệ, Tin học phù hợp với nội dung phân môn đã học tính đến thời điểm kiểm tra.

Căn cứ vào mức độ phát triển năng lực của học sinh ở từng học kỳ và từng khối lớp, giáo viên và nhà trường xác định tỷ lệ các câu hỏi, bài tập theo 4 mức độ yêu cầu trong các bài kiểm tra trên nguyên tắc đảm bảo sự phù hợp với đối tượng học sinh và tăng dần tỷ lệ các câu hỏi, bài tập ở mức độ yêu cầu vận dụng, vận dụng cao.

Đánh giá qua bài kiểm tra định kì được lượng hóa bằng điểm số theo thang điểm 10 hoặc quy đổi về thang điểm 10, kết hợp với nhận xét những ưu điểm, hạn chế và sửa lỗi, góp ý cho học sinh. Nội dung nhận xét phải thỏa đáng, phù hợp với điều kiện học tập, sự tiến bộ, đặc điểm tâm lý học sinh; tránh những nhận xét chung chung, theo mẫu hay những nhận xét mang tính xúc phạm làm tổn thương tâm lý học sinh.

Đối với học sinh có kết quả bài kiểm tra định kì không phù hợp với những nhận xét trong quá trình học tập (quá trình học tập tốt nhưng kết quả kiểm tra quá kém hoặc ngược lại), giáo viên cần tìm hiểu rõ nguyên nhân, nếu thấy cần thiết và hợp lí thì có thể cho học sinh kiểm tra lại.

2.2. Đối với môn Tiếng Anh: ngoài những quy định trên, thực hiện theo hướng dẫn hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

2.3. Hoạt động giáo dục (Âm nhạc, Mĩ thuật, Thể dục)

Căn cứ chuẩn kiến thức, kỹ năng của môn học quy định trong Chương trình giáo dục phổ thông, thái độ tích cực và sự tiến bộ của học sinh để nhận xét kết quả bài kiểm tra định kỳ theo hai mức:

a) Đạt yêu cầu: Nếu đảm bảo ít nhất một trong hai điều kiện sau:

- Thực hiện được cơ bản các yêu cầu chuẩn kiến thức, kỹ năng đối với nội dung trong bài kiểm tra;

- Có cố gắng, tích cực học tập và tiến bộ rõ rệt trong thực hiện các yêu cầu chuẩn kiến thức, kỹ năng đối với nội dung trong bài kiểm tra.

b) Chưa đạt yêu cầu: Các trường hợp còn lại.

V. TỔNG HỢP ĐÁNH GIÁ ĐỊNH KÌ VÀ XÉT KHEN THƯỞNG

1. Vào cuối học kì I và cuối năm học, hiệu trưởng chỉ đạo giáo viên chủ nhiệm phối hợp với các giáo viên bộ môn để đánh giá tổng hợp từng học sinh:

1.1. Nhận xét quá trình và kết quả học tập từng môn học/hoạt động giáo dục: những đặc điểm nổi bật, sự tiến bộ, hạn chế, mức độ hoàn thành nhiệm vụ học tập theo chuẩn kiến thức, kỹ năng; năng khiếu, hứng thú về từng môn học/hoạt động giáo dục; những nội dung học tập chưa hoàn thành (nếu có). Đánh giá từng học sinh thuộc một trong hai mức: "Hoàn thành" hoặc "Có nội dung chưa hoàn thành".

1.2. Dựa vào những biểu hiện nổi bật của năng lực để nhận xét về sự tiến bộ, mức độ hình thành và phát triển theo từng nhóm năng lực của học sinh; góp ý với học sinh, khuyến nghị với nhà trường, cha mẹ học sinh. Đánh giá từng học sinh thuộc một trong hai mức: "Đạt" hoặc "Còn hạn chế".

1.3. Dựa vào những biểu hiện nổi bật của phẩm chất để nhận xét về sự tiến bộ, mức độ hình thành và phát triển theo từng nhóm phẩm chất của học sinh; góp ý với học sinh, khuyến nghị với nhà trường, cha mẹ học sinh. Đánh giá từng học sinh thuộc một trong hai mức: "Đạt" hoặc "Cần rèn luyện thêm".

1.4. Xét khen thưởng học sinh

Giáo viên chủ nhiệm hướng dẫn tập thể học sinh bình bầu những học sinh đạt thành tích nổi bật hay có tiến bộ vượt bậc trong các nội dung đánh giá, đạt thành tích

nổi bật trong các phong trào thi đua và các cuộc thi; tham khảo ý kiến của giáo viên bộ môn và cha mẹ học sinh; tổng hợp và lập danh sách đề nghị hiệu trưởng tặng giấy khen hoặc đề nghị cấp trên khen thưởng.

Học sinh có thành tích đột xuất có thể được xét khen thưởng đột xuất hoặc khen thưởng cuối học kỳ, cuối năm học.

Nội dung, số lượng học sinh được khen thưởng, tuyên dương do hiệu trưởng quyết định.

1.5. Lưu ý: Đối với học sinh khuyết tật học theo phương thức giáo dục hòa nhập, nếu khả năng của học sinh có thể đáp ứng được yêu cầu chương trình giáo dục chung thì được đánh giá như đối với học sinh bình thường nhưng có giảm nhẹ yêu cầu về kết quả học tập. Những môn học hoặc hoạt động giáo dục mà học sinh không có khả năng đáp ứng yêu cầu chung thì được đánh giá theo yêu cầu của kế hoạch giáo dục cá nhân. Việc đánh giá học sinh khuyết tật phải dựa trên sự nỗ lực và tiến bộ của học sinh.

2. Giáo viên chủ nhiệm ghi nhận xét, kết quả tổng hợp đánh giá vào học bạ, phản ánh được mức độ hoàn thành chương trình và xác định những nhiệm vụ, những điều cần khắc phục, giúp đỡ đối với từng học sinh khi bắt đầu vào học kì II hoặc bắt đầu năm học mới.

VI. HỒ SƠ ĐÁNH GIÁ

1. Hồ sơ đánh giá được coi là minh chứng cho quá trình học tập, rèn luyện và kết quả học tập của học sinh; là phương tiện giúp cho việc thông tin nhằm tăng cường sự phối hợp giáo dục học sinh giữa giáo viên, nhà trường với cha mẹ học sinh.

2. Hồ sơ đánh giá theo năm học của mỗi học sinh gồm:

- a) Học bạ (hoặc Kế hoạch giáo dục cá nhân đối với học sinh khuyết tật);
- b) Bài kiểm tra định kì cuối học kì I và cuối năm học;
- c) Các nhận xét về thành tích nổi bật hoặc những điều cần lưu ý trong học tập và rèn luyện của học sinh (trích từ "Sổ tay lên lớp" của giáo viên).
- d) Các sản phẩm học tập khác như: Bài dự thi, Dự án dự thi khoa học, kĩ thuật đã đoạt giải,... (nếu có);
- đ) Phiếu hoặc sổ liên lạc trao đổi ý kiến của cha mẹ học sinh (nếu có);
- e) Giấy chứng nhận, giấy khen, huy chương,... xác nhận thành tích của học sinh trong năm học (nếu có).

3. Khuyến khích giáo viên, nhà trường sử dụng máy tính (với phần mềm chuyên dụng hoặc các phần mềm thông dụng như word, excel...) để ghi chép và lưu trữ hồ sơ đánh giá học sinh. Cuối mỗi năm học hoặc khi cần thiết, hồ sơ đánh giá học sinh được in ra để giáo viên và lãnh đạo nhà trường kí tên, đóng dấu và lưu giữ tại nhà trường.

4. Đối với học sinh chuyển đi khỏi lớp trường học mới, hồ sơ đánh giá học sinh hoàn thiện theo hướng dẫn này được nộp vào cơ sở giáo dục mới và kết hợp với hồ sơ ở trường mới. Đối với học sinh chuyển đến lớp trường học mới, hồ sơ đánh giá học sinh gồm hồ sơ học tại trường cũ (cập nhật đến thời điểm chuyển đến) và hồ sơ đánh giá thực hiện theo hướng dẫn này.

VII. SỬ DỤNG KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ

1. Xét hoàn thành chương trình lớp học: Học sinh được xác nhận hoàn thành chương trình lớp học phải đảm bảo các điều kiện sau:

- Điểm các bài kiểm tra định kì cuối năm học các môn Ngữ văn, Toán, Khoa học tự nhiên, Khoa học xã hội, Giáo dục công dân, Công nghệ - Tin học ứng dụng; điểm trung bình cả năm môn Tiếng Anh: Đạt 5 điểm trở lên. Kết quả đánh giá định kì hoạt động giáo dục (Âm nhạc, Mĩ thuật, Thể dục): Đạt yêu cầu.

- Tổng hợp đánh giá cuối năm học đối với tất cả các môn học, hoạt động giáo dục: Hoàn thành; Mức độ hình thành và phát triển năng lực: Đạt; Mức độ hình thành và phát triển phẩm chất: Đạt.

2. Đối với học sinh chưa hoàn thành chương trình lớp học, hiệu trưởng phân công giáo viên lập kế hoạch, trực tiếp hướng dẫn, giúp đỡ từng học sinh; đánh giá bổ sung để xét hoàn thành chương trình lớp học vào đầu năm học mới.

3. Đối với những học sinh đã được giáo viên trực tiếp hướng dẫn và giúp đỡ mà vẫn chưa đạt một trong các điều kiện quy định tại điểm 1 mục này, tùy theo mức độ chưa hoàn thành ở các môn học, hoạt động giáo dục, bài kiểm tra định kì, mức độ hình thành và phát triển một số năng lực, phẩm chất, giáo viên lập danh sách báo cáo hiệu trưởng xem xét, quyết định việc lên lớp hoặc ở lại lớp.

Đối với những học sinh có nội dung chưa hoàn thành trong kết quả học tập, cần rèn luyện thêm về phẩm chất hoặc còn hạn chế về năng lực thì vào đầu năm học mới được bàn giao cho giáo viên lớp mới để được tiếp tục giúp đỡ tiến bộ.

4. Kết quả xét hoàn thành chương trình lớp học được ghi vào học bạ.

VIII. TỔ CHỨC THỰC HIỆN VIỆC ĐÁNH GIÁ HỌC SINH

1. Trách nhiệm của hiệu trưởng

1.1. Chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện đánh giá học sinh; khen thưởng học sinh; báo cáo kết quả thực hiện về phòng Giáo dục và Đào tạo.

1.2. Chỉ đạo xây dựng và thực hiện kế hoạch bồi dưỡng, giúp đỡ học sinh; xét hoàn thành chương trình lớp học, cấp học; xét lên lớp; duyệt kết quả đánh giá học sinh cuối năm học; quản lý học bạ trong thời gian học sinh học ở trường.

1.3. Tiếp nhận, giải quyết ý kiến thắc mắc, đề nghị của học sinh, cha mẹ học sinh về nhận xét, đánh giá, khen thưởng theo phạm vi và quyền hạn của hiệu trưởng.

1.4. Hướng dẫn giáo viên sử dụng mẫu học bạ theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

2. Trách nhiệm của giáo viên

2.1. Giáo viên chủ nhiệm:

a) Chịu trách nhiệm chính, phối hợp giáo viên bộ môn trong việc đánh giá kết quả học tập, phẩm chất, năng lực của học sinh; hoàn thành hồ sơ đánh giá học sinh theo quy định; tổng hợp đánh giá kết quả học tập, rèn luyện của học sinh;

b) Có trách nhiệm thông báo đánh giá quá trình học tập, rèn luyện và kết quả học tập của học sinh cho cha mẹ học sinh cuối học kì I, cuối năm học hoặc khi được yêu cầu; không thông báo trước lớp và trong cuộc họp cha mẹ học sinh những điểm còn hạn chế của học sinh; duy trì mối liên hệ với cha mẹ học sinh để phối hợp giáo dục học sinh.

2.2. Giáo viên bộ môn:

a) Chịu trách nhiệm đánh giá quá trình học tập, phẩm chất, năng lực và kết quả học tập của học sinh đối với môn học/hoạt động giáo dục theo quy định;

b) Phối hợp với giáo viên chủ nhiệm, giáo viên dạy cùng lớp, cha mẹ học sinh lập kế hoạch, thực hiện kế hoạch bồi dưỡng, giúp đỡ học sinh học tập, rèn luyện đối với môn học và hoạt động giáo dục;

c) Phối hợp với giáo viên chủ nhiệm lớp đánh giá quá trình học tập, phẩm chất, năng lực và kết quả học tập của học sinh, hoàn thành hồ sơ đánh giá học sinh.

G. TỔ CHỨC SINH HOẠT CHUYÊN MÔN VÀ THAM GIA CÁC HOẠT ĐỘNG CHUYÊN MÔN TRÊN MẠNG “TRƯỜNG HỌC KẾT NỐI”

I. TỔ CHỨC SINH HOẠT CHUYÊN MÔN

1. Mục tiêu sinh hoạt chuyên môn tại các trường trung học cơ sở thực hiện mô hình trường học mới

Sinh hoạt chuyên môn là hoạt động thường xuyên của nhà trường và là một trong những hình thức bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ, năng lực sư phạm cho giáo viên, giúp giáo viên chủ động lựa chọn nội dung, hình thức và phương pháp dạy học cho phù hợp với từng đối tượng học sinh của lớp/trường mình.

Sinh hoạt chuyên môn ở các trường trung học cơ sở thực hiện mô hình trường học mới được thực hiện tại trường và cụm trường. Mục tiêu của sinh hoạt chuyên môn nhằm:

1. Nâng cao năng lực chuyên môn, nghiệp vụ cho cán bộ quản lý, giáo viên.
2. Đổi mới nhận thức về mục tiêu, nội dung, phương pháp và hình thức dạy học; đổi mới kiểm tra đánh giá theo hướng dạy học tích cực, hướng vào hoạt động học của học sinh, góp phần phát triển năng lực cho mọi học sinh.
3. Giúp giáo viên nắm vững quan điểm, phương pháp, kỹ thuật dạy học, chủ động điều chỉnh tài liệu Hướng dẫn học cho phù hợp với đối tượng học sinh, vùng miền và quá trình tổ chức hoạt động học tập.
4. Xây dựng và phát triển quan hệ đồng nghiệp thân thiện, tôn trọng theo hướng hợp tác, hỗ trợ và dân chủ; đảm bảo cơ hội phát triển chuyên môn cho mọi giáo viên.
5. Phát triển quan hệ giữa nhà trường với gia đình và cộng đồng, đảm bảo cơ hội cho gia đình và cộng đồng tham gia vào quá trình học tập của học sinh.

2. Nội dung sinh hoạt chuyên môn tại các trường trung học cơ sở thực hiện mô hình trường học mới

Nội dung sinh hoạt chuyên môn tại các trường trung học cơ sở theo mô hình trường học mới bao gồm sinh hoạt chuyên môn thường xuyên và sinh hoạt chuyên môn theo chủ đề.

2.1. Sinh hoạt chuyên môn thường xuyên

Sinh hoạt chuyên môn thường xuyên được tổ chức định kỳ 2 lần/tháng theo điều lệ nhà trường, theo định hướng sau:

- Thảo luận các nội dung chuyên môn có liên quan giữa hai lần sinh hoạt chuyên môn định kỳ. Nội dung sinh hoạt chuyên môn phải cụ thể, thiết thực và do chính giáo viên, cán bộ quản lý giáo dục đề xuất, thống nhất và quyết tâm thực hiện;

- Thảo luận các bài sắp dạy trong tài liệu Hướng dẫn học; thống nhất những nội dung điều chỉnh tài liệu, làm cho tài liệu dạy học phù hợp với đặc điểm của học sinh, phù hợp với địa phương; nâng cao năng lực sư phạm, năng lực nghề nghiệp cho giáo viên; hoàn thiện tài liệu thử nghiệm.

- Thảo luận và thực hiện sắp xếp các dụng cụ học tập (có sẵn/tự làm) để bổ sung hoặc thay thế các dụng cụ học tập trong góc học tập và góc cộng đồng;

- Trao đổi kinh nghiệm tổ chức các hoạt động hỗ trợ cho hoạt động tự quản của học sinh;

- Trao đổi kinh nghiệm đánh giá quá trình và kết quả học tập của học sinh;

- Các hoạt động hành chính khác trong nội dung hoạt động của tổ chuyên môn được tiến hành theo quy định của điều lệ nhà trường.

2.2. Sinh hoạt chuyên môn theo chủ đề

- Sinh hoạt chuyên môn theo chủ đề được tổ chức theo kế hoạch của tháng, học kỳ hoặc cả năm, bao gồm các nội dung:

+ Xây dựng kế hoạch và chuẩn bị bài dạy; tổ chức dạy học và dự giờ; phân tích thảo luận và đánh giá bài dạy minh họa của giáo viên theo hướng phân tích hoạt động học tập của học sinh; cùng suy ngẫm và vận dụng để hướng dẫn hoạt động học của học sinh...

+ Xây dựng kế hoạch kiểm tra, đánh giá quá trình và kết quả học tập của học sinh; thảo luận và biên soạn các phiếu đánh giá, hồ sơ kiểm tra đánh giá học sinh;

+ Tổ chức tham quan, tìm hiểu thực tế dạy học tại các trường trên phạm vi huyện, tỉnh, cả nước;

+ Tổ chức các buổi sinh hoạt tập thể về các chủ đề liên quan tới chuyên môn, nghiệp vụ,...

- Quy trình triển khai sinh hoạt chuyên môn theo chủ đề:

Để tổ chức một hoạt động sinh hoạt chuyên môn theo chủ đề có hiệu quả, cần phải thiết kế được các hoạt động một cách khoa học. Đây là yêu cầu có tính nguyên tắc đối với việc xây dựng kế hoạch dạy học trước khi lên lớp. Cụ thể, yêu cầu thiết kế một hoạt động gồm các bước sau:

Bước 1: Chuẩn bị

- Các buổi sinh hoạt chuyên môn theo chủ đề cần có công tác chuẩn bị và phân công rõ ràng công việc cho các thành viên trong tổ/nhóm chuyên môn:

+ Dự kiến nội dung công việc, hình dung được tiến trình hoạt động.

+ Dự kiến những phương tiện cần thiết cho hoạt động.

+ Dự kiến nhiệm vụ cho từng đối tượng, thời gian hoàn thành nhiệm vụ.

- Tổ trưởng/nhóm trưởng dự kiến những việc sẽ làm để thể hiện sự tương tác tích cực các thành viên trong tổ/nhóm. Để làm được việc này đòi hỏi mỗi giáo viên và tổ trưởng chuyên môn phải có kỹ năng làm việc nhóm.

Bước 2: Điều hành buổi sinh hoạt chuyên môn theo chủ đề

- Lựa chọn thời gian và tiến hành đúng theo thời gian đã chọn.

- Tổ trưởng/nhóm trưởng chuyên môn điều hành buổi sinh hoạt chuyên môn theo chủ đề: nêu rõ mục tiêu buổi sinh hoạt, công bố chương trình, cách triển khai, định hướng thảo luận; nêu rõ nguyên tắc làm việc.

- Các thành viên báo cáo nội dung chủ đề đã được phân công.

- Tổ trưởng chuyên môn tổ chức cho các thành viên thảo luận, phát biểu ý kiến; chia nhỏ vấn đề thảo luận bằng việc sử dụng những câu hỏi dẫn dắt hợp lý; lắng nghe, tôn trọng các ý kiến phát biểu.

Bước 3. Kết thúc buổi sinh hoạt chuyên môn theo chủ đề

- Kết thúc buổi sinh hoạt chuyên môn theo chủ đề, tổ trưởng chuyên môn phải đưa ra được các kết luận cần thiết, phương hướng triển khai vận dụng kết quả của buổi sinh hoạt đó trong thực tế giảng dạy.

- Đối với các trường qui mô nhỏ, giáo viên mỗi bộ môn ít, nên đẩy mạnh hoạt động sinh hoạt chuyên môn theo chủ đề với qui mô cụm trường để trao đổi học thuật, nâng cao năng lực chuyên môn theo yêu cầu.

Như vậy, sinh hoạt chuyên môn trong mô hình trường học mới gắn với quá trình giáo viên hướng dẫn học sinh học tập, giúp giáo viên chủ động điều chỉnh nội dung, tìm phương pháp dạy học và kiểm tra đánh giá phù hợp, tạo cơ hội cho mọi học sinh tham gia vào quá trình học tập để nâng cao chất lượng dạy học.

Sinh hoạt chuyên môn tại các trường trung học cơ sở theo mô hình trường học mới, giáo viên tập trung phân tích các vấn đề liên quan đến người học, như: Học sinh

học như thế nào? Học sinh đang gặp khó khăn gì trong học tập? Nội dung và phương pháp dạy học có phù hợp, có gây hứng thú cho học sinh không? Kết quả học tập của học sinh có được cải thiện không? Cần điều chỉnh điều gì và điều chỉnh như thế nào?...

Trong dự giờ sinh hoạt chuyên môn, người dự không tập trung vào quan sát việc giảng dạy của giáo viên để đánh giá, xếp loại giờ học mà quan sát việc học tập của học sinh, ghi lại những minh chứng để giúp giáo viên tìm ra nguyên nhân tại sao học sinh học chưa đạt kết quả như mong muốn, nhất là những học sinh có khó khăn về học tập. Từ đó, giúp giáo viên chủ động điều chỉnh nội dung, lựa chọn phương pháp dạy học phù hợp, tạo cơ hội cho mọi học sinh tham gia vào quá trình học tập để nâng cao chất lượng dạy học.

3. Sinh hoạt chuyên môn theo cụm trường

3.1. Khái niệm sinh hoạt chuyên môn theo cụm trường

Sinh hoạt chuyên môn theo cụm trường (còn gọi là sinh hoạt chuyên môn liên trường) là hình thức tập trung giáo viên, cán bộ quản lý của các trường có khoảng cách địa lý giữa các trường THCS không quá xa, tới một trường THCS để cùng nhau chia sẻ kinh nghiệm, tháo gỡ khó khăn về nội dung, phương pháp và hình thức dạy học, đánh giá học sinh và công tác quản lý các hoạt động giáo dục của nhà trường.

Nội dung sinh hoạt chuyên môn theo cụm trường có mức độ cao hơn, rộng hơn so với nội dung sinh hoạt chuyên môn định kỳ tại các trường. Sinh hoạt chuyên môn theo cụm trường đề cập tới các vấn đề mang tính tổng kết, đánh giá của các trường; những vấn đề đặt ra đòi hỏi phải có sự phối hợp, tháo gỡ từ nhiều giáo viên, từ nhiều trường học hoặc từ các giáo viên cốt cán, chuyên gia giáo dục giỏi ở địa phương và trung ương.

Cơ chế sinh hoạt chuyên môn theo cụm trường là tự nguyện, do các trường đứng ra tự tổ chức và thực hiện các nhiệm vụ có tính thiết thực, mang lại lợi ích cho chính bản thân các trường cùng tham gia sinh hoạt. Thời gian, địa điểm, chi phí và nội dung sinh hoạt chuyên môn theo cụm trường do các trường trong cụm thỏa thuận và thống nhất trong kế hoạch hành động. Tuy nhiên, do tính chất và tác dụng của sinh hoạt chuyên môn theo cụm trường, các sở/phòng giáo dục và đào tạo có thể quan tâm hướng dẫn, coi đó là biện pháp hiệu quả để bồi dưỡng cho giáo viên, cán bộ quản lý giáo dục; đồng thời có thể khuyến khích, tạo điều kiện hỗ trợ thường xuyên, mọi mặt cho sinh hoạt chuyên môn theo cụm trường.

3.2. Tác dụng của sinh hoạt chuyên môn theo cụm trường

Sinh hoạt chuyên môn theo cụm trường mang lại tác dụng trên nhiều mặt:

- Tạo nên mạng lưới bồi dưỡng giáo viên năng động và hiệu quả, sát với nhu cầu của giáo viên và yêu cầu của các trường trong cụm.

- Xây dựng được đội ngũ giáo viên cốt cán có năng lực chuyên môn và nghiệp vụ cho các trường trong từng khu vực và cả địa phương.

- Tạo nên sự gắn kết giữa đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý giữa các trường có điều kiện kinh tế - xã hội và văn hóa tương đồng...

Sinh hoạt chuyên môn theo cụm trường là một hoạt động tăng cường khả năng phát triển chuyên môn của giáo viên, có tác động trực tiếp đến việc dạy học và công tác quản lý giáo dục của các trường trong cụm, đồng thời khuyến khích giáo viên nhìn lại quá trình dạy học và tự đánh giá về năng lực nghề nghiệp của mình. Thông qua nghiên cứu sáng kiến và khoa học sư phạm ứng dụng, giáo viên được bồi dưỡng, nâng cao năng lực giải quyết vấn đề và đưa ra các quyết định về chuyên môn một cách chính xác, thiết thực; đổi mới tư duy của giáo viên theo yêu cầu của mô hình trường học mới. Trong thực tế, chính giáo viên đã đưa ra giải pháp có thể tổ chức sinh hoạt chuyên môn theo cụm trường, luân phiên tại các điểm trường để mọi giáo viên có cơ hội hiểu biết, chia sẻ kinh nghiệm, cán bộ quản lý có cơ hội nắm bắt hiểu biết sâu hơn tình hình chất lượng, những khó khăn của giáo viên và học sinh tại các điểm trường để có kế hoạch hỗ trợ...

3.3. Tổ chức sinh hoạt chuyên môn theo cụm trường

a) Báo cáo toàn diện hay một vấn đề đặc trưng của mỗi trường về kết quả triển khai mô hình trường học mới cấp THCS

Nội dung báo cáo bao gồm:

- Những ứng dụng có được trong quá trình giảng dạy qua hoạt động của hội đồng tự quản học sinh, qua các không gian và tài liệu học tập như: góc học tập, góc cộng đồng, thư viện lớp học và bản đồ cộng đồng vào môn học và hoạt động giáo dục đã thực hiện trong thời gian vừa qua.

- Những ví dụ thực tế, những bài học kinh nghiệm về sự phối hợp giữa nhà trường, gia đình và cộng đồng trong thời gian vừa qua.

- Tổ chức và điều hành nhóm học tập.

- Chia sẻ kinh nghiệm quan sát, phát hiện những khó khăn mà học sinh gặp phải trong quá trình học tập; kỹ thuật ghi chép để đánh giá quá trình học tập của học sinh.

- Chia sẻ các biện pháp hỗ trợ học sinh vượt qua khó khăn trong quá trình học tập; những kinh nghiệm trong việc đánh giá sản phẩm học tập của học sinh...

b) Báo cáo kết quả nghiên cứu sáng kiến kinh nghiệm, nghiên cứu khoa học sư phạm ứng dụng

Các sáng kiến kinh nghiệm hay đề tài nghiên cứu khoa học sư phạm ứng dụng chủ yếu đề cập đến việc điều chỉnh nội dung trong tài liệu Hướng dẫn học và hướng dẫn hoạt động giáo dục hoặc những chủ đề chuyên môn, nghiệp vụ sư phạm liên quan trực tiếp tới mô hình trường học mới. Nội dung các báo cáo được viết dưới dạng một đề tài về nghiên cứu sáng kiến kinh nghiệm hoặc đề tài nghiên cứu khoa học sư phạm ứng dụng, có thể cấu trúc theo ba phần cơ bản sau:

- *Trải nghiệm qua dạy học*: Qua thực tế dạy học, giáo viên quan sát, tìm hiểu học sinh và đặt các câu hỏi:

- + Vì sao hoạt động/nội dung này không thu hút học sinh tham gia?
- + Vì sao kết quả học tập của học sinh sụt giảm khi thực hiện hoạt động hai học nội dung này?
- + Kỹ thuật/phương pháp này có nâng cao kết quả học tập của học sinh không?
- + Có cách nào tốt hơn để thay đổi nhận thức của cha mẹ học sinh về giáo dục trong nhà trường không?

Từ đó, xác định nguyên nhân gây ra thực trạng và chọn một hoặc vài nguyên nhân để tiến hành nghiên cứu, tìm sáng kiến để tác động thay đổi thực trạng.

- *Thử nghiệm trực tiếp tại các trường*: Thử nghiệm sáng kiến, giải pháp thay thế trong lớp/trường học.

- *Kiểm chứng kết quả sáng kiến trong quá trình thực tế dạy học*: Tìm xem sáng kiến, giải pháp thay thế có hiệu quả hay không và hiệu quả được khẳng định qua những minh chứng cụ thể nào.

Việc thực hiện theo cấu trúc ba phần cơ bản trên giúp giáo viên phát hiện được các vấn đề mới, làm cho bài học của thầy và trò cuốn hút và hiệu quả hơn. Các sáng kiến, giải pháp do chính giáo viên nghiên cứu và được điều chỉnh từ mô hình trường học mới hoặc có thể từ mô hình nhà trường truyền thống. Không nên chọn những nội dung để nghiên cứu sáng kiến kinh nghiệm hay đề tài nghiên cứu khoa học sư phạm ứng dụng mà không liên quan trực tiếp đến quá trình dạy học hàng ngày của giáo viên.

c) Tham quan lớp học kiểu mẫu của mô hình trường học mới

Chọn lớp tốt nhất, thành công nhất ở địa điểm tổ chức sinh hoạt cụm trường để các đại biểu tới sinh hoạt chuyên môn được tham quan trải nghiệm thực tế. Nên dành

thời gian để giáo viên chia sẻ với nhau về những khó khăn tương tự, trao đổi ý tưởng, thực hành và trải nghiệm, áp dụng những cách tiếp cận mới, từ đó thấy được những thành công và khả năng tồn tại khác.

Các đại biểu cũng được giới thiệu và tìm hiểu cách làm các công cụ hỗ trợ học tập, các thiết bị và đồ dùng dạy học do giáo viên, học sinh và cộng đồng tự làm bằng nguyên vật liệu được dùng lại hoặc sẵn có ở địa phương.

Các đại biểu cũng có thể gặp đại diện cha mẹ học sinh, cộng đồng để trao đổi cách làm, cách học từ cuộc sống hằng ngày tại cộng đồng. Ngược lại, cộng đồng cũng báo cáo học được gì từ nhà trường và đã thay đổi gia đình và cộng đồng như thế nào.

d) Chuẩn bị kế hoạch cho lần tổ chức sinh hoạt tiếp theo

Việc xây dựng kế hoạch sinh hoạt chuyên môn theo cụm trường cho lần tổ chức sinh hoạt tiếp theo là quan trọng và cần thiết. Các trường trong cụm cần thống nhất được những nội dung cụ thể cho lần sinh hoạt tiếp theo và có kế hoạch chuẩn bị; phân công hết sức cụ thể cho từng tập thể, cá nhân chuẩn bị các nội dung liên quan và các điều kiện cần thiết để lần sinh hoạt cụm tiếp theo đem lại hiệu quả cao.

Kế hoạch sinh hoạt chuyên môn theo cụm trường phải luôn luôn khả thi vì các hoạt động của sinh hoạt chuyên môn theo cụm trường do các trường tự xây dựng theo yêu cầu, mục đích thiết thực và phải đem lại lợi ích cụ thể cho từng trường. Do vị trí địa lý của các trường tham gia sinh hoạt chuyên môn theo cụm trường gần nhau nên giáo viên và cán bộ quản lý có thể đi lại bằng phương tiện cá nhân, tiết kiệm được thời gian lưu trú khi tham gia tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn.

II. THAM GIA CÁC HOẠT ĐỘNG CHUYÊN MÔN TRÊN "TRƯỜNG HỌC KẾT NỐI"

1. Hướng dẫn sử dụng "Nghị vụ trường học"

1.1. Tài khoản cấp trường

Tóm tắt Hướng dẫn Tài khoản cấp trường:

Bước 1: Đăng nhập

Bước 2: Khai báo thông tin trường

Trong "**Không gian trường học**", chọn "**Khai báo thông tin chung**".

Khai báo Tên trường, địa chỉ trường.

Ấn nút "**Đồng ý**" để xác định khai báo.

Bước 3: Khai báo thông tin cá nhân TK trường

Đổi mật khẩu.

Đổi tên tài khoản.

Khai báo thông tin.

Upload ảnh đại diện của trường.

Bước 4: Quản lý giáo viên

Bước 5: Quản lý lớp học

Bước 6: Quản lý học sinh

Bước 7: Phân công giảng dạy và sắp xếp thời khóa biểu

Bước 8: Theo dõi hoạt động Sinh hoạt chuyên môn

a) Khai báo thông tin chung



LƯU Ý QUAN TRỌNG: Lần đăng nhập đầu tiên, trường phổ thông phải khai báo để khởi tạo không gian riêng trong mục “**Khai báo thông tin chung**”.

KHAI BÁO THÔNG TIN KHỞI TẠO CỦA TRƯỜNG	
Tên trường	THPT <input type="text" value="Hai Bà Trưng"/>
Tỉnh/thành phố	Hà Nội
Quận/huyện	Hai Bà Trưng
Số nhà, đường phố, xã	254 - Minh Khai <i>*Lưu ý: Chỉ nhập số nhà, đường phố, xã.</i>
Địa chỉ	254 - Minh Khai - Hai Bà Trưng - Hà Nội
<input type="button" value="Đồng ý"/>	

Trong trang này, phải khai báo đầy đủ thông tin: Loại trường (THPT/THCS), Tên trường (Ví dụ: Hai Bà Trưng), Địa chỉ của trường,...

Sau khi khai báo thông tin của trường, nếu phát hiện sai sót, có thể chỉnh sửa lại bằng cách chọn nút “**Chỉnh sửa**”.



KHAI BÁO THÔNG TIN

Mã trường: THA.98.00001

Tên trường: THPT

Địa chỉ:

b) Quản lý giáo viên

- Quản lý danh sách giáo viên:

Để truy cập không gian quản lý giáo viên, quý thầy/cô chọn nút “**Quản lý giáo viên**” trên thanh menu ngang.

Danh sách thông tin giáo viên của nhà trường sẽ hiện ra bao gồm các thông tin khai báo của giáo viên như họ tên, học hàm, học vị, ngày sinh, chuyên môn, chức vụ, địa chỉ, thông tin liên lạc...

Có thể chọn nút “**Xem lịch dạy**” tương ứng với mỗi giáo viên để xem thời khóa biểu do nhà trường phân công giảng dạy cho giáo viên đó (tính năng này sẽ được trình bày cụ thể hơn ở mục 3.4.).

- Tạo tài khoản cho giáo viên:

Để tạo tài khoản cho giáo viên, chọn nút “**Tạo TK GV**” trong không gian quản lý giáo viên.



[Trang chủ](#) > [Không gian trường học](#) > [Quản lý trường](#) > [Quản lý giáo viên](#) > [Tạo tài khoản giáo viên](#)

TẠO TÀI KHOẢN GIÁO VIÊN

Số TK giáo viên tối đa: 100. Còn lại: 81 TK.

Tài khoản:

Mật khẩu:

Họ và tên:

Hai mục “**Tài khoản**” và “**Mật khẩu**” có dữ liệu do hệ thống tự động sinh ra, người dùng **KHÔNG** có quyền sửa chữa trực tiếp hai mục này. Tuy nhiên, người dùng có thể yêu cầu thay đổi một chuỗi mật khẩu khác bằng cách kích chuột vào “**Sinh mật khẩu**”.

LƯU Ý QUAN TRỌNG: Trước khi kích chuột vào nút “**Đồng ý**”, người dùng cần copy dữ liệu ở hai mục này lại trước để gửi cho giáo viên. Nếu không thực hiện bước copy này, người dùng sẽ không thể nhớ được dữ liệu của tài khoản vừa được tạo ra. Tuy nhiên, trong trường hợp người dùng quên không thực hiện thao tác này thì có thể sử dụng tính năng sẽ được trình bày ở dưới đây để khắc phục.

Người dùng cần lưu ý số hạn ngạch tài khoản giáo viên do Sở GD&ĐT cấp cho mỗi trường, nếu số tài khoản còn lại là 0, hãy liên lạc với quản trị cấp Sở để được tăng số hạn ngạch.

Sau khi ấn nút “**Đồng ý**”, hệ thống sẽ tạo ra một tài khoản mới (ví dụ trong trường hợp này là tài khoản có tên truy cập **GV.00109.020** với mật khẩu truy cập **JgC8oxNd**).

- **Đổi mật khẩu cho giáo viên:**

Trường hợp khi tạo tài khoản giáo viên không lưu lại thông tin khởi tạo (đặc biệt là mật khẩu truy cập) hoặc trong quá trình sử dụng, giáo viên quên mật khẩu truy cập, quản trị nhà trường có thể cấp lại một mật khẩu truy cập mới cho giáo viên bằng cách chọn “**Đổi mật khẩu**” tương ứng với giáo viên trong danh sách giáo viên của trường.

Khung thay đổi mật khẩu sẽ hiện ra bên dưới tương ứng với giáo viên.

1	 ThS. Nguyễn Xuân Trung (Xem lịch dạy)	Mã GV: GV.00109.001 Giới tính: Nam Ngày sinh: 01/12/1976 Chuyên môn: Vật lý Chức vụ: Phó Hiệu trưởng	Điện thoại: 0913568506 Email: trungthptbnd@gmail.com Địa chỉ: Xóm 35 - Xuân Hồng - Xuân Trường - Nam Định	Đổi mật khẩu	Xóa
Mật khẩu mới: EG0rmus6 <input type="text"/> Sinh mật khẩu <input type="button"/> Đổi mật khẩu <input type="button"/>					

Hãy lưu lại mật khẩu trong khung trắng để gửi lại cho giáo viên.

LƯU Ý: mật khẩu hiển thị ở đây là một chuỗi mật khẩu **HOÀN TOÀN MỚI** chứ không phải mật khẩu cũ của tài khoản giáo viên.

Có thể yêu cầu một chuỗi mật khẩu mới nếu chuỗi hiện tại có các kí tự dễ nhầm lẫn bằng cách chọn nút “**Sinh mật khẩu**”.

Cuối cùng, hãy ấn vào nút “**Đổi mật khẩu**” để xác nhận thay đổi mật khẩu cho tài khoản giáo viên đó.

- **Xóa tài khoản giáo viên:**

Để xóa tài khoản giáo viên không dùng tới, chọn nút “**Xóa**” tương ứng với giáo viên trong danh sách giáo viên.

Sau khi xóa, tài khoản giáo viên đó sẽ không thể truy cập được nữa.

Trong trường hợp xóa nhầm tài khoản giáo viên, chúng ta có thể khôi phục lại trong vòng 10 ngày kể từ ngày xóa như trình bày dưới đây.

- Khôi phục tài khoản giáo viên:

Để khôi phục lại các tài khoản giáo viên đã bị xóa, chọn mục “**Khôi phục GV**” trong không gian quản lý giáo viên. Danh sách tài khoản giáo viên đã bị xóa trong vòng 10 ngày trở lại sẽ hiện lên. Chọn nút “**Khôi phục**” tương ứng với giáo viên để khôi phục lại tài khoản. Sau khi được khôi phục, tài khoản giáo viên đó sẽ có thể truy cập và sử dụng lại bình thường.

c) *Quản lý lớp học*

Để truy cập không gian “**Quản lý lớp học**”, chọn mục “**Quản lý lớp học**” trên thanh menu ngang.

- Tạo lớp học mới:

Chọn nút “**Tạo lớp học**” để vào không gian tạo một lớp học mới.

Điền các thông tin cơ bản của lớp học:



Tên lớp: ví dụ, muốn tạo lớp 12A5, chọn lớp 12 và gõ A5 vào ô bên cạnh.

Mô tả: mô tả chung về lớp học (sĩ số, thành tích lớp học,...).

Hình ảnh minh họa: hình ảnh hiển thị cho lớp học (có thể là hình ảnh tập thể của lớp).

Số học sinh: sĩ số của lớp học.

Giáo viên chủ nhiệm: lựa chọn giáo viên chủ nhiệm cho lớp học trong số giáo viên trong trường.

Lựa chọn lớp học theo trường học mới (nếu cần). Lưu ý: chỉ có những trường thí điểm theo mô hình trường học mới mới có tính năng này. Các lớp học trường học mới sẽ có không gian quản trị điểm số khác so với các lớp học thường.

Cuối cùng, chọn nút “**Đồng ý**” để tạo một lớp học mới.

- Tạo tài khoản học sinh theo đơn vị lớp:

Sau khi tạo lớp học thành công, lớp học mới sẽ hiển thị trong danh sách ở mục “**Quản lý lớp học**”.

11	12A5	TS. Phạm Đức Đông (Toán)	Chi tiết	32	Tạo tài khoản HS	Sửa	Xóa
----	------	--------------------------	----------	----	------------------	-----	-----

Để tạo tài khoản cho học sinh theo đơn vị lớp, chọn nút “**Tạo tài khoản học sinh**” tương ứng với lớp học.

Sau khi tạo thành công, các file định dạng excel và pdf chứa danh sách tài khoản và mật khẩu sẽ hiện ra tương ứng với lớp học.

11	12A5	TS. Phạm Đức Đông (Toán)	Chi tiết	32	Xem chi tiết			Sửa	Xóa
----	------	--------------------------	----------	----	--------------	---	---	-----	-----

Có thể download các danh sách trên về và gửi cho lớp học.

* **Lưu ý:** nếu số hạn ngạch tài khoản học sinh của trường còn ít hơn sĩ số học sinh của lớp thì sẽ không thể tạo được tài khoản học sinh cho lớp học đó.

- Chỉnh sửa lớp học:

Trong quá trình tạo lớp học, nếu có sai sót, có thể chỉnh sửa lại thông tin của lớp học bằng cách chọn nút “**Sửa**” tương ứng với lớp học trong danh sách lớp của trường. Không gian chỉnh sửa lớp học sẽ hiện ra tương tự như không gian tạo lớp học. Sau khi chỉnh sửa lại các thông tin cần thiết, ấn nút “**Đồng ý**” để xác nhận chỉnh sửa.

* **Lưu ý:** sĩ số lớp chỉ có thể thay đổi khi chưa tạo tài khoản học sinh theo danh sách lớp. Trong trường hợp đã tạo tài khoản cho học sinh nhưng vẫn muốn chỉnh sửa sĩ số lớp học thì có thể vận dụng các chức năng sẽ được trình bày ở dưới đây để thực hiện.

- Xóa lớp học: Các lớp học đã được tạo có thể được xóa bỏ bằng cách chọn nút “**Xóa**” tương ứng với lớp học đó.

* **Lưu ý:** với các lớp học đã được tạo học sinh, sau khi lớp học bị xóa, học sinh thuộc lớp học đó sẽ được chuyển thành “**học sinh tự do**” (học sinh không thuộc lớp học nào). Khi đó có thể sử dụng các tính năng khác để gán những học sinh đó vào một lớp học khác.

- Quản lý thông tin từng lớp học:





+ **Xem danh sách lớp:** Để xem danh sách lớp, chọn “**Xem chi tiết**” tương ứng với lớp học trong danh sách lớp học của trường.

#	Lớp	Giáo viên chủ nhiệm	TKB	Sĩ số	DS lớp	Excel	PDF	Sửa	Xóa
1	6A	ThS. Nguyễn Xuân Trung (Vật lý)	Chi tiết	45	Xem chi tiết			Sửa	Xóa
2	3N	TS. Nguyễn Thị Thanh Bình (Tiếng Nga)	Chi tiết	8	Xem chi tiết			Sửa	Xóa
3	12B	ThS. Nguyễn Xuân Trung (Vật lý)	Chi tiết	45	Xem chi tiết			Sửa	Xóa
4	12A	CN. Nguyễn Thị Thanh Hà (Khoa học tự nhiên)	Chi tiết	45	Xem chi tiết			Sửa	Xóa
5	12A	CN. Trần Thị Sơn (Vật lý)	Chi tiết	30	Xem chi tiết			Sửa	Xóa
6	12test	CN. Trần Thị Sơn (Vật lý)	Chi tiết	30	Xem chi tiết			Sửa	Xóa

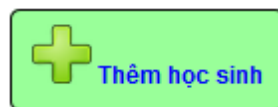
Danh sách thông tin học sinh của lớp học đó sẽ hiện ra với các thông tin cơ bản mà học sinh khai báo như mã học sinh, họ tên, ngày sinh, địa chỉ...

* Danh sách có 32 học sinh.

1 2 3 4 5 6 7 Số lượng hiển thị: 10

#	Họ tên	Thông tin cơ bản	Thông tin liên lạc	Trạng thái	Chuyển lớp	Xóa
1	 HS.00109.00301	Mã HS: HS.00109.00301 Giới tính: Ngày sinh: Lớp: 12A5	Điện thoại: Email: Địa chỉ:	Chọn trạng thái	Chuyển lớp	Xóa
2	 HS.00109.00302	Mã HS: HS.00109.00302 Giới tính: Ngày sinh: Lớp: 12A5	Điện thoại: Email: Địa chỉ:	Chọn trạng thái	Chuyển lớp	Xóa
3	 HS.00109.00303	Mã HS: HS.00109.00303 Giới tính: Ngày sinh: Lớp: 12A5	Điện thoại: Email: Địa chỉ:	Chọn trạng thái	Chuyển lớp	Xóa
4	 HS.00109.00304	Mã HS: HS.00109.00304 Giới tính: Ngày sinh: Lớp: 12A5	Điện thoại: Email: Địa chỉ:	Chọn trạng thái	Chuyển lớp	Xóa

+ *Thêm học sinh vào lớp*: có thể thêm các học sinh tự do (học sinh đang không thuộc lớp nào) vào lớp học bằng cách chọn nút “**Thêm học sinh**” trong không gian quản trị của lớp học.



Danh sách học sinh tự do của trường sẽ hiện ra.

GÁN HỌC SINH VÀO LỚP 12A5

Danh sách học sinh tự do (10)


Chọn tất cả | Xóa tất cả

1 Số lượng hiển thị: 10

#	Mã HS	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Trạng thái
<input type="checkbox"/>	HS.00109.00271				Xóa lớp
<input type="checkbox"/>	HS.00109.00272				Xóa lớp
<input type="checkbox"/>	HS.00109.00273				Xóa lớp
<input type="checkbox"/>	HS.00109.00274				Xóa lớp
<input type="checkbox"/>	HS.00109.00275				Xóa lớp
<input type="checkbox"/>	HS.00109.00276				Xóa lớp
<input type="checkbox"/>	HS.00109.00277				Xóa lớp
<input type="checkbox"/>	HS.00109.00278				Xóa lớp
<input type="checkbox"/>	HS.00109.00279				Xóa lớp
<input type="checkbox"/>	HS.00109.00280				Xóa lớp

Tích chọn các học sinh muốn gán vào lớp rồi ấn nút “**Gán học sinh**”.

+ *Chuyển trạng thái học sinh (thôi học, đuổi học, bảo lưu)*: Trong quá trình học tập, học sinh có thể bị đuổi học, xin thôi học hay xin bảo lưu kết quả học tập, nhà trường có thể chuyển trạng thái của học sinh đó thành “thôi học”, “đuổi học”, “bảo lưu” bằng cách chọn nút “**Chọn trạng thái**” tương ứng với học sinh trong danh sách học sinh của lớp.


1	 HS.00109.00301	Mã HS: HS.00109.00301 Giới tính: Ngày sinh: Lớp: 12A5	Điện thoại: Email: Địa chỉ:	Chọn trạng thái	Chuyển lớp	Xóa
---	---	--	-----------------------------------	------------------------	-------------------	------------

Chọn nút tương ứng với trạng thái muốn chuyển thành của học sinh.


1	 HS.00109.00301	Mã HS: HS.00109.00301 Giới tính: Ngày sinh: Lớp: 12A5	Điện thoại: Email: Địa chỉ:	Chọn trạng thái	Chuyển lớp	Xóa
Thôi học Đuổi học Bảo lưu						

Sau khi đã chuyển trạng thái, tài khoản học sinh đó sẽ không thể truy cập được nữa.

+ *Chuyển lớp cho học sinh*: có thể chuyển học sinh từ lớp học này sang lớp học khác bằng cách chọn nút “**Chuyển lớp**” tương ứng với mỗi học sinh.


1	 HS.00109.00301	Mã HS: HS.00109.00301 Giới tính: Ngày sinh: Lớp: 12A5	Điện thoại: Email: Địa chỉ:	Chọn trạng thái	Chuyển lớp	Xóa
---	---	--	-----------------------------------	------------------------	-------------------	------------

Chọn lớp học muốn chuyển tới rồi ấn nút “Chuyển”.

1	 NO PHOTO HS.00109.00301	Mã HS: HS.00109.00301 Giới tính: Ngày sinh: Lớp: 12A5	Điện thoại: Email: Địa chỉ:	Chọn trạng thái	Chuyển lớp	Xóa
12B						
Chuyển						

Thông tin của học sinh được chuyển đi sẽ được hiển thị trong danh sách của lớp chuyển tới.

+ *Xóa học sinh*: Để xóa học sinh, chọn nút “Xóa” tương ứng.

1	 NO PHOTO HS.00109.00301	Mã HS: HS.00109.00301 Giới tính: Ngày sinh: Lớp: 12A5	Điện thoại: Email: Địa chỉ:	Chọn trạng thái	Chuyển lớp	Xóa
---	---	--	-----------------------------------	-----------------	------------	-----

Sẽ có hai lựa chọn xóa được hiển thị.

1	 NO PHOTO HS.00109.00301	Mã HS: HS.00109.00301 Giới tính: Ngày sinh: Lớp: 12A5	Điện thoại: Email: Địa chỉ:	Chọn trạng thái	Chuyển lớp	Xóa
Xóa khỏi lớp Xóa						

“**Xóa khỏi lớp**” : xóa học sinh này ra khỏi danh sách lớp học, nếu chọn nút này, học sinh đó sẽ chuyển thành học sinh tự do (không thuộc lớp nào) và có thể gán học sinh đó vào một lớp học khác.

“**Xóa**” : xóa hẳn tài khoản học sinh, nếu chọn nút này, tài khoản học sinh đó sẽ bị xóa và không thể truy cập được nữa. Tuy nhiên, trong trường hợp xóa nhầm vẫn có thể khôi phục lại trong vòng 10 ngày kể từ ngày xóa bằng tính năng sẽ được trình bày dưới đây.

d) *Quản lý học sinh*

- Quản lý danh sách học sinh: Để truy cập không gian quản lý học sinh, chọn nút “**Quản lý học sinh**” trên thanh menu ngang. Danh sách thông tin học sinh của nhà trường sẽ hiện ra bao gồm các thông tin của học sinh như họ tên, ngày sinh, lớp học, địa chỉ...

- Tạo tài khoản cho học sinh: Để tạo tài khoản cho học sinh, chọn nút “**Tạo TK học sinh**” trong không gian quản lý học sinh.

Số TK học sinh tối đa: 500. Còn lại: 168 TK.

Tài khoản:

Mật khẩu:

Hai mục “**Tài khoản**” và “**Mật khẩu**” có dữ liệu do hệ thống tự động sinh ra, người dùng **KHÔNG** có quyền sửa chữa trực tiếp hai mục này.

LƯU Ý QUAN TRỌNG: Trước khi kích chuột vào nút “**Đồng ý**”, cần copy dữ liệu ở hai mục này lại trước để gửi cho học sinh. Nếu không thực hiện bước copy này, sẽ không thể nhớ được dữ liệu của tài khoản vừa được tạo ra. Tuy nhiên, trong trường hợp quên không thực hiện thao tác này thì có thể sử dụng tính năng sẽ được trình bày dưới đây để khắc phục.

Số lượng tài khoản học sinh do sở GDĐT cấp cho mỗi trường, nếu số tài khoản còn lại là 0, cần liên lạc với quản trị cấp sở để được tăng số lượng.

Sau khi ấn nút “**Đồng ý**”, hệ thống sẽ tạo ra một tài khoản mới (ví dụ trong trường hợp này là tài khoản có tên truy cập **học sinh.00109.00333** với mật khẩu truy cập **IfV4N31h**).

- **Đổi mật khẩu cho học sinh:** Trong trường hợp khi tạo tài khoản học sinh quên lưu lại thông tin khởi tạo (đặc biệt là mật khẩu truy cập) hoặc trong quá trình sử dụng, học sinh quên mật khẩu truy cập, quản trị nhà trường có thể cấp lại một mật khẩu truy cập mới cho học sinh bằng cách chọn “**Đổi mật khẩu**” tương ứng với học sinh trong danh sách học sinh của trường.

1	 Đỗ Xuân Đồng	Mã HS: HS.00109.00001 Giới tính: Nam Ngày sinh: 16/01/1971 Lớp: 6A	Điện thoại: 0905990003 Email: binhminh@hnue.edu.vn Địa chỉ: Bái Thượng - Đoàn Bái - Hiệp Hòa - Bắc Giang	<input type="button" value="Đổi mật khẩu"/>	<input type="button" value="Xóa"/>
---	---	---	--	---	------------------------------------

Khung thay đổi mật khẩu sẽ hiện ra bên dưới tương ứng với học sinh

1	 Đỗ Xuân Đồng	Mã HS: HS.00109.00001 Giới tính: Nam Ngày sinh: 16/01/1971 Lớp: 6A	Điện thoại: 0905990003 Email: binhminh@hnue.edu.vn Địa chỉ: Bái Thượng - Đoàn Bái - Hiệp Hòa - Bắc Giang	<input type="button" value="Đổi mật khẩu"/>	<input type="button" value="Xóa"/>
<input type="text" value="Mật khẩu mới: gbcVkvqB"/> <input type="button" value="Sinh mật khẩu"/> <input type="button" value="Đổi mật khẩu"/>					

Lưu lại mật khẩu trong khung trắng để gửi lại cho học sinh.

LƯU Ý: mật khẩu hiển thị ở đây là một chuỗi mật khẩu **HOÀN TOÀN MỚI** chứ không phải mật khẩu cũ của tài khoản học sinh, có thể yêu cầu một chuỗi mật khẩu mới nếu chuỗi hiện tại có các kí tự dễ nhầm lẫn bằng cách chọn nút **“Sinh mật khẩu”**.

Cuối cùng, hãy ấn vào nút **“Đổi mật khẩu”** để xác nhận thay đổi mật khẩu cho tài khoản học sinh đó.

- Xóa tài khoản học sinh: Để xóa tài khoản học sinh không dùng tới, chọn nút **“Xóa”** tương ứng với học sinh trong danh sách học sinh.

2	 Nguyễn Mai Lan	Mã HS: HS.00109.00002 Giới tính: Nữ Ngày sinh: 01/01/2002 Lớp: 6A	Điện thoại: 903990066 Email: lan@gmail.com Địa chỉ: Xóm 35 - Xuân Hồng - Xuân Trường - Nam Định	Đổi mật khẩu	
---	---	--	---	--------------	---

Sau khi xóa, tài khoản học sinh đó sẽ không thể truy cập được nữa.

Trong trường hợp xóa nhầm tài khoản học sinh, chúng ta có thể khôi phục lại trong vòng 10 ngày kể từ ngày xóa bằng tính năng sẽ được trình bày dưới đây.

- Khôi phục tài khoản học sinh đã bị xóa: Để khôi phục tài khoản học sinh đã bị xóa, chọn mục **“Khôi phục học sinh”** trong không gian quản lý học sinh.

Danh sách tài khoản đã bị xóa trong vòng 10 ngày trở lại sẽ hiện lên.

KHÔI PHỤC TÀI KHOẢN HỌC SINH				
* Danh sách có 1 học sinh.				
1 Số lượng hiển thị: 10				
Mã HS	Thông tin	Điện thoại/Email	Ngày xóa	Khôi phục
 HS.00109.00002	Họ tên: Nguyễn Mai Lan Giới tính: Nữ Ngày sinh: 01/01/2002 Trạng thái:	Điện thoại: 903990066 Email: lan@gmail.com	10:38 13/03/2015	Khôi phục

Chọn nút **“Khôi phục”** tương ứng để khôi phục lại tài khoản.

Sau khi được khôi phục, tài khoản học sinh đó sẽ có thể truy cập và sử dụng lại bình thường.

e) *Sắp xếp thời khóa biểu*

Nhiệm vụ sắp xếp thời khóa biểu nhà trường được xây dựng trong mục **“Thời khóa biểu”** trên thanh menu ngang.

LƯU Ý: cần lưu ý thao tác đầu tiên trước khi sử dụng các tính năng được trình bày trong mục này là điều khiển trạng thái học kì của trường mình. Trạng thái này sẽ

ảnh hưởng tới thông tin được tạo ra khi sử dụng các tính năng liên quan đến thời khóa biểu của nhà trường.

Để điều khiển trạng thái học kì của trường mình, thực hiện như sau:

Chọn “**Thời khóa biểu**” trên thanh menu ngang.



Trong khung điều khiển “**Học kì**”, hãy chọn học kì tương ứng với thời gian hiện tại.

- Phân công giáo viên giảng dạy: Trước khi tiến hành sắp xếp thời khóa biểu, cần phân công các giáo viên giảng dạy cho từng lớp học muốn xếp thời khóa biểu.

CHỌN LỚP: 10A1

#	Môn học	Giáo viên
1	Toán	Phạm Thị Nga (Toán) ✕
2	Lý	Đặng Văn Phiến (Lý) ✕
3	Hóa	Phan Thị Thủy Hương (Hóa) ✕
4	Sinh	Nguyễn Thị Vân Anh (Sinh) ✕
5	Văn	Lê Thị Trang Nhung (Văn) ✕
6	Sử	Trình Ngọc Thu (Sử) ✕
7	Địa	Đỗ Thị Kim Dung (Địa) ✕
8	Tin	Nguyễn Văn Thanh (Tin) ✕
9	Công nghệ	Trần Hữu Anh (Công nghệ) ✕
10	GDCD	Phạm Minh Lương (GDCD) ✕
11	Mỹ thuật	
12	GDQPAN	

Giáo viên

Huân (Toán)	Nga (Toán)
Trang (Toán)	Trung (Toán)
Tuấn (Toán)	An (Toán)
Vượng (Toán)	Ý (Toán)
Thuật (Toán)	Đào (Toán)

1 2 3 4 5 6 7 8 9

Hãy chọn lớp học muốn phân công giáo viên giảng dạy.

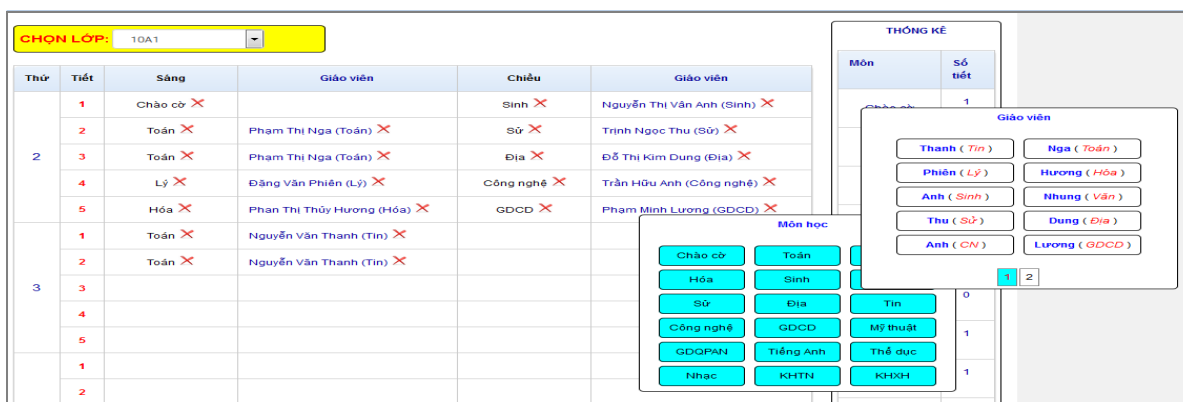
Nhặt giáo viên muốn phân công giảng dạy trong khung “**Giáo viên**” và thả vào bảng tương ứng với môn học.

Ấn nút “**Ghi lại**” để xác nhận.

Nếu thả nhầm hoặc muốn xóa giáo viên đã được phân công giảng dạy, chọn nút “**X**” tương ứng với giáo viên đó để xóa đi và ấn nút “**Ghi lại**” để lưu lại thông tin.

- Sắp xếp thời khóa biểu: Sau khi hoàn thành phân công giảng dạy, chúng ta có thể tiến hành sắp xếp thời khóa biểu.

Chọn mục “**Sắp xếp thời khóa biểu**” trong không gian thời khóa biểu để truy cập không gian sắp xếp thời khóa biểu.



Đầu tiên, hãy chọn lớp muốn xếp thời khóa biểu trước.

Hãy nhấp các môn học trong khung “**Môn học**” và thả vào ô tương ứng trong bảng (tiết, thứ, buổi), nhấp các giáo viên trong khung “**Giáo viên**” và thả vào ô tương ứng với môn học.

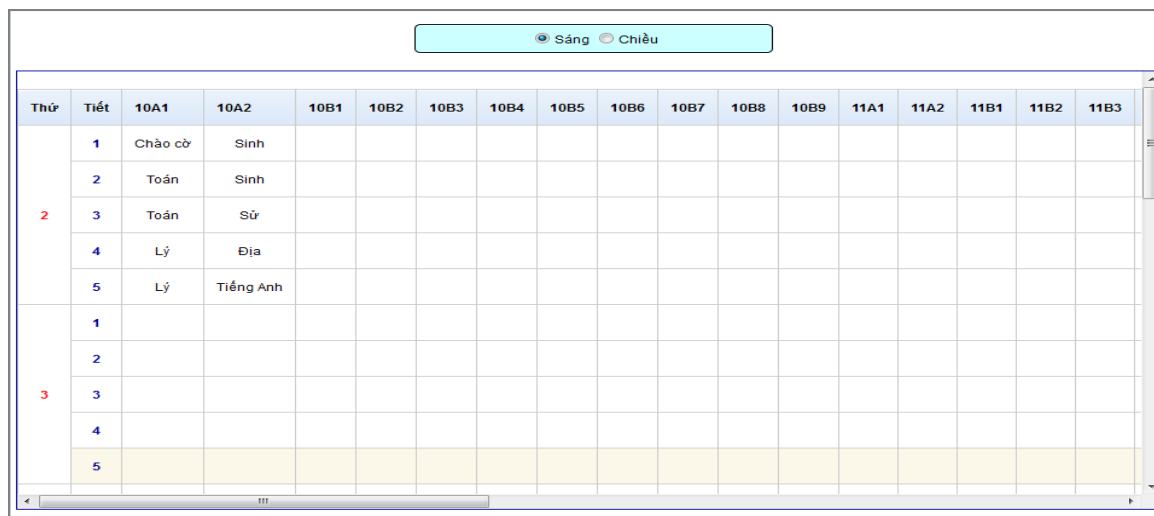
Lưu ý: chỉ có các giáo viên đã được phân công giảng dạy trong lớp đang xếp thời khóa biểu mới hiển thị trong khung “**Giáo viên**”.

Nếu thả nhầm, có thể chọn nút “**X**” tương ứng để xóa đi và làm lại.

Cuối cùng, hãy ấn nút “**Ghi lại**” ở cuối trang để lưu lại thông tin.

Hệ thống hiển thị khung “**Thống kê**” ở bên phải để có thể xem thống kê sơ bộ số tiết tương ứng với các môn học của lớp học đó, tiện cho việc kiểm soát và sắp xếp thời khóa biểu.

- Xem thời khóa biểu toàn trường: Sau khi sắp xếp thời khóa biểu cho các lớp học, có thể xem lại thời khóa biểu tổng thể của nhà trường bằng cách chọn mục “**Thời khóa biểu toàn trường**” trong không gian thời khóa biểu.



f) Tiếp nhận hồ sơ học sinh/giáo viên chuyển tới

Học sinh/giáo viên xin chuyển trường, chuyển công tác tới sẽ được hiện thị trong mục “**Xin chuyển đến**”. Quản trị trường cần xác nhận yêu cầu chuyển đó thì học sinh/giáo viên xin chuyển tới mới có thể thuộc quyền quản lý của trường mình.

Chọn nút “**Tiếp nhận**” để xác nhận yêu cầu chuyển trường của học sinh/giáo viên. Sau khi tiếp nhận, quyền quản lý thông tin của học sinh/giáo viên sẽ được chuyển về trường mới.

Chọn nút “**Hủy bỏ**” để hủy bỏ yêu cầu chuyển trường của học sinh/giáo viên. Khi đó, yêu cầu xin chuyển trường của học sinh/giáo viên sẽ bị hủy bỏ, quyền quản lý thông tin của học sinh/giáo viên đó vẫn thuộc về trường cũ.

1.2. Tài khoản giáo viên

a) Quản lý danh sách lớp chủ nhiệm và lớp giảng dạy

Trong “**Không gian trường học**”, chọn mục “**Danh sách lớp**” trên thanh menu bên phải. Danh sách các lớp chủ nhiệm và các lớp được phân công giảng dạy sẽ hiện ra.

DANH SÁCH LỚP			
Trường:	THPT Châu Thành		
Năm học:	2014 - 2015		
1. Danh sách lớp chủ nhiệm			
Lớp	Sĩ số	Giáo viên chủ nhiệm	Xem danh sách
13GiaoVien	83	ThS. Nguyễn Văn Thanh (Tin học)	Xem danh sách lớp
13GVChauThanh	84	ThS. Nguyễn Văn Thanh (Tin học)	Xem danh sách lớp
2. Danh sách lớp giảng dạy			
Lớp	Sĩ số	Giáo viên chủ nhiệm	Xem danh sách
10A2	31	CN. Bùi Thị Thanh Huân (Toán)	Xem danh sách lớp
10A1 (VNEN)	31	CN. Bùi Thị Thanh Huân (Toán)	Xem danh sách lớp

Để xem danh sách học sinh của lớp, chọn nút “**Xem danh sách lớp**” tương ứng.

b) Quản lý điểm

- Nhập điểm và nhận xét cho học sinh:

Để chấm điểm và nhận xét cho các lớp giảng dạy, truy cập mục “**Quản lý điểm**” trong “**Không gian trường học**”.

Trang chủ > Không gian trường học > Không gian quản lý điểm của giáo viên

KHÔNG GIAN QUẢN LÝ ĐIỂM CỦA GIÁO VIÊN

Chọn lớp:

Nhận xét:

10A2 (Đĩa)

10A1 (Đĩa)

HÃY CHỌN LỚP TRƯỚC

#	Học sinh	Hệ số 1	Hệ số 2	Hệ số 3	Khác	TBM
HÃY CHỌN LỚP TRƯỚC						

Đầu tiên, hãy chọn lớp để vào điểm. Danh sách học sinh sẽ hiện ra.

Trang chủ > Không gian trường học > Không gian quản lý điểm của giáo viên

KHÔNG GIAN QUẢN LÝ ĐIỂM CỦA GIÁO VIÊN

Chọn lớp: 10A2 (Đĩa)

Nhận xét: Bật Tắt

#	Học sinh	Hệ số 1	Hệ số 2	Hệ số 3	Khác	TBM
1	Nguyễn Hùng Chính (HS.02753.00394)	<input type="text" value="10"/> <input type="text" value="10"/> <input type="text" value="10"/> <input type="text" value="4.5"/>	<input type="text" value="8"/> <input type="text" value="8"/> <input type="text" value="9"/> <input type="text" value="8"/>	<input type="text" value="10"/> <input type="text" value="9"/> <input type="text" value="2.5"/> <input type="text" value="3.5"/>		9.2
2	Phạm Đức Đông (HS.02753.00395)	<input type="text" value="8"/> <input type="text" value="7"/> <input type="text" value="1.5"/>	<input type="text" value="8"/>	<input type="text" value="6"/> <input type="text" value="5"/> <input type="text" value="5.5"/>		6.8
3						
4						
5						
6						
7						
8						

0	0.5
1	1.5
2	2.5
3	3.5
4	4.5
5	5.5
6	6.5
7	7.5
8	8.5
9	9.5
10	NX

Đề vào điểm, chọn điểm tương ứng và kéo thả vào các ô tương ứng (Hệ số 1,2,3 ..) với mỗi học sinh. Khi cho điểm, lưu ý lựa chọn “**Nhận xét**”.

Nếu “**Bật**”: với mỗi điểm số, cần cho một nhận xét tương ứng.

Ví dụ khi cho điểm với trạng thái nhận xét bật:

Chọn lớp: 10A2 (Đĩa)

Nhận xét: Bật Tắt

#	Học sinh	Hệ số 1	Hệ số 2	Hệ số 3	Khác	TBM
1	Nguyễn Hùng Chính (HS.02753.00394)	<input type="text" value="10"/> <input type="text" value="10"/> <input type="text" value="10"/> <input type="text" value="4.5"/>	<input type="text" value="8"/> <input type="text" value="8"/> <input type="text" value="9"/> <input type="text" value="8"/>	<input type="text" value="10"/> <input type="text" value="9"/> <input type="text" value="2.5"/> <input type="text" value="3.5"/>		9.2
2	Phạm Đức Đông (HS.02753.00395)	<input type="text" value="8"/> <input type="text" value="7"/> <input type="text" value="1.5"/>	<input type="text" value="8"/>	<input type="text" value="6"/> <input type="text" value="5"/> <input type="text" value="5.5"/>		6.8
3						
4						
5						
6						

Nhận xét

Nhận xét: Bài chưa tốt!

Đồng ý
Hủy

0	0.5
1	1.5
2	2.5
3	3.5
4	4.5
5	5.5
6	6.5
7	7.5
8	8.5
9	9.5

Hộp thoại nhận xét hiện lên, gõ lời nhận xét sau đó ấn nút “**Đồng ý**”.

Nếu “**Tắt**”: chỉ cho điểm, không có nhận xét.

Sau khi cho điểm, có thể chỉnh sửa hoặc xóa điểm số đã cho bằng cách ấn vào điểm tương ứng.

Hệ số 2	Hệ số 3	Khác
8 8 9 8	10 9 2.5 3.5	4.5
8	<div style="border: 1px solid gray; padding: 5px;"> <p>Chi tiết ✕</p> <p>Điểm: 8</p> <p>Nhận xét: Căn cố gắng hơn nữa</p> <p style="text-align: center;"> Sửa Xóa </p> </div>	

Để sửa điểm số hoặc lời nhận xét, chọn nút “Sửa”. Khung chỉnh sửa sẽ hiện lên.

#	Học sinh	UA số 1	UA số 2	UA số 3	Khác	TBM
1	Nguyễn Hùng (HS.02753.00)					9.2
2	Phạm Đức Kỳ (HS.02753.00)					6.8
3						
4						
5						

Chỉnh sửa điểm ✕

Điểm: 8

Nhận xét:

Đồng ý
Hủy

Chỉnh sửa điểm và nhận xét rồi ấn nút “Đồng ý”.

Để xóa điểm số, chọn nút “Xóa”.

Sau khi hoàn thành việc cho điểm và nhận xét, ấn nút “Ghi lại” ở cuối trang để lưu lại thông tin.

Lưu ý: Dành cho các lớp học theo Mô hình trường học mới

Các lớp học theo mô hình trường học mới sẽ có không gian quản lý điểm khác so với các lớp học bình thường (hình dưới).

LỚP HỌC THEO MÔ HÌNH TRƯỜNG HỌC MỚI VIỆT NAM - VNEN				
#	Học sinh	Điều kiện nổi bật về sự tiến bộ, mức độ hình thành và phát triển phẩm chất, năng lực; đạt thành tích nổi bật trong các phong trào, các hoạt động giáo dục.	Những nội dung chưa hoàn thành chương trình, những điều cần khắc phục, giúp đỡ, bổ sung, rèn luyện thêm (nếu có)	Đánh giá định kì
1	Cao Hoàng Ân (HS.02753.00199)	10 10 9	10 10 NX	9.5
2	Lê Đình Phương Anh (HS.02753.00200)			
3	Nguyễn Hải Anh (HS.02753.00201)	10		
4	Đường Trúc Duyên (HS.02753.00202)			
5	Đoàn Ngọc Thiên Đạt (HS.02753.00203)			
6	Lê Tuấn Anh Hải (HS.02753.00204)			
	Lê Thị Ngọc Hân			

0	0.5
1	1.5
2	2.5
3	3.5
4	4.5
5	5.5
6	6.5
7	7.5
8	8.5
9	9.5
10	NX

Đánh giá học sinh trong các lớp học theo mô hình trường học mới sẽ được chia thành hai mục chính:

Đánh giá thường xuyên: đánh giá quá trình học tập, rèn luyện của học sinh, được thực hiện theo tiến trình nội dung của các môn học và hoạt động giáo dục, trong đó có quá trình vận dụng kiến thức, kỹ năng ở nhà trường, gia đình và cộng đồng. Đánh giá Biểu hiện về sự tiến bộ, mức độ hình thành và phát triển phẩm chất, năng lực; đạt thành tích nổi bật trong các phong trào, các hoạt động giáo dục. Những nội dung chưa hoàn thành chương trình, những điều cần khắc phục, giúp đỡ, bổ sung, rèn luyện thêm (nếu có).

Đánh giá định kì kết quả học tập cuối học kì, cuối năm học.

- Tổng kết môn: Sau khi hoàn thiện điểm số trong học kì cho học sinh, có thể tính điểm tổng kết cho học sinh bằng cách chọn nút “**Tổng kết môn**” ở cuối trang. Điểm số này được tính tự động theo điểm số trong 3 mục Hệ số 1, hệ số 2 và hệ số 3.

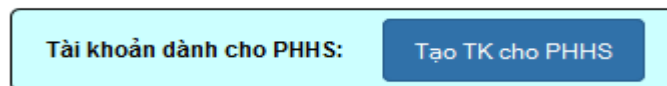
c) Trao đổi giữa giáo viên và cha mẹ học sinh

Để truy cập không gian trao đổi giữa giáo viên và phụ huynh học sinh, kích chuột vào tên lớp trong “**Danh sách lớp**”.

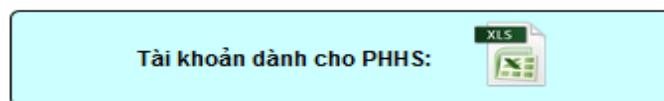


- Giáo viên chủ nhiệm tạo tài khoản cho cha mẹ học sinh

Để sinh tài khoản cho phụ huynh học sinh, “**Giáo viên chủ nhiệm**” chọn nút “**Tạo TK cho PH học sinh**” trong không gian trao đổi.



Sau khi tạo tài khoản cho phụ huynh học sinh, một file định dạng excel sẽ được hệ thống tạo ra lưu trữ thông tin danh sách tài khoản và mật khẩu truy cập của phụ huynh. “**Giáo viên chủ nhiệm**” tải file này xuống và gửi tới cha mẹ học sinh tương ứng trong danh sách.



Ngoài ra, có thể lựa chọn tạo từng tài khoản CM học sinh tương ứng với mỗi học sinh thay vì tạo theo danh sách lớp (ví dụ trong trường hợp có học sinh mới chuyển tới mà chưa cho CM học sinh kèm theo) bằng cách chọn nút “**Tạo tài khoản PH học sinh**” tương ứng với mỗi học sinh.

1	 NO PHOTO HS.02753.01248	Mã HS: HS.02753.01248 Giới tính: Ngày sinh:	Điện thoại: Email: Địa chỉ:	Xem chi tiết	
---	---	---	-----------------------------------	------------------------------	---

- Trao đổi cá nhân giữa giáo viên chủ nhiệm và phụ huynh học sinh:

Để trao đổi cá nhân với mỗi phụ huynh học sinh, chọn nút “**Trao đổi**” tương ứng với mỗi vị phụ huynh.

#	Họ tên	Thông tin cơ bản	Thông tin liên lạc	Kết quả học tập	Trao đổi với PHHS
1	 NO PHOTO Cao Hoàng Ân	Mã HS: HS.02753.00199 Giới tính: Nam Ngày sinh: 10/11/1999	Điện thoại: 0643827361 Email: caohoangan1999@gmail.com Địa chỉ: 31 Hùng Vương - Phước Hưng - Bà Rịa - Bà Rịa - Vũng Tàu	Xem chi tiết	Phạm Văn Đức Điện thoại: 012345678 Email: profdongphd@gmail.com 

Để khởi tạo một chủ đề thảo luận mới với phụ huynh học sinh, gõ nội dung vào khung soạn thảo, sau đó ấn nút “**Gửi**”.

Trang chủ > Không gian trường học > Danh sách lớp học > Lớp 10A1 > Trao đổi với phụ huynh em: Cao Hoàng Ân


 NO PHOTO
 HS.02753.00199

Họ và tên: Cao Hoàng Ân

Trường: THPT Châu Thành

Lớp: 10A1

Kết quả học tập: [Xem chi tiết](#)

Phụ huynh học sinh: Ông. Phạm Văn Đức (Tel: 012345678)



CHƯA CÓ TRAO ĐỔI NÀO

Lưu ý: thảo luận trong mục này là thảo luận cá nhân giữa giáo viên và phụ huynh của một học sinh cụ thể.

- Thảo luận chung giữa các giáo viên và phụ huynh học sinh: Trong không gian trao đổi của mỗi lớp học, không gian “**Thảo luận chung**” là nơi trao đổi giữa tất cả các giáo viên đang giảng dạy lớp học đó và phụ huynh của học sinh. Để truy cập không gian “**Thảo luận chung**”, chọn nút “**Thảo luận chung**” trên thanh menu ngang. Thảo tác tạo chủ đề thảo luận và trả lời một chủ đề tương tự như phần trao đổi cá nhân đã trình bày ở trên.

Lưu ý: các thảo luận trong mục này tất cả giáo viên và phụ huynh học sinh trong lớp học đều có thể xem và tham gia thảo luận.

d) Tổ chức dạy học cho học sinh

Tạo bài học mới: Mô đun “**Quản lí bài học**” cho phép giáo viên: tạo một bài học hoặc chủ đề mới; chỉnh sửa lại bài học; xóa bài học; quản lí danh sách các bài học.




- Khi tạo một bài học hoặc một chủ đề mới, giáo viên cần đặt tiêu đề, chỉ rõ lĩnh vực (môn học), mô tả cụ thể chủ đề hoặc yêu cầu hoạt động cho học sinh, đặt phạm vi cho phép truy cập bài học (dành cho đối tượng nào).

- Sau khi tạo xong, giáo viên có thể upload thêm tài liệu tham khảo, giúp học sinh thuận lợi hơn trong việc tiến hành các hoạt động cá nhân hoặc hoạt động nhóm.

- Theo dõi quá trình đăng kí học và xác nhận đăng kí cho học sinh:

Sau khi giáo viên tạo ra bài học mới, những học sinh thuộc phạm vi cho phép sẽ có quyền đăng kí theo học. Tùy vào khóa học/chủ đề, giáo viên có thể yêu cầu học sinh làm việc cá nhân hoặc theo nhóm.

Đối với từng khóa học, giáo viên có thể theo dõi quá trình đăng kí học của học sinh, của từng nhóm học sinh:

DANH SÁCH CÁC NHÓM ĐĂNG KÝ KHÓA HỌC		THẮC MẮC CỦA HỌC SINH		THÔNG BÁO CHUNG		
STT	Nhóm	Thành viên	Sản phẩm	Quyền sửa	Điểm	Xác nhận
1.	Nhóm học sinh số 1	1. Học sinh 1 (Nhóm trưởng) 2. Học sinh 2			10	
2.	Nhóm 2	1. Học sinh 3 (Nhóm trưởng) 2. Học sinh 4			19	
Chọn tất cả Xóa tất cả						
Đồng ý						

Trong mục này, giáo viên có công cụ để cho phép, hoặc không cho phép học sinh/nhóm học sinh nào đó tham gia khoa học/chủ đề.

Khi giáo viên xác nhận đủ điều kiện tham gia, các học sinh/nhóm học sinh mới có quyền truy cập đến các dữ liệu khác của khóa học/chủ đề.

- Điều khiển quá trình học tập: Ra thông báo chung cho cả lớp các hoạt động, gợi ý hoặc chỉ dẫn,... trong mục “**THÔNG BÁO CHUNG**”; trả lời thắc mắc, hỗ trợ, gợi ý học sinh. Khi học sinh đặt câu hỏi, giáo viên có thể trao đổi trực tiếp trên hệ thống trong mục “**THẮC MẮC CỦA HỌC SINH**”.

- Quản lí nhóm và sản phẩm nhóm: Trong hình trên, giáo viên có thể nhìn thấy sản phẩm mà học sinh/nhóm học sinh đã upload lên. Giáo viên có thể download xuống để đọc và cho điểm.

- Chấm điểm cho sản phẩm: Sau khi đọc xong và cho điểm, giáo viên có công cụ để nhập điểm vào hệ thống để thông báo cho học sinh/nhóm học sinh.

e) Xin chuyển công tác

Học sinh/giáo viên có quyền xin chuyển sang một trường khác bằng các thao tác được mô tả dưới đây.

Trong “**Không gian trường học**”, chọn “**Xin chuyển trường**”.

Chọn trường muốn chuyển tới theo trình tự: chọn tỉnh → chọn huyện → chọn trường.



Ấn nút “**Xin chuyển trường**” để xác nhận.

Sau khi xác nhận thành công, thông tin chuyển trường của học sinh/ giáo viên sẽ được gửi tới trường chuyển đến, học sinh/giáo viên chờ quản trị trường chuyển tới đồng ý thì học sinh/giáo viên đó sẽ do trường chuyển tới quản lý.



Học sinh/giáo viên có thể hủy bỏ lệnh xin chuyển trường trước khi trường chuyển tới đồng ý cho chuyển bằng cách chọn nút “**Hủy bỏ**”.

f) Tổ chức sinh hoạt chuyên môn

Các khóa học/chủ đề sinh hoạt chuyên môn của giáo viên được đặt trong mục “**Sinh hoạt chuyên môn**”. Khi đã đăng nhập bằng tài khoản cá nhân, giáo viên có thể lựa chọn khóa học/bài học theo môn học/hoạt động giáo dục, lớp, giáo viên; đăng kí tham gia các khóa học/bài học và thực hiện các hoạt động học theo hướng dẫn.

Giáo viên sẽ nhìn thấy danh sách những khóa học/chủ đề sinh hoạt chuyên môn do Bộ GDĐT hoặc sở GDĐT tạo ra. Kích chuột vào tiêu đề của khóa học/chủ đề, giáo viên sẽ xem được mô tả tổng thể của khóa học/chủ đề.

Quy trình tổ chức nhóm sinh hoạt chuyên môn trên hệ thống như sau:

- *Bước 1:* Tổ trưởng đăng ký tham gia cho tổ/nhóm của mình.
- *Bước 2:* Các thành viên trong tổ/nhóm trao đổi, thảo luận trong chủ đề sinh hoạt chuyên môn.

- *Bước 3:* Tổ trưởng tập hợp, biên tập lại sản phẩm và nộp lên hệ thống.

Thao tác kỹ thuật:

Bước 1: Tổ trưởng chuyên môn đăng ký tham gia và tổ chức nhóm.

Tìm hiểu mục đích - yêu cầu của khóa học/chủ đề sinh hoạt chuyên môn trước khi đăng kí tham gia.


Tổ trưởng/nhóm trưởng chuyên môn có trách nhiệm đăng kí tham gia và làm nhóm trưởng, sau đó thêm các thành viên trong tổ/nhóm chuyên môn để thực hiện theo nhóm. Quy trình đăng kí như sau:

- Chọn chủ đề sinh hoạt chuyên môn.
- + Chọn “**Sinh hoạt chuyên môn**”.
- + Chọn “**Lĩnh vực**” (VD: Toán).
- + Chọn “**Lớp**” (VD: 12).
- + Chọn chủ đề sinh hoạt chuyên môn.
- Đăng ký tham gia.

Trong không gian của chủ đề chuyên môn, chọn nút “**Đăng ký**”.

Lưu ý: người đầu tiên đăng ký sẽ tự động là nhóm trưởng, các giáo viên khác trong trường muốn tham gia chủ đề này buộc phải được người này mời vào nhóm chứ không thể đăng ký được nhóm mới. Do đó, tốt nhất tổ trưởng chuyên môn nên là người đầu tiên đăng ký tham gia cho tổ/nhóm của mình.

- Mời thành viên.
- + Chọn nút “**Thêm thành viên**”.
- + Không gian tìm kiếm và thêm thành viên sẽ hiện ra.

Tìm kiếm giáo viên để thêm vào nhóm	
-- Chọn bộ môn --	Sơn
<input type="button" value="Tìm kiếm"/>	
	Tài khoản: ttson
	Họ và tên: Trần Thị Sơn
	Chuyên môn: Vật lí
	Điện thoại: 0913563341
	Email: thanhhsphn@yahoo.com
<input type="button" value="Thêm thành viên"/>	

Lưu ý: có thể tìm kiếm giáo viên bằng các cách tìm kiếm theo chuyên môn, theo mã giáo viên (VD: GV.00012.001) hoặc theo tên giáo viên.

+ Sau khi tìm kiếm, danh sách các giáo viên thỏa mãn điều kiện tìm kiếm sẽ hiện ra. Lựa chọn và ấn nút “**Thêm thành viên**” tương ứng với mỗi giáo viên để thêm vào nhóm.

Ghi chú: Sau khi đăng kí, có thể xem được thông tin về các thành viên trong nhóm bằng cách kích vào nút "**Thông tin nhóm**". Danh sách nhóm sẽ hiện ra như dưới đây. Tổ trưởng có quyền xóa giáo viên (nếu thêm nhầm) hoặc thêm các thành viên khác vào nhóm.

ĐĂNG KÝ THAM GIA KHÓA HỌC

1. Tên nhóm

2. Thành viên trong nhóm

✓		Tài khoản: nxtrung	
		Họ và tên: Nguyễn Xuân Trung (Nhóm trưởng)	
		Chuyên môn: Vật lí	
		Điện thoại: 0913568506	
		Email: trungthpbtd@gmail.com	
✓		Tài khoản: ttson	✗
		Họ và tên: Trần Thị Sơn	
		Chuyên môn: Vật lí	
		Điện thoại: 0913563341	
		Email: thanhhdhspn@yahoo.com	

Thêm thành viên

Bước 2: Tham gia trao đổi trong chủ đề sinh hoạt chuyên môn.

- “**Hoạt động – Thông báo**”: khu vực trao đổi của giáo viên toàn quốc (chỉ có thể tham gia trao đổi khi Bộ Giáo dục và Đào tạo phát động một nội dung trao đổi nào đó trong chủ đề sinh hoạt chuyên môn).

Sau khi đã đăng kí thành công, giáo viên bắt đầu thực hiện các nhiệm vụ học tập/sinh hoạt chuyên môn. Trong quá trình học tập/sinh hoạt chuyên môn, giáo viên cần thường xuyên xem thông báo chung của khóa học/chủ đề. Giáo viên sẽ nhận được thông báo trong mục "**Hoạt động - Thông báo**". Giáo viên có quyền đặt câu hỏi để trao đổi lại với giảng viên/ban tổ chức. Lưu ý rằng, trong thông báo chung, mọi giáo viên tham gia khóa học/chủ đề đều có thể đọc được thông tin.

- “**Trao đổi nhóm**”: Thảo luận trong nhóm: Các thành viên trong nhóm có thể thảo luận trực tuyến. Những trao đổi này sẽ được giảng viên/ban tổ chức nhìn thấy, tham gia và hỗ trợ cũng như điều hành hoạt động của nhóm.

- **“Hỏi & đáp”**: Đặt câu hỏi cho giảng viên/ban tổ chức và thảo luận: Để gửi câu hỏi và trao đổi giảng viên/ban tổ chức, giáo viên vào mục **"Hỏi & Đáp"** và upload câu hỏi lên hệ thống. Giảng viên/ban tổ chức sẽ nhận được câu hỏi và trao đổi riêng với từng giáo viên.

Thao tác kỹ thuật:

Trong không gian trao đổi của mỗi mục trên, thao tác như sau:

- + Gõ nội dung trao đổi.
- + Đính kèm file (nếu cần) bằng cách chọn nút **“BROWSE”**.
- + Ấn nút **“Gửi”**.

Bước 3: Tổ trưởng chuyên môn nộp sản phẩm

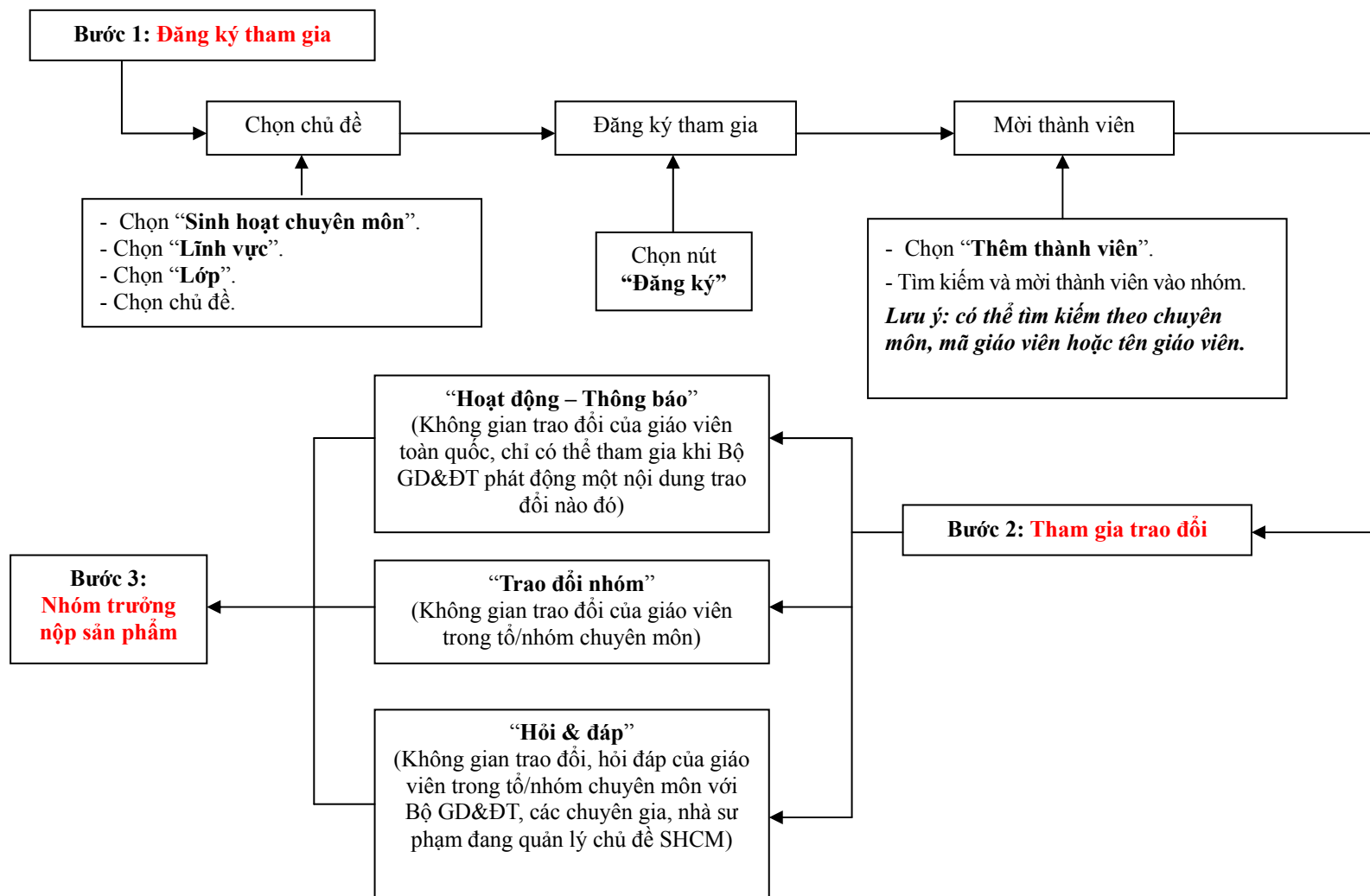
Sau quá trình làm việc, tổ trưởng/nhóm trưởng chuyên môn hoàn thành sản phẩm của mình, đại diện cho nhóm gửi sản phẩm cho giảng viên/ban tổ chức trong mục **"Sản phẩm - Kết quả"**.

Trong không gian nộp sản phẩm, thao tác như sau:

- + Đính kèm file bằng cách chọn nút **“BROWSE”**.
- + Ấn nút **“Gửi”**.

Lưu ý: chỉ có nhóm trưởng mới có quyền nộp sản phẩm.

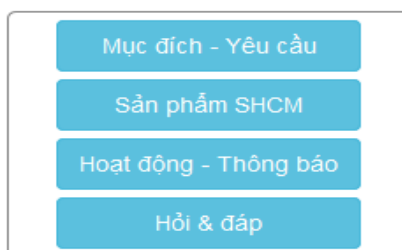
Sản phẩm này sau khi nộp lên hệ thống, các cấp quản lý từ nhà trường, Phòng Giáo dục và Đào tạo, Sở Giáo dục và Đào tạo, Bộ Giáo dục và Đào tạo sẽ nhìn thấy, theo dõi và đánh giá kết quả sinh hoạt chuyên môn của các tổ/nhóm chuyên môn trong phạm vi quản lý của mình.



1.3. Quyền chuyên gia

Với mục đích hỗ trợ các tổ/nhóm chuyên môn của các trường phổ thông trên toàn quốc thực hiện hoạt động sinh hoạt chuyên môn theo Công văn 5555/BGDĐT-GDTrH kí ngày 08/10/2014, Bộ GD&ĐT chỉ đạo xây dựng và tổ chức **Quyền chuyên gia** trên Trường học kết nối. Quyền chuyên gia được cấp cho các nhà khoa học và các nhân tố điển hình ở khắp mọi miền để kết nối với các tổ/nhóm chuyên môn thông qua hệ thống trực tuyến. Những chuyên gia do Bộ Giáo dục và Đào tạo chỉ định sẽ có quyền xem tất cả các sản phẩm của các tổ/nhóm chuyên môn do chuyên gia đó phụ trách, đồng thời, các chuyên gia có thể trao đổi trực tuyến với các tổ/nhóm chuyên môn thông qua mục **Hỏi&Đáp** của Trường học kết nối.

Trong “**Sinh hoạt chuyên môn**”, chọn “**Quản lý SHCM**”, sau đó lựa chọn một chủ đề cụ thể. Quyền chuyên gia sẽ có các chức năng sau:




- Chọn “**Sản phẩm SHCM**” để theo dõi kết quả Sinh hoạt chuyên môn của các tổ/nhóm chuyên môn trong toàn quốc, trong phạm vi chuyên môn của mình.

HK1.1. Vật lí 12. Năm học 2014-2015
Ngày bắt đầu đăng ký: 04/10/2014. Ngày hết hạn đăng ký: 03/11/2015. Giáo viên: Bộ Giáo dục và Đào tạo. Lĩnh vực: Vật lí

DANH SÁCH TỔ / NHÓM CHUYÊN MÔN

Lọc dữ liệu:
Tỉnh: -- Chọn tỉnh --
Quận/huyện: Vui lòng chọn tỉnh trước
Trường: -- Vui lòng chọn huyện trước --

* Danh sách có 248 Tổ / nhóm chuyên môn
« Trước 1 2 3 4 5 ... 13 Sau » Số lượng hiển thị: 20

STT	Tổ / nhóm chuyên môn	Thành viên	Sản phẩm
1	(Tin học) THPT GDTRH-GDTX 94 Quang Trung - Hải Dương - Hải Dương	1. Đỗ Văn Hào (Tổ / nhóm trưởng)	
2	(Vật lí) TTGD TX Tỉnh Phòng GDCN-GD TX Ngõ 185-Phường Hoàng Văn Thụ -TP Thái Nguyên - Thái Nguyên	1. Nguyễn Ngọc Hưng (Tổ / nhóm trưởng) 2. Bùi Thái An 3. Lương Thị Mai Hương 4. Nguyễn Văn Khiêm	

Bảng thống kê kết quả sinh hoạt chuyên môn của các tổ/nhóm trong chủ đề sẽ hiện ra. Cột “**Tổ/nhóm chuyên môn**” hiển thị thông tin cơ bản về đơn vị công tác, địa chỉ nơi công tác của mỗi tổ/nhóm chuyên môn. Cột “**Thành viên**” hiển thị danh sách các thành viên trong mỗi tổ/nhóm chuyên môn. Cột “**Sản phẩm**” hiển thị sản phẩm sinh hoạt chuyên môn của mỗi tổ nhóm. Nếu tổ/nhóm nào đã nộp sản phẩm, chuyên gia có thể download sản phẩm đó.

- Chọn “**Hoạt động – Thông báo**”: Tham gia trao đổi chuyên môn với giáo viên toàn quốc.

- Chọn “**Hỏi & đáp**”: Tham gia giải đáp, trả lời các câu hỏi, thắc mắc của giáo viên toàn quốc trong quá trình sinh hoạt chuyên môn trong phạm vi chuyên môn của mình.

Danh sách các câu hỏi, thắc mắc của giáo viên sẽ hiện ra. Chuyên gia có thể sử dụng bộ lọc ở trên để tìm kiếm, trao đổi tới từng trường trong toàn quốc.

Để tham gia trao đổi, giải đáp với các tổ/nhóm chuyên môn, chọn “**Chi tiết**” tương ứng với mỗi chủ đề câu hỏi của giáo viên.

Chuyên gia có thể trao đổi bằng cách gõ nội dung vào ô nhập dữ liệu hoặc bằng file dữ liệu (nếu cần) bằng cách chọn nút “**BROWSE**”.

1.4. Tài khoản cha mẹ học sinh

Cha mẹ học sinh sau khi được giáo viên chủ nhiệm chuyển giao tài khoản và mật khẩu có thể truy cập hệ thống, xem kết quả học tập của con em mình và tham gia trao đổi, thảo luận với các giáo viên đang giảng dạy con em mình. Để truy cập không gian dành cho phụ huynh học sinh, chọn mục “**Không gian trường học**”.

LỚP HỌC THEO MÔ HÌNH TRƯỜNG HỌC MỚI VIỆT NAM - VNEN

<div style="border: 1px solid #ccc; width: 60px; height: 60px; margin: 0 auto; display: flex; align-items: center; justify-content: center;"> NO PHOTO </div> <p style="font-size: 8px; margin-top: 5px;">HS.02753.00199</p>	<table style="width: 100%; border-collapse: collapse;"> <tr> <td style="width: 30%;">Họ và tên:</td> <td>Cao Hoàng Ân</td> </tr> <tr> <td>Trường:</td> <td>THPT Châu Thành</td> </tr> <tr> <td>Lớp:</td> <td>10A1</td> </tr> <tr> <td>Kết quả học tập:</td> <td style="color: red;">Xem chi tiết</td> </tr> </table>	Họ và tên:	Cao Hoàng Ân	Trường:	THPT Châu Thành	Lớp:	10A1	Kết quả học tập:	Xem chi tiết
Họ và tên:	Cao Hoàng Ân								
Trường:	THPT Châu Thành								
Lớp:	10A1								
Kết quả học tập:	Xem chi tiết								

Giáo viên chủ nhiệm: Bùi Thị Thanh Huân (Trao đổi (1))

#	Môn học	Giáo viên	Trao đổi
1	Toán	Phạm Thị Nga (Toán)	Trao đổi
2	Lý	Đặng Văn Phiến (Lý)	Trao đổi
3	Hóa	Phan Thị Thủy Hương (Hóa)	Trao đổi
4	Sinh	Nguyễn Thị Văn Anh (Sinh)	Trao đổi

Để xem kết quả học tập của con em mình, chọn nút “**Xem chi tiết**” tương ứng với mục “**Kết quả học tập**”.

THÔNG TIN KẾT QUẢ HỌC TẬP				
HỌC KÌ 2 - NĂM HỌC 2014 - 2015				
NO PHOTO		Họ và tên:	Cao Hoàng Ân	
HS.02753.00199		Trường:	THPT Châu Thành	
		Lớp:	10A1	
		Điện thoại:	0643827361	
		Email:	caohoangan1999@gmail.com	
#	Môn học	Biểu hiện nổi bật về sự tiến bộ, mức độ hình thành và phát triển phẩm chất, năng lực; đạt thành tích nổi bật trong các phong trào, các hoạt động giáo dục.	Những nội dung chưa hoàn thành chương trình, những điều cần khắc phục, giúp đỡ, bổ sung, rèn luyện thêm (nếu có)	Đánh giá định kì
1	Toán			
2	Lý			
3	Hóa			
4	Sinh			
5	Văn			
6	Sử			
7	Địa			
8	Tin			

Để tham gia trao đổi cá nhân với mỗi giáo viên bộ môn hoặc giáo viên chủ nhiệm, chọn nút “**Trao đổi**” tương ứng với mỗi giáo viên trong bảng giáo viên giảng dạy.

#	Môn học	Giáo viên	Trao đổi
1	Toán	Phạm Thị Nga (Toán)	<input type="button" value="Trao đổi"/>
2	Lý	Đặng Văn Phiên (Lý)	<input type="button" value="Trao đổi"/>
3	Hóa	Phan Thị Thủy Hương (Hóa)	<input type="button" value="Trao đổi"/>
4	Sinh	Nguyễn Thị Vân Anh (Sinh)	<input type="button" value="Trao đổi"/>
5	Văn	Lê Thị Trang Nhung (Văn)	<input type="button" value="Trao đổi"/>
6	Sử	Trịnh Ngọc Thu (Sử)	<input type="button" value="Trao đổi"/>
7	Địa	Đỗ Thị Kim Dung (Địa)	<input type="button" value="Trao đổi"/>
8	Tin	Nguyễn Văn Thanh (Tin)	<input type="button" value="Trao đổi"/>

Để tham gia thảo luận chung với tất cả giáo viên giảng dạy và các vị phụ huynh khác, chọn nút “**Thảo luận chung**”.

2. Tập huấn triển khai mô hình trường học mới trên mạng

Nội dung tập huấn triển khai mô hình trường học mới đối với lớp 6 trên trang mạng "Trường học kết nối" bao gồm 4 bài học sau như sau:

Bài 1: Một số vấn đề chung về mô hình trường học mới cấp trung học cơ sở

Bài 2: Nghiên cứu kế hoạch bài học minh họa

Bài 3: Nghiên cứu video bài học minh họa

Bài 4: Xây dựng kế hoạch dạy học bộ môn



Bài 1: Một số vấn đề chung về mô hình trường học mới cấp trung học cơ sở

a) Mục đích, yêu cầu

- Những đặc điểm nổi bật của mô hình trường học mới cấp trung học cơ sở;
- Ý nghĩa của mỗi Hoạt động học (Khởi động; Hình thành kiến thức; Luyện tập; Vận dụng; Tìm tòi, mở rộng) trong mỗi bài học theo mô hình trường học mới; Vai trò của giáo viên trong việc tổ chức các hoạt động học của học sinh;
- Tổ chức lớp học theo mô hình trường học mới và vai trò của Hội đồng tự quản học sinh;
- Sự tham gia của cha mẹ học sinh và cộng đồng địa phương trong việc hỗ trợ hoạt động học của học sinh.

The screenshot shows a web browser window with the URL truonghocketnoi.edu.vn/phpsources/gv_dkhoaoc.php?kh=50guMTguMDEuMDAwNTAz. The page has a green header with navigation links: Trang chủ, Công văn, Tin tức, Tài liệu, Không gian trường học, Sinh hoạt chuyên môn, and Cuộc thi. Below the header, a breadcrumb trail reads: Trang chủ > Sinh hoạt chuyên môn > (VNEN6) Bài 1: Một số vấn đề chung về mô hình trường học mới cấp trung học cơ sở. The main content area features a blue header for the article: '(VNEN6) Bài 1: Một số vấn đề chung về mô hình trường học mới cấp trung học cơ sở'. Below this, it lists the start and end dates (21/06/2015 and 20/08/2015) and the organizing unit (Bộ Giáo dục và Đào tạo). The article is divided into two sections: 'I. Mục đích, yêu cầu' and 'II. Thực hiện bài học'. The sidebar on the right contains a 'Thông tin cá nhân' section with a profile picture and a 'Đăng xuất' button, and a 'Mục đích - Yêu cầu' section with a 'Đăng ký' button. The Windows taskbar at the bottom shows the date and time as 12:02 PM on 6/21/2015.

b) Thực hiện bài học

- Ngoài 02 giáo viên cốt cán tham gia tập huấn trực tiếp, mỗi sở Giáo dục và Đào tạo chọn cử thêm 10 giáo viên/môn tham gia triển khai mô hình trường học mới tạo thành 1 nhóm tập huấn trên mạng (xem như 1 tổ/nhóm chuyên môn trong nhà trường). Cử 1 trong 2 giáo viên cốt cán đang dự tập huấn trực tiếp làm nhóm trưởng. Nhóm trưởng đăng nhập vào "Trường học kết nối" bằng tài khoản của mình (Mỗi giáo viên bắt buộc phải có 01 tài khoản do nhà trường cấp từ tháng 11/2014, khai báo đầy đủ thông tin và nộp ảnh thẻ để sinh hoạt chuyên môn qua "Trường học kết nối"); đăng kí vào bài học "**Một số vấn đề chung về mô hình trường học mới cấp trung học cơ sở**"; sau đó thêm các thành viên trong tổ/nhóm chuyên môn của mình để tạo thành 01 nhóm tập huấn qua mạng. Nhóm trưởng khởi tạo bài học và chỉ huy cả nhóm (bao gồm các giáo viên đang tham gia tập huấn trực tiếp và các giáo viên tham gia qua "Trường học kết nối" tại địa phương) thảo luận để hoàn thành bài học.

+ Tạo tổ/nhóm sinh hoạt chuyên môn trên mạng:



- Các học viên nghiên cứu tài liệu sau:
 - + Bài phát biểu chỉ đạo của Thứ trưởng Nguyễn Vinh Hiển;
 - + Bài trình bày "Một số vấn đề chung về mô hình trường học mới cấp trung học cơ sở";
 - + Tài liệu tập huấn mô hình trường học mới lớp 6.
 - + Thảo luận nhóm trên mạng:



+ Hỏi ý kiến chuyên gia qua mạng:



c) Nộp báo cáo lên mạng

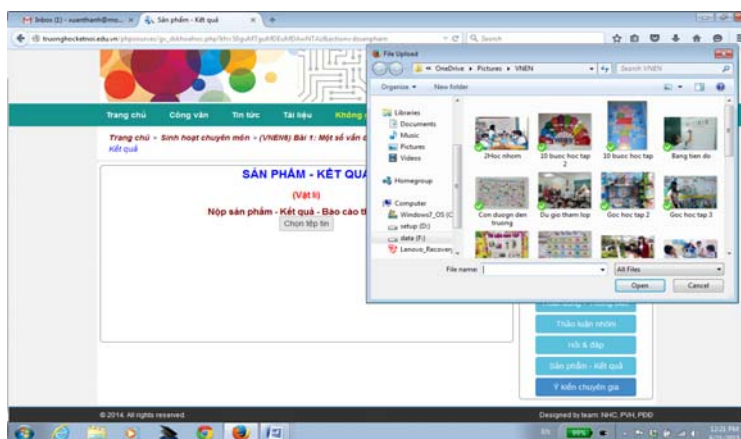
Nội dung báo cáo như sau:

- Thông tin chung: Sở Giáo dục và Đào tạo; Môn học; Nhóm trưởng và các thành viên: Họ và tên; điện thoại; Email

- Nội dung:

- + Những đặc điểm của mô hình trường học mới cấp trung học cơ sở.
- + Cấu trúc mỗi bài học theo mô hình trường học mới: ý nghĩa của mỗi Hoạt động học. Vai trò của giáo viên trong tổ chức hoạt động học của học sinh.
- + Vai trò của Hội đồng tự quản học sinh.
- + Sự tham gia của cha mẹ học sinh và cộng đồng trong giáo dục học sinh.
- + Những thuận lợi và khó khăn khi triển khai mô hình trường học mới tại địa phương.
- + Đề xuất, kiến nghị.

- Nộp báo cáo lên mạng:



Bài 2: Nghiên cứu kế hoạch bài học minh họa

a) Mục đích, yêu cầu

- Trình bày được tiến trình sư phạm của phương pháp dạy học tích cực được sử dụng trong bài học thông qua chuỗi Hoạt động học: Khởi động; Hình thành kiến thức; Luyện tập; Vận dụng; Tìm tòi, mở rộng;

- Trình bày được: Mục đích, nội dung, phương thức hoạt động (kỹ thuật học tích cực được sử dụng) và sản phẩm học tập của học sinh trong mỗi Hoạt động học trong bài học;

- Dự kiến được những khó khăn của học sinh khi thực hiện nhiệm vụ học tập và chuẩn bị biện pháp hỗ trợ hợp lý;

- Trình bày được phương án kiểm tra, đánh giá kết quả hoạt động học của học sinh trong bài học. Ví dụ: thông qua quan sát hoạt động học của học sinh; thông qua sản phẩm học tập; cho học sinh tự đánh giá và đánh giá lẫn nhau;...

b) Thực hiện bài học

- Tạo nhóm học trên mạng như Bài 1, đăng kí vào bài học "**Nghiên cứu kế hoạch bài học minh họa**".

- Các học viên nghiên cứu tài liệu sau: Tài liệu tập huấn mô hình trường học mới lớp 6; Tài liệu Hướng dẫn học lớp 6; Công văn số 5555/BGDĐT-GDTrH ngày 08/10/2014.

c) Nộp báo cáo lên mạng

Nội dung báo cáo như sau:

- Thông tin chung: Sở Giáo dục và Đào tạo; Môn học; Nhóm trưởng và các thành viên: Họ và tên; điện thoại; Email

- Nội dung:

- + Tiến trình sư phạm của phương pháp dạy học tích cực được sử dụng trong bài học, thể hiện qua nội dung, ý nghĩa của từng hoạt động học trong cả chuỗi hoạt động học của bài học.
- + Kỹ thuật học tích cực được sử dụng trong tổ chức mỗi hoạt động học thể hiện trong tài liệu Hướng dẫn học; đề xuất các kỹ thuật dạy học khác có thể được sử dụng phù hợp với điều kiện thực tiễn của địa phương.
- + Thiết bị dạy học, học liệu được sử dụng trong mỗi hoạt động (nếu có) đã được biên soạn trong tài liệu Hướng dẫn học; Đề xuất những thiết bị dạy học, học liệu có thể thay thế.
- + Cách chuyên giao nhiệm vụ cho học sinh đã được biên soạn trong tài liệu Hướng dẫn học qua: lời nói; tài liệu, thiết bị dạy học, học liệu; cách quan sát hoạt động học của học sinh, những khó khăn mà học sinh có thể gặp...; các biện pháp giúp học sinh vượt qua khó khăn để hoàn thành nhiệm vụ học tập; biện pháp theo dõi, giúp đỡ học sinh hoạt động học ở ngoài lớp, ở nhà và cộng đồng; biện pháp tổ chức cho học sinh báo cáo và thảo luận;...
- + Phương án đánh giá kết quả hoạt động học của học sinh đã được thể hiện trong tài liệu Hướng dẫn học (đánh giá bằng quan sát, nhận xét; cách biên soạn câu hỏi/bài tập/nhiệm vụ học tập; cách đánh giá sản phẩm học tập của học sinh; xây dựng rubric đánh giá; cách tổ chức cho học sinh tự đánh giá, đánh giá đồng đẳng; cách ghi nhật ký dạy học...); Đề xuất các phương án đánh giá khác có thể sử dụng.

Bài 3: Nghiên cứu video bài học minh họa

a) Mục đích, yêu cầu

- Nâng cao nhận thức về ý nghĩa và cách tổ chức các hoạt động học của học sinh trong mỗi bài học theo mô hình trường học mới;

- Tăng cường năng lực sinh hoạt chuyên môn dựa trên nghiên cứu bài học cho cán bộ quản lí, giáo viên;

- Thực hành vận dụng được các tiêu chí phân tích, rút kinh nghiệm bài học theo Công văn số 5555/BGDĐT-GDTrH ngày 08/10/2014.

b) Thực hiện bài học

- + Tạo nhóm trên mạng như Bài 1, đăng kí vào bài học "**Nghiên cứu video bài học minh họa**";
- + Các học viên nghiên cứu video bài học, vận dụng các tiêu chí phân tích, rút kinh nghiệm bài học theo Công văn số 5555/BGDĐT-GDTrH ngày 08/10/2014 để phân tích về các hoạt động học.

c) Nộp báo cáo lên mạng

- Thông tin chung: Sở Giáo dục và Đào tạo; Môn học; Nhóm trưởng và các thành viên: Họ và tên; điện thoại; Email.

- Nội dung:

- + Tiến trình sư phạm của phương pháp dạy học tích cực được sử dụng trong bài học.
- + Hoạt động của giáo viên: Cách chuyển giao nhiệm vụ cho học sinh: lời nói; tài liệu, thiết bị dạy học, học liệu; Khả năng quan sát, phát hiện những khó khăn mà học sinh gặp phải trong quá trình hoạt động học; Các biện pháp đã sử dụng giúp học sinh vượt qua khó khăn; Biện pháp theo dõi, giúp đỡ học sinh hoạt động học ở ngoài lớp, ở nhà và cộng đồng; Khả năng tổ chức cho học sinh báo cáo và thảo luận về sản phẩm học tập;... Phương án đánh giá kết quả hoạt động học của học sinh.
- + Hoạt động của học sinh: Khả năng tiếp nhận và sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập học sinh; Mức độ tích cực, chủ động, hợp tác trong các hoạt động học; Mức độ hoàn thành các nhiệm vụ học tập: tính chính xác, sự phù hợp, tiến độ; Khả năng và mức độ tích cực, chủ động trong báo cáo và thảo luận.

Bài 4: Xây dựng kế hoạch dạy học bộ môn (KTĐG?)

a) Mục đích, yêu cầu

- Nghiên cứu tài liệu Hướng dẫn học và tài liệu Tập huấn để xây dựng Kế hoạch dạy học của bộ môn trong cả năm học;

- Hoàn thành Kế hoạch dạy học và nộp lên mạng.

b) Thực hiện bài học

+ Tạo nhóm trên mạng như Bài 1, đăng kí vào bài học "**Xây dựng kế hoạch dạy học bộ môn**".

+ Nghiên cứu tài liệu Hướng dẫn học để xây dựng Kế hoạch dạy học.

c) Nội Kế hoạch dạy học lên mạng

- Thông tin chung: Sở Giáo dục và Đào tạo; Môn học; Nhóm trưởng và các thành viên: Họ và tên; điện thoại; Email.

- Nội dung: Báo cáo chi tiết về Kế hoạch dạy học của bộ môn trong cả năm học.

G. TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC CẤP QUẢN LÝ ĐỊA PHƯƠNG TRONG VIỆC TRIỂN KHAI MÔ HÌNH TRƯỜNG HỌC MỚI THCS

I. TRÁCH NHIỆM CỦA SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

- Triển khai và ban hành văn bản hướng dẫn, chỉ đạo các phòng Giáo dục và Đào tạo, trường THCS thực hiện các văn bản chỉ đạo của Bộ Giáo dục và Đào tạo về dạy học theo mô hình trường học mới trường học mới và các văn bản liên quan.

- Xây dựng kế hoạch và tổ chức tập huấn cho cán bộ quản lý, tổ trưởng chuyên môn và giáo viên các trường tham gia dạy học theo mô hình trường học mới trường học mới 6, 7 trước khi bắt đầu năm học mới 2015-2016.

- Lựa chọn và xây dựng thành cụm các trường dạy học theo mô hình trường học mới trường học mới để tổ chức sinh hoạt chuyên môn theo cụm trường. Cử cán bộ, chuyên viên tham gia sinh hoạt cụm chuyên môn.

- Phê duyệt kế hoạch giáo dục triển khai mô hình trường học mới của các phòng Giáo dục và Đào tạo; kiểm tra việc thực hiện các văn bản, chỉ thị của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Sở Giáo dục và Đào tạo đối với các phòng Giáo dục và Đào tạo và trường THCS trên tinh thần giao quyền chủ động cho các nhà trường trong quá trình thực hiện.

- Hướng dẫn các phòng GDDT và các trường THCS định kỳ đánh giá, góp ý các tài liệu của mô hình trường học mới trường học mới và phản ánh kịp thời về Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Tạo điều kiện về cơ sở vật chất, trang thiết bị,... cho các nhà trường tham gia thực nghiệm mô hình trường học mới trường học mới .

- Thường xuyên quản lý, đôn đốc, chỉ đạo sinh hoạt chuyên môn các trường, cụm trường tham gia mô hình trường học mới trường học mới trên mạng “Trường học kết nối”, tạo nên hệ thống kết nối trong toàn tỉnh/thành phố.

II. TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

- Triển khai và ban hành văn bản đề hướng dẫn, chỉ đạo các trường THCS thực hiện các văn bản chỉ đạo của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Sở Giáo dục và Đào tạo về dạy học theo mô hình trường học mới trường học mới và các văn bản liên quan.

- Phê duyệt kế hoạch giáo dục của các trường THCS tham gia thực nghiệm mô hình trường học mới trường học mới.

- Xây dựng kế hoạch giáo dục đối với các trường tham gia thực nghiệm mô hình trường học mới trường học mới, trình sở Giáo dục và Đào tạo phê duyệt.

- Hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra các cơ sở giáo dục tham gia thực nghiệm mô hình trường học mới 6, 7 thực hiện các văn bản chỉ đạo của Bộ/Sở Giáo dục và Đào tạo. Chỉ đạo các trường THCS tham gia góp ý cho các tài liệu của mô hình trường học mới trường học mới và phản ánh kịp thời về Sở Giáo dục và Đào tạo

- Có các biện pháp khuyến khích và tạo điều kiện về thời gian, cơ sở vật chất, thiết bị dạy học, nguồn học liệu,...cho các nhà trường tham gia thực nghiệm mô hình trường học mới.

- Tổ chức các hội nghị, hội thảo sinh hoạt chuyên môn cấp huyện hoặc cụm trường để tạo điều kiện cho các tổ trưởng, nhóm trưởng và giáo viên trao đổi chia sẻ kinh nghiệm, cập nhật thông tin về hoạt động dạy và học theo mô hình trường học mới, điều chỉnh tài liệu khi thấy cần thiết.

- Thường xuyên quản lý, đôn đốc, chỉ đạo sinh hoạt chuyên môn các trường, cụm trường tham gia mô hình trường học mới trên mạng “Trường học kết nối”, tạo nên hệ thống kết nối trong toàn tỉnh/thành phố.

III. TRÁCH NHIỆM CỦA HIỆU TRƯỞNG

- Triển khai, đôn đốc, kiểm tra giáo viên và các tổ chuyên môn đối với việc thực hiện các văn bản chỉ đạo của Bộ, Sở và phòng Giáo dục và Đào tạo.

- Phê duyệt kế hoạch giáo dục của tổ, nhóm chuyên môn; xây dựng kế hoạch giáo dục năm học, trình phòng Giáo dục và Đào tạo phê duyệt.

- Thường xuyên chỉ đạo tổ, nhóm chuyên môn tổ chức sinh hoạt chuyên môn thông qua hoạt động nghiên cứu bài học, điều chỉnh tài liệu khi thấy cần thiết. Tạo điều kiện về thời gian, cơ sở vật chất cho các tổ, nhóm chuyên môn và giáo viên để triển khai công việc.

- Tổ chức một số buổi sinh hoạt chuyên môn chung cho các trường tham gia dạy thử nghiệm mô hình trường học mới trường học mới , thảo luận, rút kinh nghiệm về việc thực hiện các bài học và hoạt động giáo dục, về đánh giá học sinh trong quá trình dạy học.

- Xây dựng cơ chế động viên giáo viên tự làm thiết bị dạy học; tăng cường công tác xã hội hóa giáo dục; có các biện pháp để tăng cường sự tham gia của cha mẹ học sinh vào các hoạt động giáo dục của nhà trường.

- Tổ chức cho cán bộ và giáo viên tham gia góp ý các loại tài liệu của mô hình trường học mới trường học mới và phản ánh kịp thời về phòng Giáo dục và Đào tạo./.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Đặng Tự Ân – Mô hình trường học mới tại Việt Nam, hỏi – đáp, NXB Giáo dục Việt Nam
2. Công văn số 7291/BGDĐT-GDTrH ngày 01/11/2010 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc hướng dẫn học 2 buổi/ngày đối với các trường trung học cơ sở, trung học phổ thông.
3. Công văn số 7162/BGDĐT- GDTrH ngày 10/12/2014 về việc đánh giá kết quả bước đầu thực nghiệm mô hình VNEN cấp THCS.
4. Hướng dẫn số 73/HD-BGDĐT-BVHTTDL ngày 16/01/2013 của liên Bộ GDĐT, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc dạy học thông qua di sản.
5. Công văn số 3535 /BGDĐT-GDTrH ngày 27/5/2013 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc Hướng dẫn triển khai thực hiện phương pháp “Bàn tay nặn bột” và các phương pháp dạy học tích cực khác.
7. Công văn số số 5555/BGDĐT-GDTrH ngày 08/10/2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc Hướng dẫn sinh hoạt chuyên môn về đổi mới phương pháp dạy học và kiểm tra, đánh giá; tổ chức và quản lí các hoạt động chuyên môn của trường trung học/trung tâm giáo dục thường xuyên qua mạng./.

Phần II

TỔ CHỨC DẠY HỌC VÀ KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ MÔN NGỮ VĂN 6 THEO MÔ HÌNH TRƯỜNG HỌC MỚI TẠI VIỆT NAM

I. VỊ TRÍ, ĐẶC ĐIỂM CỦA MÔN NGỮ VĂN THCS

1. Vị trí

a- Môn Ngữ văn là môn học về khoa học Xã hội- Nhân văn, có nhiệm vụ giúp HS hình thành những kiến thức Tiếng Việt, Văn học và Tập làm văn, phát triển ở HS năng lực sử dụng tiếng Việt, năng lực tiếp nhận và tạo lập văn bản. Qua môn học này, HS còn có thêm những hiểu biết về văn hóa, xã hội, lịch sử, đời sống nội tâm của con người và bản thân.

b- Môn Ngữ văn là môn học công cụ. Năng lực sử dụng tiếng Việt, tiếp nhận và tạo lập văn bản mà môn học này hình thành cho HS là công cụ để HS học tập và sinh hoạt, nhận thức về xã hội và con người, bồi dưỡng tư tưởng tình cảm và nhân cách.

c- Môn Ngữ văn là môn học thuộc lĩnh vực giáo dục thẩm mỹ. Thông qua việc tiếp cận với tiếng Việt văn hóa và những hình tượng nghệ thuật trong tác phẩm văn học, HS được bồi dưỡng năng lực tưởng tượng, sáng tạo, làm giàu cảm xúc thẩm mỹ và định hướng thị hiếu lành mạnh nhằm hoàn thiện nhân cách của mình.

2. Đặc điểm của môn Ngữ văn THCS

2.1. Môn Ngữ văn vừa có tính khoa học vừa có tính nghệ thuật

Các nội dung dạy học của môn Ngữ văn có tính chính xác, khách quan và tính hệ thống,... Nó phản ánh những thành tựu mới, những tiến bộ của khoa học xã hội và nhân văn; nó cũng thể hiện được những giá trị xã hội- nhân văn mà các thế hệ đi trước đã xác lập. Giáo viên là người giúp HS khám phá những giá trị đó.

Môn Ngữ văn có tính hình tượng, tính trực quan, tính cảm xúc, tính đa nghĩa,... Nó có thể khơi gợi ở HS những tình cảm, khả năng tưởng tượng sáng tạo, góp phần tích cực vào việc hình thành các phẩm chất và nhân cách cho các em.

2.2. Môn Ngữ văn có sự tích hợp của Tiếng Việt, Văn học và Tập làm văn

Phần Tiếng Việt phản ánh những thành tựu nghiên cứu của khoa học về tiếng Việt, giúp HS vận dụng các tri thức đó để phát triển năng lực sử dụng tiếng Việt trong giao tiếp.

Phần Văn học phản ánh các thành tựu trong lịch sử văn học, giúp HS thấm nhuần sâu sắc các giá trị văn hóa, nhân văn chứa đựng trong các hình tượng văn học.

Phần Tập làm văn rèn luyện cho HS các kỹ năng tạo lập văn bản, diễn đạt ý nghĩ, cảm xúc, suy nghĩ qua bài trình bày.

Cả ba phân môn thống nhất trong mục tiêu giáo dục tình cảm, cảm xúc, thẩm mỹ, hình thành năng lực, phẩm chất, nhân cách cho HS.

2.3. Mục tiêu dạy học môn Ngữ văn THCS là hình thành và phát triển các phẩm chất, năng lực cho HS

Cũng như các môn học khác, môn Ngữ văn nhằm tới mục tiêu hình thành và phát triển các phẩm chất, năng lực chung cốt lõi và năng lực đặc thù cho HS. Môn Ngữ văn với tính chất là một môn học công cụ, với mục đích là một môn học phát triển năng lực giao tiếp, năng lực giải quyết vấn đề trong nhận thức và trong giao tiếp xã hội, môn học này có thể mạnh trong việc góp phần phát triển những năng lực - chung - cốt lõi sau: 1) Năng lực giao tiếp (sử dụng tiếng Việt); 2) Năng lực thẩm mỹ; 3) Năng lực hợp tác; 4) Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo.

Thông qua các bài học, môn Ngữ văn hướng tới việc hình thành các phẩm chất cơ bản, bao gồm: 1) Yêu gia đình, quê hương, đất nước; 2) Nhân ái, khoan dung; 3) Tự lập, tự tin, tự chủ và có tinh thần vượt khó; 4) Có trách nhiệm với bản thân, cộng đồng, đất nước, nhân loại và môi trường tự nhiên; 5) Tôn trọng, chấp hành kỷ luật, pháp luật và thực hiện nghĩa vụ đạo đức v.v...

Đặc biệt, môn Ngữ văn có thể mạnh trong việc hình thành các năng lực đặc thù. Năng lực đặc thù cần được phát triển trong môn Ngữ văn trong phần học về tiếng Việt bao gồm 2 loại năng lực:

+ Năng lực tiếp nhận văn bản, gồm các kỹ năng *nghe, đọc*;

+ Năng lực tạo lập văn bản, gồm các kỹ năng *nói, viết*.

Đồng thời, việc học ngôn ngữ luôn song hành cùng với việc hiểu và tiếp nhận một cách sáng tạo những tác phẩm văn học có giá trị. Năng lực đặc thù cần được phát triển trong phần học về văn học bao gồm 2 loại :

- Loại năng lực tiếp nhận văn học gồm năng lực *cảm thụ thẩm mỹ* (cảm thụ các giá trị của văn học với tư cách là một loại hình nghệ thuật).

- Loại năng lực tạo lập gồm năng lực *sáng tạo văn bản nghệ thuật* (tạo ra văn bản bằng ngôn ngữ mang tính nghệ thuật, đồng sáng tạo tác phẩm văn học).

Do năng lực đặc thù môn học là năng lực được hình thành và phát triển bởi ưu thế, đặc điểm của môn học, nên có thể một năng lực chung cũng đồng thời là năng lực đặc thù hoặc được thể hiện trong các năng lực đặc thù của môn học. Các năng lực chung như năng lực giao tiếp sẽ được thể hiện trong nhóm NL tiếng Việt của môn học Ngữ văn, năng lực thẩm mỹ và sáng tạo thể hiện trong nhóm NL văn học. Bên cạnh đó, hai nhóm năng lực đặc thù là *năng lực tiếng Việt* và *năng lực văn học* của môn Ngữ văn cũng có quan hệ tương tác với nhau: năng lực tiếng Việt là cơ sở để phát triển năng lực văn học; năng lực văn học là sự hoàn thiện năng lực tiếng Việt ở mức cao. Điều này cho thấy năng lực có thể được thể hiện ở những cấp độ khác nhau và được biểu hiện một cách khá phong phú trong các nội dung dạy học.

Từ đó, môn Ngữ văn có thể mạnh trong việc hình thành, phát triển các giá trị nhân văn, bồi dưỡng tâm hồn, nhân cách cho HS.

2.4. Môn Ngữ văn cấp THCS là sự liên thông với môn Tiếng Việt ở Tiểu học và môn Ngữ văn ở THPT

a. Theo CT hiện hành, ở Tiểu học, HS đã được học các phân môn *Học văn, Tập đọc, Kể chuyện, Luyện từ và câu, Tập viết, Chính tả, Tập làm văn*.

Các phân môn này sẽ tiếp nối ở cấp THCS và được tổ chức thành 3 phân môn: Văn học, Tiếng Việt và Tập làm văn.

Nắm vững sự tiếp nối này có ý nghĩa rất quan trọng, vì rất nhiều nội dung dạy học ở THCS không phải bắt đầu từ đầu mà được kế thừa trên cơ sở vốn kiến thức, kỹ năng đã được hình thành cho HS từ bậc Tiểu học. Mỗi bài học do đó cần được đặt trong sự kế thừa, phát triển một cách hợp lý.

b. Các nội dung môn Ngữ văn ở THCS cũng có ý nghĩa làm nền tảng để các em học lên THPT và các cấp cao hơn. Cần chuẩn bị tốt những kiến thức, kỹ năng ở cấp THCS, đồng thời cũng cần đảm bảo sự liên thông, tiếp nối, phù hợp với trình độ và tâm lý tiếp nhận của HS, tránh nâng cao quá mức kiến thức và kỹ năng, làm thay nhiệm vụ của cấp cao hơn. Cần bám sát chuẩn kiến thức và kỹ năng môn học ở cấp THCS.

c. Lớp 6 là năm học đầu tiên các em được học theo CT Ngữ văn cấp THCS. Điều này có ý nghĩa quan trọng. Nếu ở cấp Tiểu học, các phân môn Tập đọc, Kể chuyện,

Luyện từ và câu, Tập làm văn,... chủ yếu cung cấp và rèn luyện cho các em những kiến thức, kĩ năng cụ thể, đơn chiều, thì ở THCS, các kiến thức, kĩ năng bắt đầu mang tính trừu tượng, đa chiều hơn. Ví dụ, các em không chỉ có nhiệm vụ tích lũy, ghi nhớ các truyện cổ tích (như ở Tiểu học), mà còn phải hiểu được đặc trưng loại thể, đi sâu hơn vào nội dung, nghệ thuật và đặc biệt là các giá trị đạo đức, nhân văn, thẩm mỹ,... trong từng truyện.

Các kiến thức, kĩ năng đó lại được tập hợp thành hệ thống, ngày một rõ ràng hơn, phong phú và phức tạp hơn,... Các yêu cầu đối với HS cấp THCS cũng có sự lặp lại bậc Tiểu học ở mức ngày càng cao hơn. Đây cũng chính là sự thể hiện của nguyên tắc đồng tâm trong CT phổ thông.

Khi đặt CT Ngữ văn 6 vào sự liên thông, ta mới xác định rõ hơn định lượng, định tính trong CT nói chung và trong từng bài học nói riêng

II. CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC

1. Hướng dẫn chung

1.1. CT và sách HDH Ngữ văn 6 VNEN có những đặc điểm sau đây:

a) CT và sách HDH Ngữ văn 6 đảm bảo chuẩn kiến thức và kĩ năng, dựa trên CT và SGK hiện hành. Cụ thể:

- Những bài học chính thức theo CT và SGK vẫn đảm bảo các yêu cầu kiến thức và kĩ năng.

- Các bài hướng dẫn tự học, đọc thêm,... sẽ được chuyển sang Hoạt động Luyện tập hoặc Mở rộng (đọc thêm). Có một số ít bài đọc thêm được sử dụng như một phần trong bài học chính, nhưng chỉ dùng như ngữ liệu để dạy Tiếng Việt và Tập làm văn.

Sách *HDH Ngữ văn 6* dựa trên CT và SGK *Ngữ văn THCS* hiện hành. Các nội dung Văn học, Tiếng Việt và Tập làm văn vẫn giữ nguyên theo CT. Các nội dung Văn học, Tiếng Việt và Tập làm văn cũng được tiến hành dạy gần nhau để đảm bảo tính tích hợp của sách giáo khoa hiện hành.

b) CT và sách HDH Ngữ văn THCS tích hợp các phân môn trong mỗi bài học

Ngoài việc biên soạn còn 33 tuần, sách *HDH Ngữ văn 6* còn có những điều chỉnh đối với CT và sách giáo khoa:

- Sách *HDH Ngữ văn 6* tích hợp các phân môn Văn học, Tiếng Việt và Tập làm văn trong một bài học (4 tiết). Sự tích hợp này dựa trên 2 trục năng lực cơ bản là *Đọc*

hiểu (tiếp nhận văn bản) và *Tập làm văn* (tạo lập văn bản). Đây cũng là sự kế thừa tính tích hợp đã có trong CT và sách giáo khoa hiện hành, tuy nhiên, trong mô hình trường học mới, tính tích hợp thể hiện cao hơn.

- Một số khái niệm ngôn ngữ học được giảm tải; mục Ghi nhớ bị giản lược hoặc chuyển sang Hoạt động luyện tập và Tìm tòi mở rộng.

- Một số kiến thức trùng lặp với bậc Tiểu học, hoặc ít tính thiết thực cũng được giản lược.

c) CT và sách HDH Ngữ văn 6 dựa trên định hướng đổi mới CT phổ thông

Dựa trên những định hướng đổi mới CT phổ thông sau 2015, sách *HDH Ngữ văn VNEN 6* đã được biên soạn theo những yêu cầu sau:

- Thiết kế các bài tập theo 5 hoạt động giúp HS nâng cao tính tự chủ, tăng cường chia sẻ, hợp tác trong quá trình học.

- Tổ chức các bài học theo định hướng phát triển năng lực cho HS.

- Kiểm tra, đánh giá theo định hướng năng lực và phẩm chất HS.

d) Cấu trúc nội dung của sách HDH Ngữ văn 6 dựa trên trục thể loại văn học, hệ thống kiến thức tiếng Việt và các kiểu văn bản.

Các kiến thức Tiếng Việt và Tập làm văn được dạy tích hợp với Đọc hiểu văn bản văn học. Ngoài ra còn một nội dung khác như CT địa phương, ôn tập.

1.2. Khái quát về cách thực hiện chương trình

Sách *Hướng dẫn học Ngữ văn 6* theo mô hình VNEN được biên soạn theo tinh thần lấy hoạt động học của HS là trung tâm của quá trình dạy học, HS là chủ thể trong việc tiếp thu kiến thức, hình thành kỹ năng và năng lực; GV là người tổ chức, hướng dẫn các hoạt động học của HS. Tiến trình bài học được biên soạn theo các hoạt động, thể hiện rõ phương pháp và hình thức tổ chức dạy học. GV cần hiểu rõ mục tiêu, nội dung và cách thức tổ chức của từng hoạt động để việc hướng dẫn HS đạt hiệu quả. Tuy nhiên GV không nên quá cứng nhắc, lệ thuộc hoàn toàn vào từng hoạt động mà có thể chủ động trong việc xây dựng kịch bản cho mỗi bài học, đảm bảo sự phù hợp với điều kiện, hoàn cảnh của địa phương, nhà trường và năng lực của giáo viên, học sinh.

Trong tiến trình bài học VNEN, các hoạt động học của HS chiếm ưu thế và nổi bật. Tuy vậy, GV bao giờ cũng giữ vai trò rất quan trọng. GV vừa là người hướng dẫn, tổ chức, là trọng tài, đồng thời là người đồng hành cùng với HS. Do vậy, trong giờ học, với mỗi nhiệm vụ/ bài tập, GV cần làm tốt những công việc sau đây:

– Giao nhiệm vụ/ bài tập cho cá nhân/ nhóm HS; nêu rõ nhiệm vụ, yêu cầu, thời gian thực hiện. Nếu cần có thể hướng dẫn, giải thích, nhưng không nên lạm dụng thao tác này.

– Tổ chức cho HS thực hiện bài tập/ nhiệm vụ. Trong thời gian HS làm bài tập hay thực hiện nhiệm vụ, GV cần quan sát từng nhóm, từng cá nhân HS để có thể động viên, giúp đỡ khi cần thiết.

– Tổ chức cho HS báo cáo và đánh giá kết quả làm được. Việc báo cáo kết quả và đánh giá có thể được tiến hành tại các nhóm riêng rẽ, cũng có thể được tiến hành chung cả lớp, tùy thuộc từng nhiệm vụ/ bài tập cụ thể.

Để phát triển tài liệu *Hướng dẫn học Ngữ văn 6*, bên cạnh 5 hoạt động cơ bản đã trình bày ở phần chung, GV cần chú ý đến phương pháp tổ chức các hoạt động học tập đặc thù của môn học, những hoạt động có vai trò chủ yếu trong quá trình dạy học. Sau đây là đặc điểm, cách thức thực hiện của các hoạt động này.

(1) *Hoạt động cá nhân* là hoạt động yêu cầu HS thực hiện các bài tập/ nhiệm vụ một cách độc lập. Trong môn học Ngữ văn, hình thức hoạt động cá nhân có thể diễn ra trong việc thực hiện nội dung của cả 5 hoạt động. HĐ cá nhân được thực hiện trong việc phát hiện và tìm hiểu về các chi tiết trong văn bản, hoặc phát hiện vấn đề được nảy sinh trong các bài học. Trong các bài tập thực hành, hoạt động cá nhân nhằm giúp HS cảm hiểu sâu hơn về tác phẩm, huy động được những trải nghiệm sâu sắc của cá nhân về những điều ấn tượng nhất về tác phẩm (về nhân vật, về cách kể chuyện, về bài học nhận thức,...), hoặc tìm hiểu sâu hơn về nội dung học tập tiếng Việt, làm văn qua các bài tập củng cố.

Khi tổ chức cho HS hoạt động cá nhân, GV cần:

– Giao nhiệm vụ/ bài tập đến từng cá nhân; nêu rõ yêu cầu, điều kiện và thời gian thực hiện; gợi ý, làm mẫu (nếu thấy cần thiết).

– HS làm bài, GV theo dõi, và tạo điều kiện thuận lợi về môi trường làm việc cho HS, như các yêu cầu về tiếng ồn, nhiệt độ,...

– HS báo cáo kết quả với GV (có thể trực tiếp hoặc đại diện).

Trong thực tế, cách tổ chức các hoạt động cá nhân trong VNEN tương tự như cách tổ chức làm bài tập Ngữ văn theo SGK hiện hành. Tuy nhiên, vẫn có chỗ khác là: trong VNEN, GV quan tâm đến hoạt động cá nhân ở phương diện hình thành năng lực hơn là phương diện lĩnh hội kiến thức; ngoài ra, GV quan tâm đến từng cá nhân HS chứ không phải đến số đông như cách dạy hiện hành.

(2) *Hoạt động cặp đôi và hoạt động nhóm* là những hoạt động nhằm giúp HS phát triển năng lực hợp tác, tăng cường sự chia sẻ. Trong giờ học Ngữ văn, hoạt động thảo luận nhóm thường được tổ chức khi hướng dẫn HS tìm hiểu một số nội dung của văn bản: đề tài, đối tượng, nhân vật chính trong văn bản, tìm bố cục của văn bản, cách khai thác nội dung và nghệ thuật của văn bản. Tùy theo mức độ phức tạp của các nội dung và vấn đề đặt ra, có thể cho HS hoạt động theo cặp đôi, để HS có thể suy nghĩ và chia sẻ suy nghĩ với bạn bên cạnh, hoặc nhóm lớn hơn khi cần đến sự phối hợp để giải quyết nhiệm vụ học tập phức hợp. Thảo luận nhóm cũng có thể được tổ chức trong việc phân tích một tình huống ngôn ngữ hoặc hình thành các thao tác, cách thức triển khai một nội dung làm văn. Với hoạt động thực hành, GV nên tổ chức cho HS thực hiện các câu hỏi, bài tập theo hình thức hoạt động nhóm. Ở nội dung đọc hiểu, GV có thể hướng dẫn HS một số cách thâm nhập, tiếp cận khác đối với văn bản, chẳng hạn khai thác sâu vào một vấn đề nội dung và nghệ thuật của tác phẩm, hoặc so sánh đối chiếu một số chi tiết, nhân vật của văn bản với những văn bản khác để mở rộng hiểu biết về văn bản, nhà văn và cuộc sống. Hoạt động này cũng cần áp dụng trong các bài tập thực hành tiếng Việt và làm văn, chẳng hạn, thực hành phân tích một tình huống sử dụng ngôn ngữ phức hợp, thực hành tạo lập một ngữ cảnh hội thoại, thực hành lập ý, phân tích văn bản theo các kiểu loại, thực hành tạo lập đoạn văn, bài văn (nói và viết) theo những thao tác và kiểu văn bản. Những nội dung thực hành trên đòi hỏi sự hợp tác, chia sẻ giữa các cá nhân trong việc giải quyết các vấn đề đặt ra.

Khi tổ chức hoạt động nhóm, GV cần:

- Chia lớp thành các nhóm, với số lượng HS thích hợp; kê bàn theo vị trí phù hợp với không gian lớp học.
- Giao bài tập/ nhiệm vụ cho mỗi nhóm. Nêu yêu cầu rõ ràng.
- Nhóm trưởng quản lý hoạt động của cả nhóm theo hướng dẫn:
 - + Mỗi cá nhân thực hiện nhiệm vụ riêng biệt.
 - + Cá nhân trao đổi với bạn trong nhóm, yêu cầu hợp tác (nếu cần).
 - + HS có thể tự do trao đổi nếu chưa giải quyết được nội dung bài học, nếu bản thân HS đã có thể tự trả lời được các em có quyền im lặng lắng nghe, vậy không nên nhất thiết để lần lượt từng cá nhân trình bày một cách bắt buộc (điều này giống với tiểu học, làm hạn chế sự linh hoạt khi shn)
 - + Nhóm góp ý kiến với từng cá nhân.

– Nội dung trình bày trước nhóm nên linh hoạt (không nhất thiết phải là nhóm trưởng) để phát huy khả năng của tất cả HS.

(3) *Hoạt động chung cả lớp* là hình thức hoạt động phù hợp với số đông HS. Đây là hình thức nhằm tăng cường tính cộng đồng, giáo dục tinh thần đoàn kết, sự chia sẻ, tinh thần chung sống hài hoà. Trong môn học Ngữ văn, hoạt động chung cả lớp được thực hiện khi HS cần có sự thống nhất chung hoặc rút ra những kết luận cần thiết cho một nội dung học tập. Chẳng hạn, hoạt động cả lớp được tổ chức khi tổng kết, nhận xét khái quát về giá trị nội dung và nghệ thuật của văn bản, hoặc chốt lại một khái niệm, tổng kết các bước thực hiện một nội dung tiếng Việt, tập làm văn. Với hoạt động này, GV có thể quan sát, theo dõi để nhận biết được khả năng của các HS trong lớp, qua cách suy nghĩ và trả lời của HS để điều chỉnh kịp thời.

(4) *Hoạt động với cộng đồng* là hình thức hoạt động của HS trong mối tương tác với xã hội. Trong môn Ngữ văn, hoạt động với cộng đồng bao gồm các hình thức như: giới thiệu với bạn bè, người thân trong gia đình về nội dung câu chuyện vừa học, ứng dụng các nội dung tiếng Việt vào các tình huống giao tiếp, tìm hiểu các di tích văn hoá, lịch sử, văn học ở địa phương,...

Trong sách *Hướng dẫn học Ngữ văn 6 THCS*, phần lớn các hình thức hoạt động với cộng đồng được áp dụng cho hoạt động bổ sung, làm việc ở nhà.

Bên cạnh đó, GV có thể tổ chức một số hoạt động bổ trợ nhằm tăng hứng thú và hiệu quả học tập cho HS. Đó là các hoạt động sau:

(1) *Hoạt động hội thi, câu lạc bộ*

Các hoạt động này bao gồm: thi kể chuyện, đọc thơ, ngâm thơ, hát; thi tìm hiểu kiến thức, thi thể hiện kỹ năng, thi ứng xử tình huống,... Trong sách *Hướng dẫn học Ngữ văn 6*, các hoạt động này cũng được thiết kế khá thường xuyên.

– Khi tổ chức các hoạt động này, GV cũng cần chú ý các bước sao cho phù hợp với nội dung bài học và gây được hứng thú cho HS.

– Thông thường, việc tổ chức các cuộc thi ngắn, tại lớp có thể được tiến hành theo các bước chính:

- + Công bố mục đích, nội dung, yêu cầu của cuộc thi.
- + Đề cử một người dẫn chương trình, ban giám khảo, các thành viên/ các đội dự thi.
- + Người dẫn chương trình công bố thể lệ/ thể thức cuộc thi.

- + Các thành viên/ các đội tiến hành dự thi theo đúng thể lệ/ thể thức, các hoạt động cổ vũ của cổ động viên (nếu có).
- + Ban giám khảo chấm điểm, đánh giá.
- + Người dẫn chương trình công bố kết quả.

Những cuộc thi có quy mô lớn hơn và trong thời gian dài hơn được gọi là hội thi. Câu lạc bộ cũng là hình thức tổ chức học tập có phạm vi rộng.

Sách *Hướng dẫn học Ngữ văn 6 THCS* theo mô hình VNEN chưa thiết kế được các hội thi và câu lạc bộ.

(2) Tổ chức trò chơi học tập

– Trò chơi trong học tập là hình thức hoạt động được thiết kế nhằm làm giảm căng thẳng, tăng hứng thú cho HS.

– Về nguyên tắc, trò chơi có thể được thiết kế trong tất cả các công đoạn của quá trình dạy học, tùy theo nội dung cụ thể của mỗi bài học. Tuy nhiên, trong sách *Hướng dẫn học Ngữ văn 6 THCS* theo mô hình VNEN, trò chơi học tập thường được tổ chức trong phần Hoạt động khởi động (phần đầu) và đôi khi trong phần Hoạt động luyện tập (một trong hai phần trung tâm).

– Cách thức tổ chức trò chơi cũng tương tự như tổ chức các cuộc thi, hội thi. Tùy theo nội dung, số lượng người tham gia để quyết định có hay không có ban giám khảo và người dẫn chương trình.

(3) Tổ chức tham quan, học tại hiện trường

– Các hoạt động tham quan, ngoại khoá từ lâu vẫn rất được quan tâm. Tuy nhiên, vì nhiều lí do khác nhau, các hoạt động này trong những năm gần đây đã bị giảm thiểu. Với mô hình VNEN, các hoạt động này cần được coi trọng. Đặc biệt, không có sự phân biệt nội khoá hay ngoại khoá. Các nội dung dạy học chính thức vẫn có thể được dạy tại hiện trường, thậm chí, học tại hiện trường là hình thức tổ chức cần được khuyến khích; bên cạnh đó, việc mở rộng, bổ sung kiến thức không còn nằm ngoài CT (ngoại khoá) mà trở thành yêu cầu bắt buộc đối với mỗi bài học.

– Trong sách *Hướng dẫn học Ngữ văn 6 THCS* theo mô hình VNEN, một số nội dung được thiết kế dạy tại hiện trường, chẳng hạn tìm hiểu văn hoá dân gian, tiếng nói, môi trường địa phương,... (phần chương trình địa phương).

– Khi dạy học tại hiện trường, GV cần chú ý tổ chức chặt chẽ, an toàn, đưa đón HS cẩn thận, chu đáo; liên hệ với chính quyền, tổ chức xã hội ở địa phương để có khách mời đến trao đổi với HS những nội dung cụ thể, hấp dẫn và bổ ích về tình hình địa phương.

2. Chương trình chi tiết

Chương trình được thể hiện thông qua các bài học/chủ đề trong tài liệu học với thời lượng mỗi bài học là 4 tiết.

So với sách hiện hành, sách *Hướng dẫn học Ngữ văn 6* có một số điều chỉnh về cấu trúc nội dung của từng bài học để đảm bảo yêu cầu giảm tải.

Cấu trúc nội dung của sách *Hướng dẫn học Ngữ văn 6* dựa trên trục thể loại, hệ thống kiến thức tiếng Việt và các kiểu văn bản. Các kiến thức tiếng Việt và tập làm văn được dạy tích hợp với đọc - hiểu. Ngoài ra còn một nội dung khác như chương trình địa phương, ôn tập.

Khung nội dung bài học trong học kì 1 và học kì 2 được sắp xếp như sau:

Bài số	Tên bài	Nội dung	Số tiết
		HỌC KÌ I	
1	<i>Con Rồng, cháu Tiên</i>	<i>Con Rồng cháu Tiên.</i> Từ và các kiểu cấu tạo từ tiếng Việt. <i>Giao tiếp, mục đích giao tiếp</i> và các dạng thức văn bản. Đọc thêm: <i>Bánh chưng bánh giầy</i>	4
2	<i>Thánh Gióng</i>	<i>Thánh Gióng.</i> Từ mượn. Tìm hiểu chung về văn tự sự	4
3	<i>Sơn Tinh, Thủy Tinh</i>	<i>Sơn Tinh- Thủy Tinh;</i> <i>Nghĩa của từ; một số cách giải nghĩa từ.</i> <i>Sự việc và nhân vật</i> trong truyện.	4
4	<i>Sự tích Hồ Gươm</i>	<i>Sự tích Hồ Gươm.</i> Chủ đề, dàn bài văn tự sự	4
5	<i>Sọ Dừa</i>	<i>Sọ dừa;</i> Từ nhiều nghĩa; hiện tượng chuyển nghĩa từ; Lời văn, đoạn văn tự sự.	4
6	<i>Thạch Sanh</i>	<i>Thạch Sanh</i> Chữa lỗi dùng từ Chữa bài kể chuyện	4

Bài số	Tên bài	Nội dung	Số tiết
7	<i>Em bé thông minh</i>	<i>Em bé thông minh</i> Chữa lỗi dùng từ (tiếp theo) Luyện nói kể chuyện	4
8	<i>Cây bút thần</i>	<i>Cây bút thần</i> Danh từ và cụm danh từ Ngôi kể trong văn tự sự	4
9	<i>Ông lão đánh cá và con cá vàng</i>	<i>Ông Lão đánh cá và con cá vàng.</i> Hiểu thứ tự kể trong bài văn kể chuyện. Làm bài văn kể chuyện	4
10	<i>Ếch ngồi đáy giếng</i>	<i>Ếch ngồi đáy giếng, Thầy bói xem voi</i> Đọc thêm: <i>Đeo nhạc cho mèo</i> Danh từ riêng, danh từ chung Luyện nói văn kể chuyện	4
11	<i>Chân, tay, tai, mắt, miệng</i>	<i>Chân, tay, tai, mắt, miệng</i> Cụm danh từ Luyện tập kể chuyện đời thường; Tự đánh giá bài văn kể chuyện.	4
12	<i>Treo biển</i>	<i>Treo biển</i> ; Đọc thêm: <i>Lợn cưới áo mới.</i> Số từ và lượng từ Kể chuyện tưởng tượng; Luyện làm văn nói kể chuyện đời thường (tại lớp)	4
13	Củng cố kiến thức truyện dân gian	Ôn tập truyện dân gian Chỉ từ Luyện tập kể chuyện tưởng tượng	4
14	<i>Con hổ có nghĩa</i>	Đọc thêm <i>Con hổ có nghĩa</i> Động từ và cụm động từ	4
15	<i>Thầy thuốc giỏi cốt nhất ở tấm lòng</i>	<i>Thầy thuốc giỏi cốt nhất ở tấm lòng.</i> Tính từ và cụm tính từ Chương trình địa phương (Phần TV, Văn và TLV) <i>Mẹ hiền dạy con</i>	4
16	Luyện tập tổng hợp	Luyện tập tổng hợp Kiểm tra định kì cuối kì 1	4

Bài số	Tên bài	Nội dung	Số tiết
		HỌC KÌ II	
17	<i>Bài học đường đời đầu tiên</i>	<i>Bài học đường đời đầu tiên</i> Phó từ Tìm hiểu chung về văn miêu tả	4
18	<i>Sông nước Cà Mau</i>	<i>Sông nước Cà Mau</i> Phép tu từ so sánh Quan sát, tưởng tượng, nhận xét và so sánh trong văn miêu tả. Luyện viết văn tả cảnh	4
19	<i>Bức tranh của em gái tôi</i>	<i>Bức tranh của em gái tôi</i> Luyện nói về quan sát, tưởng tượng, so sánh, nhận xét trong văn miêu tả	4
20	<i>Vượt thác</i>	<i>Vượt thác</i> So sánh (tiếp); CT địa phương phần TV: Rèn chính tả Phương pháp tả cảnh Luyện viết văn tả cảnh (ở nhà)	4
21	<i>Buổi học cuối cùng</i>	<i>Buổi học cuối cùng</i> Nhân hóa Phương pháp tả người	4
22	<i>Đêm nay Bác không ngủ</i>	<i>Đêm nay Bác không ngủ</i> Ẩn dụ Luyện nói văn miêu tả	4
23	<i>Lượm</i>	<i>Lượm</i> <i>Mưa</i> Hoán dụ Tập làm thơ 4 chữ	4
24	<i>Cô Tô</i>	<i>Cô Tô</i> Các thành phần chính của câu Luyện viết văn tả người (tại lớp)	4
25	<i>Cây tre Việt Nam</i>	<i>Cây tre Việt Nam</i> Câu trần thuật đơn Hoạt động ngữ văn: Thi làm thơ 5 chữ	4

Bài số	Tên bài	Nội dung	Số tiết
26	<i>Lòng yêu nước</i>	<i>Lòng yêu nước</i> Câu trần thuật đơn có từ <i>là</i> . Tự đánh giá bài làm văn tả cảnh	4
27	<i>Câu trần thuật - truyện và kí</i>	Câu trần thuật đơn không có từ <i>là</i> Ôn tập truyện và kí Ôn tập văn miêu tả Làm bài văn miêu tả tưởng tượng sáng tạo (tại lớp)	4
28	<i>Câu Long Biên- chứng nhân lịch sử</i>	Đọc thêm <i>Câu Long Biên- chứng nhân lịch sử</i> Chữa lỗi câu thiếu chủ ngữ và vị ngữ Viết đơn	4
29	<i>Bức thư của thủ lĩnh da đỏ</i>	<i>Bức thư của thủ lĩnh da đỏ</i> Luyện tập cách viết đơn và sửa lỗi Chữa lỗi câu thiếu chủ ngữ và vị ngữ (tiếp)	4
30	<i>Động Phong Nha</i>	Đọc thêm: <i>Động Phong Nha</i> . Ôn tập dấu câu (Dấu chấm, dấu chấm hỏi, chấm than) Luyện tập về từ loại và phép tu từ Sửa lỗi bài văn miêu tả sáng tạo	4
31	Hệ thống hóa kiến thức Văn, Tập làm văn	Ôn tập tổng hợp Ôn tập các phương thức biểu đạt, trọng tâm: phương thức tự sự Ôn tập về dấu câu (dấu phẩy)	4
32	Chương trình địa phương- Củng cố kiến thức Văn, Tiếng Việt, Tập làm văn	CT địa phương phần: Danh lam thắng cảnh và môi trường Ôn tập truyện, kí, thơ, văn bản nhật dụng,... Ôn tập: nghĩa của từ, cấu tạo từ, từ loại, câu, các biện pháp tu từ Ôn tập các phương thức biểu đạt	4
33	Hệ thống hóa kiến thức về thể loại văn học	Ôn tập về thể loại Củng cố kiến thức về văn tự sự và miêu tả Viết bài kiểm tra định kì cuối năm	4

Sách gồm hai tập, tương ứng với hai học kì.

– Học kì I: 16 bài (từ Bài 1 đến Bài 16), tương ứng với 16 tuần.

– Học kì II: 17 bài (từ Bài 17 đến Bài 33), tương ứng với 17 tuần.

III. HƯỚNG DẪN TỔ CHỨC HỌC THEO CHỦ ĐỀ/ BÀI HỌC

Như trên đã nói, các bài học trong sách “Hướng dẫn học Ngữ văn 6” được biên soạn theo tinh thần tích hợp nội dung học tập của 3 phân môn Văn học, Tiếng Việt, Làm văn, với các hoạt động học tập đã được hướng dẫn cụ thể. Tuy nhiên, khi triển khai các nội dung dạy học, tùy vào đối tượng HS và điều kiện học tập, GV cần sử dụng các phương pháp và hình thức tổ chức dạy học linh hoạt. Do vậy, khi tổ chức dạy học một bài học của VNEN, căn cứ vào tiến trình hoạt động học của HS, GV cần xây dựng kịch bản dạy học phù hợp.

Sau đây là hướng dẫn tổ chức dạy học bài học “Sơn Tinh, Thủy Tinh”.

Bài 3: SƠN TINH, THỦY TINH

1. Mục tiêu bài học

- *Kiến thức:*

- Văn học: Hiểu nội dung, ý nghĩa, một số yếu tố nghệ thuật tiêu biểu trong truyện *Sơn Tinh, Thủy Tinh*.

- Tiếng Việt: Hiểu thế nào là *nghĩa của từ*; một số cách giải nghĩa từ.

- Tập làm văn: Nhận biết vai trò và ý nghĩa của các yếu tố *sự việc và nhân vật* trong văn tự sự; chỉ ra và vận dụng các yếu tố trên khi đọc hay kể một câu chuyện.

- *Kĩ năng:*

- Văn học: Đọc, kể diễn cảm; phân tích tác phẩm văn học.

- Tiếng Việt: Giải nghĩa từ (theo 2 cách: trình bày khái niệm; dùng từ đồng nghĩa, trái nghĩa).

- Tập làm văn: nhận biết sự việc, nhân vật trong đọc hiểu và tập làm văn.

- *Thái độ:*

- Yêu thích truyền thuyết, văn hóa Việt Nam;

- Thích học môn Ngữ văn.

- *Năng lực có thể hình thành và phát triển cho HS:*

- Năng lực đọc hiểu truyện truyền thuyết; nhận biết đặc điểm truyện truyền thuyết, hiểu được ý nghĩa của truyện; biết liên hệ thực tiễn.

- Năng lực vận dụng kiến thức tiếng Việt để giải nghĩa một số từ, hình thành thói quen giải nghĩa từ.

- Biết nói/ viết văn bản tự sự, vận dụng kiến thức về sự việc và nhân vật.

Các mục tiêu trên được thể hiện trong sách HDH như sau:

Mục tiêu:

- Kể lại chuyện *Sơn Tinh, Thủy Tinh*; phân tích các nhân vật Sơn Tinh, Thủy Tinh và cuộc chiến giữa hai nhân vật đó; chỉ ra tác dụng của yếu tố kì ảo và đặc trưng của truyện truyền thuyết; rút ra ý nghĩa của truyện; liên hệ thực tiễn.
- Xác định sự việc và nhân vật trong truyện; nhận diện *nhân vật chính, nhân vật phụ*; viết bài văn kể chuyện có *sự việc và nhân vật*.
- Trình bày khái niệm sơ giản về *ý nghĩa của từ*, một số cách giải nghĩa từ; vận dụng giải nghĩa một số từ.

2. Tổ chức hoạt động học cho HS

2.1. Hướng dẫn chung

- *Sơn Tinh, Thủy Tinh* là bài thứ ba trong cụm bài truyện truyền thuyết, là một thần thoại cổ đã được lịch sử hoá, trở thành một truyện truyền thuyết tiêu biểu, nổi tiếng trong chuỗi truyện truyền thuyết về thời đại các vua Hùng. *Sơn Tinh, Thủy Tinh* là một câu chuyện tưởng tượng, hoang đường nhưng có cơ sở thực tế. Truyện kể vào thời "Hùng Vương thứ mười tám", tuy nhiên, GV cần lưu ý HS rằng không nên hiểu chi tiết này một cách máy móc. Đây là thời gian ước lệ để nói về thời đại các vua Hùng.

Trước khi học truyện *Sơn Tinh, Thủy Tinh*, HS đã được làm quen với thể loại truyện truyền thuyết qua các bài học *Con Rồng, cháu Tiên* và *Thánh Gióng*. Do vậy, khi xác định mục tiêu bài học, cần chú ý đến sự tiếp nối và phát triển trong việc hình thành kiến thức và rèn luyện kĩ năng trong việc dạy cụm bài này (sự phát triển trong nhận thức về thể loại, trong việc tiếp nhận hình tượng nhân vật, trong việc cảm nhận các yếu tố hoang đường, kì ảo,...).

Văn bản truyện *Sơn Tinh, Thủy Tinh* cũng là ngữ liệu để dạy học các nội dung tiếng Việt và tập làm văn (tìm hiểu về nhân vật và sự việc trong văn bản tự sự, về nghĩa

của từ,..). GV cần chú ý đến tính tích hợp này để kết nối các nội dung trên trong một mạch nhất quán của bài học.

- Trong việc tổ chức dạy học, cần quán triệt quan điểm "lấy học sinh làm trung tâm": HS thật sự trở thành chủ thể của quá trình học tập; GV trở thành người tổ chức hoạt động cho HS. Về các quan điểm "học đi đôi với hành", "nhà trường gắn liền với gia đình và xã hội",... từ lâu đã được nhấn mạnh, quan tâm, nhưng chưa có cơ chế để các thành phần xã hội, gia đình tham gia vào quá trình giáo dục học sinh,... Từ việc cảm hiểu về một văn bản truyện truyền thuyết, GV cần hướng dẫn để HS liên hệ với thực tế đời sống như là một chất liệu để hình thành nên tác phẩm, từ cách lí giải của dân gian về một hiện tượng thiên nhiên thường xảy ra trong đời sống để nhận thức về sự quyết tâm và cách thức chế ngự thiên tai của nhân dân.

2.2. Hướng dẫn cụ thể cho mỗi hoạt động

2.2.1. Hoạt động khởi động

Hoạt động khởi động giúp HS huy động vốn kiến thức và kĩ năng để chuẩn bị tiếp nhận kiến thức và kĩ năng mới. **Việc tiếp thu** kiến thức mới bao giờ cũng dựa trên những kinh nghiệm trước đó. Cho nên, bước này còn được gọi là “kinh nghiệm” hay “trải nghiệm”. Đồng thời, HĐ này tạo ra hứng thú để HS bước vào bài học mới.

Trong môn học Ngữ văn, do các bài học thường được bắt đầu bằng việc đọc hiểu văn bản, do vậy, sách *HDH Ngữ văn* thiết kế hoạt động này với những nội dung và hình thức sau:

- Câu hỏi, bài tập.

Trong mỗi bài học, Hoạt động khởi động thường gồm 1-3 câu hỏi, bài tập. Các bài tập này thường là quan sát tranh/ ảnh để trao đổi với nhau về một vấn đề nào đó có liên quan đến bài học. Cũng có một số bài tập không sử dụng tranh / ảnh mà trực tiếp ôn lại kiến thức đã học ở cấp dưới, nhưng thiết kế dưới dạng kết nối hoặc những câu hỏi đơn giản, nhẹ nhàng.

- Thi đọc, ngâm thơ, kể chuyện, hát

Một số hoạt động yêu cầu HS đọc diễn cảm, ngâm thơ, kể chuyện hoặc hát về chủ đề liên quan đến bài học. Các hoạt động này trong một số trường hợp được thiết kế thành các cuộc thi, nhằm tạo ra không khí sôi nổi, hứng thú trước khi tiến hành học bài mới.

- Trò chơi.

Một số trò chơi trong hoạt động khởi động giúp tạo ra hứng thú trước khi vào bài học mới. Các trò chơi này cũng có nội dung gắn với mỗi bài học.

Với bài học *Sơn Tinh, Thủy Tinh*, trong HĐ khởi động, để HS kết nối được hiểu biết, kinh nghiệm của bản thân liên quan đến bài học, GV có thể cho HS xem tranh, hoặc xem đoạn video nói về hiện tượng lũ lụt trong đời sống và thảo luận để thử lí giải nguyên nhân của hiện tượng này theo cách suy nghĩ riêng của các em. Đây là cách khởi động theo hướng “nêu vấn đề”, HS tự tìm hiểu từ kinh nghiệm và kiến thức đã có của cá nhân trước khi bước vào nội dung của bài học để giải quyết vấn đề.

Lưu ý:

- Mục đích của phần khởi động chỉ giúp HS hình dung lại vốn kiến thức, kĩ năng đã có, không nên biến thành nội dung ôn tập nặng nề.

- Với mục đích gây hứng thú, cần tránh đi quá xa chủ đề, hoặc quá kéo dài, làm HS mệt mỏi.

- Cả hai mục đích của khởi động không chỉ dừng lại ở phần này mà vẫn tiếp tục trong suốt tiến trình của bài học. Chẳng hạn, sự hứng thú sẽ còn được sinh ra từ chính nội dung bài học, những kiến thức mới sẽ giúp HS gọi lại những kiến thức cũ.

- Trong bài học nhiều nội dung, không nhất thiết phải khởi động tất cả các nội dung.

- Về thời lượng: nên dành khoảng 10 phút cho hoạt động khởi động.

Minh họa: bài 3 (*Sơn Tinh Thủy Tinh*)

A

HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG



Quan sát các hình ảnh sau và trả lời câu hỏi:





a) Các bức ảnh trên thể hiện nội dung gì?

b) Hãy nói ngắn gọn về hậu quả của hiện tượng bão lụt mà em được chứng kiến hoặc được biết qua phim, ảnh.

c) Ở Tiểu học, các em đã được học một truyện có nội dung giải thích các hiện tượng lũ lụt xảy ra hàng năm. Hãy nhớ lại truyện đó và cho biết: Tên truyện đó là gì? Tên của các nhân vật trong truyện ?

Có thể thực hiện Hoạt động khởi động trên như sau:

- GV giao nhiệm vụ cho các nhóm.
- Nhóm trưởng chỉ đạo các thành viên làm việc cá nhân, suy nghĩ trong khoảng 1-2 phút, trao đổi với bạn bên cạnh khoảng 1-2 phút;
- Nhóm trưởng điều hành lần lượt từng thành viên trình bày ngắn gọn các ý a, b, c.
- GV theo dõi hoạt động các nhóm, đến gần hơn những nhóm nào cần giúp đỡ.
- GV gọi đại diện một nhóm trình bày. 1-2 nhóm khác góp ý kiến. GV kết luận. Sau đó dẫn dắt vào Hoạt động hình thành kiến thức.
- Ở một số địa phương, tùy theo đặc điểm của HS, có thể áp dụng kỹ thuật khăn trải bàn hoặc kỹ thuật KWL từ ý c. Cách thực hiện: Cho mỗi HS viết vào phiếu học tập cá nhân hoặc vào tờ giấy chung của cả nhóm (trước khi viết, cần thảo luận) các thông tin theo cột K và W theo bảng dưới đây:

K	W	L
Những điều em đã biết về truyền thuyết <i>Sơn Tinh, Thủy Tinh</i>	Những điều em muốn biết về truyền thuyết <i>Sơn Tinh, Thủy Tinh</i>	Những điều em đã học được về truyền thuyết <i>Sơn Tinh, Thủy Tinh</i>
...

(Chú ý: Cột L sẽ được viết tiếp sau khi học xong bài học)

2.2.2. Hoạt động hình thành kiến thức

Mục đích của bước này giúp HS tự chiếm lĩnh kiến thức mới thông qua hệ thống các bài tập/ nhiệm vụ. Các tri thức ở hoạt động này thuộc cả ba phân môn trong sách giáo khoa hiện hành: Đọc hiểu, Tiếng Việt và Tập làm văn.

Trong bài học *Sơn Tinh, Thủy Tinh*, nội dung hoạt động này được tiến hành theo trình tự:

- Đọc và tìm hiểu văn bản

Khi hướng dẫn HS tìm hiểu văn bản cần chú ý đến cách đọc văn bản theo đặc trưng thể loại. Với những tác phẩm văn học dân gian, cần chú ý khai thác những đặc điểm thuộc về phương thức tồn tại của văn bản (tính truyền miệng, tính tập thể) và đặc điểm của từng thể loại văn bản (sử thi, truyền thuyết, cổ tích, truyện cười, ngụ ngôn, ca dao,...). Chẳng hạn, trong truyện *Sơn Tinh, Thủy Tinh*, cần chú ý đến cách xây dựng 2 nhân vật theo hướng vừa thần thánh hoá vừa gắn với thực tế lịch sử, tạo nên tính chất hoang đường, kì ảo của câu chuyện.

- Tích hợp kiến thức Tiếng Việt

Việc hình thành kiến thức tiếng Việt cần tích hợp với nhiệm vụ tìm hiểu văn bản. GV đưa ra một số bài tập/ nhiệm vụ yêu cầu học sinh tìm hiểu các kiến thức Tiếng Việt theo hướng khai thác các yếu tố ngôn ngữ gắn với việc đọc hiểu văn bản trước đó. Trong bài học này, HS sẽ tìm hiểu về *nghĩa của từ*, dựa trên chú thích một số từ trong văn bản đọc.

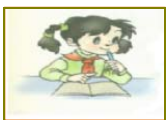
- Tích hợp kiến thức tập làm văn

Kiến thức Làm văn giúp HS chuyển hoá quá trình tiếp nhận văn bản sang quá trình tạo lập văn bản, giúp HS biết cách thể hiện tốt nhất những gì mình đã được tiếp nhận. Trong bài học, HS sẽ tìm hiểu về việc xác định *nhân vật và sự việc* trong văn bản tự sự thông qua tìm hiểu văn bản *Sơn Tinh, Thủy Tinh*. HĐ này vừa giúp củng cố các kiến thức về văn bản vừa đọc, vừa tìm hiểu các kiến thức về văn bản tự sự.

Minh họa: bài 3 (*Sơn Tinh, Thủy Tinh*).

B

HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC



1- Đọc văn bản sau:

SƠN TINH, THỦY TINH ⁽¹⁾

(Truyện thuyết)

Hùng Vương thứ mười tám có một người con gái tên là Mị Nương, người đẹp như hoa, tính nết hiền dịu. Vua cha yêu thương nàng hết mực, muốn kén cho con một người chồng thật xứng đáng...

... Nhưng năm nào cũng vậy, Thần Nước đánh mỗi một chán chê vẫn không thắng nổi Thần Núi để cướp Mị Nương, đành rút quân về.

(Theo Huỳnh Lý)

Chú thích:

(1) *Sơn Tinh*: Thần Núi (sơn: núi); *Thủy Tinh*: Thần Nước (thủy: nước).

(2) *Cầu hôn*: xin được lấy làm vợ (*cầu*: tìm, kiếm, xin; *hôn*: lấy vợ, lấy chồng).

(3) *Tản Viên*: núi cao ở huyện Ba Vì, tỉnh Hà Tây (nay là Hà Nội), cũng gọi là núi Ba Vì. Núi có ba đỉnh: đỉnh cao nhất 1281 mét, ngọn giữa có hình thớt cổ bông, trên tỏa ra như cái tán nên gọi là Tản Viên.

...

2- Tìm hiểu văn bản:



a) Dựa vào nội dung truyện *Sơn Tinh, Thủy Tinh*, hãy nối các đoạn ghi ở cột bên phải với ý chính của nó ở bên cột trái. Trình bày miệng về bố cục của truyện (Truyện gồm mấy đoạn? Ý chính của mỗi đoạn?).

Giới thiệu vua Hùng và việc kén chồng cho công chúa Mị Nương

Cuộc kén rể và chiến thắng thuộc về Sơn Tinh.

Cuộc giao tranh dữ dội và quyết liệt của hai thần, cuối cùng Thủy Tinh phải rút quân về.

Từ “Từ đó...” đến “...đành rút quân về”.

Từ “Hùng Vương thứ mười tám...” đến “thật xứng đáng”.

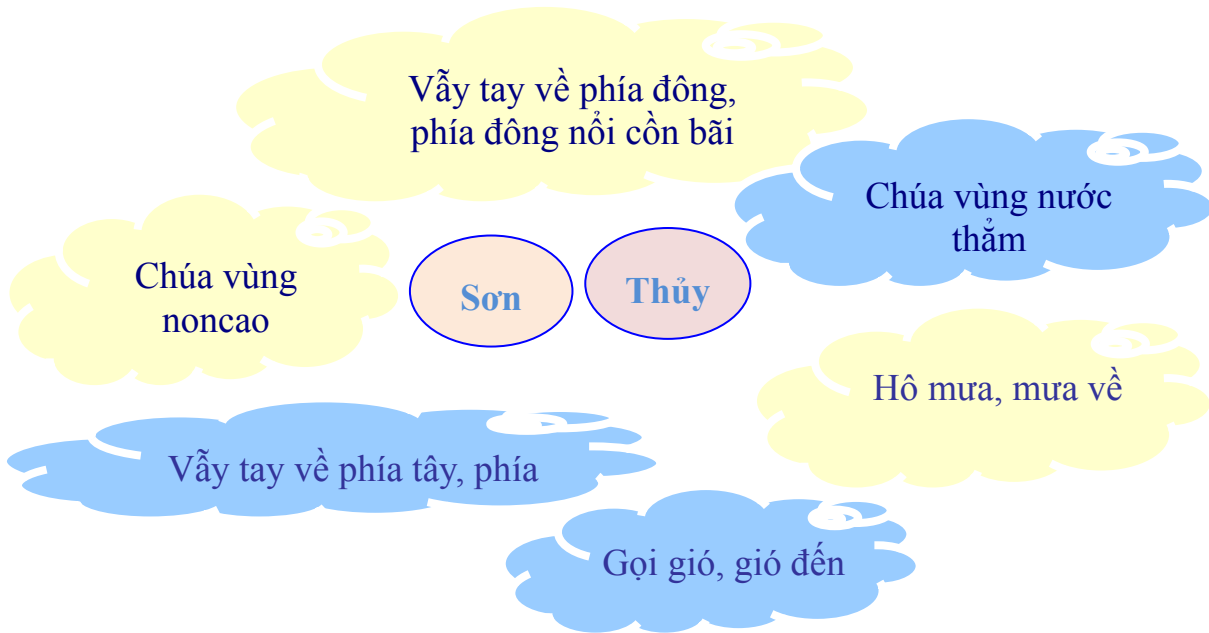
Từ “Một hôm có hai chàng trai...” đến “... rước Mị Nương về núi”.

Chuyện lũ lụt thiên tai hằng năm về sau

Thủy Tinh đến sau đến đành rút quân

b) Truyền thuyết *Sơn Tinh, Thủy Tinh* được gắn với thời đại nào trong lịch sử dân tộc ta?

c) Hãy kết nối các nhân vật Sơn Tinh, Thủy Tinh (hình tròn) với các từ ngữ nói về các nhân vật này (hình đám mây) theo sơ đồ:



d) Viết vào phiếu học tập:

1.Sơn Tinh và Thủy Tinh: Ai tài hơn ai ?

...

2.Dựa vào bài đọc, miêu tả ngắn gọn cuộc chiến giữa Sơn Tinh và Thủy Tinh.

....

3. Trong truyện có những yếu tố kì ảo nào? Tác dụng của các yếu tố kì ảo đó?

...



e) Theo em, nhân dân lao động (tác giả dân gian) đã thể hiện thái độ ủng hộ đối với nhân vật Sơn Tinh hay Thủy Tinh ? Tại sao ?

g) Dưới đây là một số ý kiến nói về ý nghĩa của truyện *Sơn Tinh, Thủy Tinh*. Em không đồng ý với ý kiến nào ? Tại sao ?

Bạn A: Truyện *Sơn Tinh, Thủy Tinh* nhằm giải thích những hiện tượng ghen tuông thường xảy ra trong cuộc sống.

Bạn B: Truyện *Sơn Tinh, Thủy Tinh* nhằm giải thích nạn lũ lụt thường xảy ra hàng năm.

Bạn C: Truyện *Sơn Tinh, Thủy Tinh* nhằm thể hiện sức mạnh, ước mong của người Việt cổ muốn chế ngự lũ lụt, thiên tai.



3. Tìm hiểu *sự việc, nhân vật* trong văn tự sự

a) Trong truyện *Sơn Tinh- Thủy Tinh* có các *sự việc* sau:

- (1) Vua Hùng kén rể.
- (2) Sơn Tinh và Thủy Tinh đến cầu hôn.
- (3) Vua Hùng phán đồ sính lễ.
- (4) Sơn Tinh đến trước, rước Mị Nương về núi.
- (5) Thủy Tinh đến sau, không được nên tức giận đánh ghen.
- (6) Hai bên giao chiến dữ dội, kéo dài hàng tháng trời.
- (7) Cuối cùng Thủy Tinh thua, đành rút quân về.

Hãy xác định *sự việc khởi đầu, sự việc phát triển, sự việc cao trào* và *sự việc kết thúc* trong câu chuyện bằng cách ghi số hiệu đứng trước những *sự việc* trên vào ô trống ở cột bên phải (theo mẫu).

Sự việc mở đầu	M: (1)
Sự việc phát triển	
Sự việc cao trào	
Sự việc kết thúc	

b) *Sự việc* trong văn tự sự cần có 6 yếu tố: 1) *Chủ thể* (Ai làm việc này?); 2) *Thời gian* (Bao giờ?); 3) *Địa điểm* (Ở đâu?); 4) *Nguyên nhân*; 5) *Diễn biến*; 6) *Kết quả*. Hãy tìm 6 yếu tố đó trong một sự việc của truyện *Sơn Tinh, Thủy Tinh* (Chẳng hạn, sự việc số (5): Thủy Tinh đến sau, không được nên tức giận đánh ghen).

c) Trong truyện *Sơn Tinh, Thủy Tinh* có các nhân vật: Vua Hùng, Công chúa Mị Nương, Sơn Tinh, Thủy Tinh,... Hãy cho biết *nhân vật chính* là ai? *Nhân vật phụ* là ai? Theo em, *nhân vật chính* khác với *nhân vật phụ* như thế nào?



4. Tìm hiểu nghĩa của từ

a) Dựa vào mục Chú thích trong bài đọc *Sơn Tinh, Thủy Tinh*, điền vào cột *nội dung* tương ứng với *hình thức* của các từ theo bảng:

Hình thức	Nội dung
Câu hôn	M: Xin được lấy làm vợ
Phán	
Sính lễ	
Nao núng	
Tâu	

b) Ghi dấu tích (✓) vào ô vuông để trả lời câu hỏi: Thế nào là *nghĩa của từ*?

Nghĩa của từ là phần hình thức của từ.

Nghĩa của từ là phần nội dung (sự vật, tính chất, hoạt động, quan hệ...)

mà từ biểu thị.

c- Xem lại mục a của câu này, hãy cho biết việc giải nghĩa các từ ở cột [1] được tiến hành bằng cách nào? (Ghi dấu tích vào ô phù hợp ở cột [2] hoặc [3]):

Từ [1]	Trình bày khái niệm mà từ biểu thị [2]	Đưa ra những từ đồng nghĩa hoặc trái nghĩa với từ cần giải thích [3]
Cầu hôn	M:✓	
Phán		
Sính lễ		
Nao núng		
Tâu		

Hoạt động hình thành kiến thức của bài 3 có thể được thực hiện như sau:

a- Đọc văn bản và chú thích:

- GV kiểm tra việc đọc ở nhà của HS.
- Cho HS đọc nối tiếp một lượt. Nhận xét về cách đọc của bạn.
- GV hỏi về các từ khó trong bài; giải đáp nếu có.

b- GV tổ chức cho HS thực hiện các bài tập/ nhiệm vụ trong mục 2. Tìm hiểu văn bản.

- Với các bài tập a, b, c, GV tổ chức cho HS làm việc nhóm theo quy trình.

- Với bài tập d (làm việc cá nhân), GV cần chuẩn bị trước phiếu học tập, hoặc cho HS làm vào vở nháp, sổ tay,... trong thời gian phù hợp (khoảng 10-15 phút). Trường hợp HS khá, xong trước, có thể nêu yêu cầu cao hơn.

Kết quả bài làm có thể được treo lên góc học tập.

(Dự kiến hết tiết 1)

- Với bài tập e, g, tổ chức cho HS làm việc nhóm. Thời gian: 7- 10 phút.

c- GV tổ chức cho HS thực hiện nhiệm vụ trong mục 3. Tìm hiểu *sự việc, nhân vật* trong văn tự sự.

Cả 3 bài tập trong mục này đều dự kiến hoạt động nhóm, dự kiến nhằm làm tăng năng lực hợp tác của HS. Tuy nhiên, tùy theo tình hình thực tế để có thể chọn hình thức hoạt động khác, như làm việc cá nhân hay nhóm đôi,... Thời gian thực hiện khoảng 15-20 phút.

d- GV tiếp tục tổ chức cho HS thực hiện nhiệm vụ 4. *Tìm hiểu nghĩa của từ*

Vẫn sử dụng hình thức làm việc nhóm với cả 3 nhiệm vụ a, b, c, nhưng GV có thể cho đại diện mỗi nhóm lên bảng trình bày các bài a, c. Còn bài tập b) vốn là một lưu ý nhằm giúp HS ghi nhớ kiến thức. GV cần quan tâm theo dõi và giải quyết vấn đề tại mỗi nhóm (đến từng nhóm xem có HS nào không thực hiện đúng, có biện pháp giúp đỡ kịp thời). Thời lượng cho mục này dự kiến khoảng 15 phút.

(Dự kiến hết tiết 2)

GV dành 2-3 phút để nhận xét và giao nhiệm vụ cho bài hôm sau.

Với những trường có điều kiện, có thể sử dụng các kĩ thuật dạy học mới, như: mảnh ghép, khăn trải bàn, phòng tranh, bể cá,... (nếu cần, có thể điều chỉnh lại các bài tập/nhiệm vụ cho phù hợp với kĩ thuật).

2.2.3. Hoạt động luyện tập

Mục đích của hoạt động này giúp HS củng cố và rèn luyện các kĩ năng đã có, hình thành những kĩ năng mới thông qua hệ thống các bài tập/ nhiệm vụ. Hoạt động thực hành gồm các bài tập/ nhiệm vụ yêu cầu HS củng cố các tri thức vừa học và rèn luyện các kĩ năng liên quan. Các bài tập/ nhiệm vụ trong phần thực hành cũng theo trình tự: Đọc hiểu văn bản, Tiếng Việt và Tập làm văn.

Trong bài học *Sơn Tinh, Thủy Tinh*, HS sẽ luyện tập kể diễn cảm nội dung câu chuyện, tập giải nghĩa một số từ, xác định nhân vật và sự việc của một câu chuyện. Để tiến hành những nội dung này, GV nên hướng dẫn HS có sự chuẩn bị trước (có thể giao việc về nhà cho các em chuẩn bị nội dung kể diễn cảm, tập tra từ điển để tìm hiểu nghĩa một số từ,...), phần luyện tập trên lớp để rèn luyện kĩ năng kể chuyện và cách thức giải nghĩa từ. Khi HS thực hành, luyện tập các nội dung trên, GV nên chuẩn bị phiếu quan sát hoặc xây dựng tiêu chí đánh giá kết quả làm việc của HS (chẳng hạn, có thể xây dựng tiêu chí chấm điểm cho HS khi kể diễn cảm câu chuyện).

Minh họa : bài 3 (*Sơn Tinh, Thủy Tinh*).

C

HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP



1- Thi kể diễn cảm câu chuyện *Sơn Tinh- Thủy Tinh* trong lớp.

Mỗi nhóm chọn một bạn để thi kể chuyện với các nhóm khác.

Yêu cầu: Nhớ được các đoạn, các tình tiết trong câu chuyện; ngôn ngữ kể chuyện phải lưu loát, phù hợp với thể loại truyền thuyết; phân biệt giọng người kể với giọng nhân vật.



2. Em làm từ điển.

Nhiệm vụ: Vận dụng một trong hai cách giải nghĩa từ vừa học (trình bày đặc điểm, khái niệm hoặc dùng từ đồng nghĩa, trái nghĩa) để giải nghĩa các từ dưới đây, sau đó sắp xếp lại theo thứ tự ABC.

- *Tài năng:*.....
- *Nổi giận:*.....
- *Xứng đáng:*.....
- *Bản khoản:*.....



3- Cho chủ đề sau: “*Một lần em mơ gặp công chúa Mị Nương, Công chúa đã kể lại cho em nghe câu chuyện kén chồng của mình*”.

Em hãy phác thảo những ý chính cho bài văn kể chuyện theo chủ đề trên, sau đó cho biết: Trong câu chuyện có những *sự việc* gì? *Nhân vật chính* là ai? *Nhân vật phụ* là ai?

Có thể thực hiện Hoạt động luyện tập trên như sau:

- Với nhiệm vụ 1, tiến hành thi kể chuyện theo quy trình. Thời gian khoảng 30 phút.

- Với nhiệm vụ 2 (Em làm từ điển), cho HS làm việc cá nhân, viết vào phiếu học, kết quả sau khi báo cáo treo lên góc học tập. Thời gian khoảng 15 phút. (Hết tiết 3)

- Với nhiệm vụ 3, tổ chức hoạt động nhóm đúng quy trình. Các nội dung chính gồm:

- + Lập dàn ý sơ lược cho đề văn.
- + Chỉ ra sự việc, nhân vật chính, nhân vật phụ.
- + Trình bày ý kiến và nhận xét, đánh giá.

(Thời gian: khoảng 35-40 phút).

- GV dành thời gian để giao nhiệm vụ trong hoạt động ứng dụng, hoạt động tìm tòi, mở rộng; đồng thời giao các nhiệm vụ chuẩn bị cho bài học hôm sau.

- Với các lớp sử dụng kỹ thuật KWL từ phần khởi động, GV dành thời gian cho HS viết tiếp vào cột L (những điều đã học được về truyền thuyết *Sơn Tinh, Thủy Tinh*). Cho HS tự kiểm tra, nếu còn những nguyện vọng (W: muốn biết) chưa được đáp ứng, GV tiếp tục giúp HS thực hiện các nhiệm vụ ở nhà.

2.2.4. Hoạt động vận dụng

Mục đích của hoạt động này là giúp HS sử dụng kiến thức, kỹ năng đã học để giải quyết các vấn đề, nhiệm vụ trong thực tế (thực tế trong nhà trường, trong gia đình và trong cuộc sống của HS). Với sách *HDH Ngữ văn 6*, hoạt động ứng dụng được thiết kế cho HS làm việc ở nhà.

Các bài tập vận dụng gồm các loại:

- Vận dụng kiến thức đọc hiểu để giải thích, phân tích một hiện tượng văn học, văn hóa khác tương ứng. Ví dụ: giải thích câu tục ngữ, phân tích bài ca dao, nêu ý kiến về một hiện tượng văn hóa,...

- Vận dụng kiến thức, kỹ năng Tiếng Việt để giải quyết một số vấn đề, như: giải nghĩa, tìm từ loại, xác định cấu tạo từ, ... trong các hiện tượng ngôn ngữ của cuộc sống.

- Tiếp tục rèn luyện kỹ năng Tập làm văn.

Lưu ý:

Phần vận dụng được thiết kế cho làm việc ở nhà. Tuy nhiên, một số bài tập/ nhiệm vụ vẫn có thể sử dụng trong hoạt động trên lớp nếu thấy cần thiết và có thời gian. Mọi quan hệ giữa Hoạt động luyện tập và Hoạt động vận dụng có sự linh hoạt, không cứng nhắc.

Trong bài học *Sơn Tinh, Thủy Tinh*, hoạt động vận dụng giúp HS liên hệ nội dung của văn bản đọc với thực tiễn đời sống. Đó là hiện tượng bão lũ đang diễn ra và ngày càng phức tạp, bất thường (nhiều khi không theo mùa như trong câu chuyện kể) cùng với quyết tâm của nhân dân trong việc củng cố đê điều, trồng rừng chắn sóng ngăn lũ, ... qua đó, HS có nhận thức rõ hơn về hậu quả của lũ lụt và có ý thức hơn về những việc làm của cộng đồng và cá nhân để góp phần phòng chống thiên tai. Bên cạnh đó, thông qua vận dụng, HS tập cách tìm hiểu và giải nghĩa một số từ thông dụng để có thể sử dụng phù hợp trong giao tiếp.

D

HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG



1. Hỏi người thân đề trả lời: Bão lụt và các hiện tượng thiên tai khác (như lốc xoáy, mưa đá, động đất...) đã phá hoại kinh tế và cuộc sống và gây nguy hiểm đối với tính mạng của mọi người như thế nào? Nếu gặp bão lụt hoặc các thiên tai khác, em phải làm gì để đảm bảo an toàn cho mình và giúp đỡ người khác?



2. Dựa vào đặc trưng cơ bản của truyền thuyết (bài 1, tr. 6), hãy giải thích: Vì sao truyện *Sơn Tinh, Thủy Tinh* được gọi là truyền thuyết ?

3. Tiếp tục hoàn thành bài viết kể chuyện theo chủ đề: “*Một lần em mơ gặp công chúa Mị Nương...*”.

Cách thực hiện:

- Với nhiệm vụ 1, HS trao đổi với người thân, sau đó viết câu trả lời vào vở bài tập. Hôm sau đến lớp trao đổi với bạn bè và thầy, cô giáo. GV theo dõi và kiểm tra kết quả thực hiện của từng em.

- Với nhiệm vụ 2 và 3, HS làm việc cá nhân, cũng ghi kết quả trả lời vào vở bài tập, tương tự như trên.

2.2.5. Hoạt động tìm tòi, mở rộng

Mục đích của hoạt động này giúp HS tiếp tục mở rộng kiến thức, kỹ năng. Hoạt động này dựa trên lập luận cho rằng, quá trình nhận thức của HS là không ngừng, do vậy cần có sự định hướng để đáp ứng nhu cầu tiếp tục học tập, rèn luyện sau mỗi bài học cụ thể. HĐ này thường có các nội dung:

- Đọc thêm các đoạn trích, văn bản có liên quan.
- Trao đổi với người thân về nội dung bài học, như: kể cho người thân nghe về câu chuyện vừa học, hỏi về ý nghĩa của câu chuyện, v.v...
- Tìm đọc trên in-tơ-nét một số nội dung theo yêu cầu.

Minh họa: bài 3.

E

HOẠT ĐỘNG TÌM TÒI, MỞ RỘNG



1. Tìm đọc trên thư viện hoặc In-tơ-nét ba câu chuyện về thần núi, thần sông, thần biển. Ghi lại vắn tắt nội dung của ba câu chuyện đó.
2. Tìm đọc bài thơ *Sơn Tinh, Thủy Tinh* của Nguyễn Nhược Pháp để thấy cách cảm nhận độc đáo của nhà thơ về truyền thuyết này.

Đây là nhiệm vụ yêu cầu HS làm việc ở nhà. Cách thực hiện như đã hướng dẫn. Lưu ý:

- Với nhiệm vụ 1, HS nên viết kết quả vào sổ tay tích lũy; nhiệm vụ 2 không yêu cầu HS viết mà chỉ cần đọc và nhớ một số câu thơ, hay ý thơ của Nguyễn Nhược Pháp.
- Ở những địa phương chưa có In-tơ-nét, có thể giúp HS thực hiện nhiệm vụ bằng cách: đọc sách, hỏi người cao tuổi,...

3. Đánh giá môn Ngữ văn 6 theo mô hình VNEN

3.1. Đánh giá kết quả học tập môn Ngữ văn theo định hướng năng lực

Sách *HDH Ngữ văn 6* coi trọng kiểm tra, đánh giá theo định hướng năng lực. *Đánh giá năng lực* là cách đánh giá dựa trên mức độ hình thành và phát triển năng lực của HS. Thay vì đánh giá kiến thức và kỹ năng như trong dạy học hiện nay, quan điểm đánh giá theo VNEN là xem xét quá trình hình thành và phát triển các năng lực, phẩm chất của HS trong từng giai đoạn. Khi chuyển từ ĐG theo chuẩn KT-KN (đánh giá theo nội dung KT-KN của môn học) sang ĐG theo năng lực, GV cần nhận ra được khả năng tiềm ẩn của HS, không chỉ ĐG cái mà HS “biết” mà cần ĐG những gì HS “làm”; quan tâm nhiều hơn đến sự tiến bộ và mức độ năng lực của mỗi cá nhân được bộc lộ trong quá trình học tập, qua đó có sự điều chỉnh nội dung và phương pháp dạy học phù hợp. Đánh giá dựa theo năng lực lấy kết quả đầu ra và các phương diện biểu hiện năng lực của người học làm căn cứ, chú ý đến các nội dung đánh giá mang tính tổng hợp, gắn với việc giải quyết các tình huống thực tiễn.

Để đánh giá năng lực, cần sử dụng các phương pháp đánh giá có hiệu quả như phỏng vấn, quan sát, tiểu luận, bài tập tình huống, kiểm tra, dự án, hồ sơ,... khi tiến hành đánh giá không chỉ căn cứ vào kết quả mà cần chú ý đến quá trình, cách thức đi

đến kết quả. Đặc biệt cần phối hợp giữa đánh giá của GV và tự đánh giá của HS, tạo nhiều cơ hội để HS đánh giá chính mình và phản hồi kết quả của mình để đạt tới các giá trị như tự tin, độc lập, có khả năng phê phán và thái độ tiếp nhận phê phán,...

Các năng lực và phẩm chất cần hình thành, phát triển cho HS qua mỗi bài học đã được xác định trong mục tiêu và triển khai trong toàn bộ nội dung bài học. Đánh giá năng lực là công việc trước hết nhằm xác định mức độ hoàn thành của các mục tiêu đó. Hình thức này được gọi là đánh giá thường xuyên (hay *đánh giá quá trình*), cần được GV lưu ý. *Đánh giá quá trình* là quan điểm đánh giá dựa trên toàn bộ quá trình học tập. Trong đánh giá quá trình, giáo viên quan tâm đến sự tiến bộ của từng học sinh trong học tập bằng các phương pháp và hình thức đánh giá đa dạng như đã nói ở trên. Đặc biệt cần phối hợp giữa đánh giá của GV và tự đánh giá của HS, tạo nhiều cơ hội để HS đánh giá chính mình và phản hồi kết quả của mình để đạt tới các giá trị như tự tin, độc lập, có khả năng phê phán và thái độ tiếp nhận phê phán,... Điểm mới trong đánh giá theo VNEN chính là tạo điều kiện tốt hơn để HS tự đánh giá (cá nhân tự đánh giá, đánh giá nhóm, đánh giá lẫn nhau) và đưa các thành viên trong gia đình vào quá trình đánh giá. Trong đánh giá thường xuyên, GV cần vận dụng cách đánh giá bằng nhận xét, tự nhận xét, giúp HS biết cụ thể những ưu khuyết điểm và mức độ đạt được của cá nhân trong các nội dung học tập.

Bên cạnh đó, hình thức đánh giá định kì, tổng kết cần được thực hiện. Hình thức đánh giá này giúp GV và HS nhìn lại kết quả dạy và học sau những giai đoạn học tập nhất định (cuối học kì, cuối năm học), đánh giá trình độ HS nắm bắt một khối lượng kiến thức, kĩ năng tương đối hệ thống, củng cố mở rộng những điều đã học, đặt cơ sở tiếp tục sang những phần học mới. Việc kiểm tra này có thể bao quát một mạch nội dung của môn học hoặc một chủ điểm, một giai đoạn học tập, và có ý nghĩa hỗ trợ rất lớn đến việc triển khai ra các bước tiếp theo của quá trình học tập.

Một số công cụ có thể sử dụng trong đánh giá môn học Ngữ văn:

Câu hỏi định tính, định lượng bao gồm các dạng sau:

- Trắc nghiệm KQ (về tác giả, tác phẩm, đặc điểm thể loại, chi tiết nghệ thuật...);
- Câu tự luận trả lời ngắn (lí giải, phát hiện, nhận xét, đánh giá...);
- Bài viết luận (trình bày cảm nhận, suy nghĩ, kiến giải riêng của cá nhân...);
- Phiếu quan sát làm việc nhóm (trao đổi, thảo luận về các giá trị tác phẩm...);

Các bài tập thực hành bao gồm:

- Hồ sơ (tập hợp các sản phẩm thực hành);
- Bài tập dự án (nghiên cứu so sánh tác phẩm, nhân vật theo chủ đề);
- Bài trình bày miệng (thuyết trình, đọc diễn cảm, kể chuyện, trao đổi thảo luận...).

3.2. Gợi ý một số công cụ đánh giá

3.2.1. Tiêu chí chấm điểm bài trình bày miệng

Trong Bài 3 *Sơn Tinh, Thủy Tinh* đã nêu trên có nội dung hoạt động: *Thi kể diễn cảm câu chuyện Sơn Tinh- Thủy Tinh*.

GV có thể xây dựng bảng tiêu chí để nhận xét, đánh giá kết quả thực hành, luyện tập của HS như sau:

Điểm	Mở đầu, kết thúc	Tư thế, tác phong	Giọng nói	Nội dung
Điểm 9-10	Có giới thiệu và cảm ơn một cách tự nhiên, hấp dẫn	Tự tin, tự nhiên, mắt nhìn thẳng vào người nghe	Ngữ điệu tốt, diễn cảm, phối hợp nhuần nhuyễn giữa cử chỉ, nét mặt, phân biệt ngôn ngữ của người kể chuyện với ngôn ngữ nhân vật	Nhớ đầy đủ sự việc chính
Điểm 7-8	Có giới thiệu và cảm ơn nhưng chưa tự nhiên, hấp dẫn	Lúc đầu còn thiếu tự tin, mắt nhìn thẳng vào người nghe	Có ngữ điệu, diễn cảm nhưng đôi lúc chưa phù hợp	Nhớ tương đối đủ sự việc chính
Điểm 5-6	Chỉ giới thiệu hoặc cảm ơn	Thỉnh thoảng mới nhìn thẳng vào người nghe, thiếu tự tin	Đều đều, thỉnh thoảng có điệu bộ, cử chỉ	Thiếu một vài sự việc
Điểm dưới 5	Không giới thiệu và cảm ơn	Thiếu tự tin, mắt không nhìn thẳng vào người nghe	Rời rạc, đứt quãng, chưa biết phối hợp nét mặt, cử chỉ	Nhớ sai các sự việc trong bài

3.2.2. Ma trận và đề tham khảo

MINH HỌA ĐỀ KIỂM TRA HỌC KÌ 1 MÔN NGỮ VĂN 6

1) Mục đích, yêu cầu: Đánh giá mức độ đạt được của HS so với mục tiêu đã đề ra ở học kì 1; phát hiện những hạn chế trong nhận thức, kĩ năng của HS để kịp thời điều chỉnh.

2) Nội dung: Kiểm tra việc đọc hiểu giá trị nội dung, nghệ thuật của văn bản thuộc các thể loại đã học (GV có thể sử dụng văn bản HS đã được học trong sách *Hướng dẫn học Ngữ văn 6* hoặc sử dụng một hoặc một số trích đoạn/văn bản mới cùng đề tài, thể loại với văn bản đã học); tích hợp nội dung kiểm tra đọc hiểu với Tiếng Việt, Tập làm văn.

3) Thời gian kiểm tra: 90 phút

4) Ma trận đề kiểm tra:

MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA HỌC KÌ I

LỚP 6

Môn: *Ngữ văn*

Chủ đề		Mức độ				Tổng số
		Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao	
Phần 1. Đọc hiểu	Văn bản văn học 01 văn bản: - Có độ dài khoảng 150 - 200 chữ. - Tương đương với văn bản HS đã được học chính thức trong chương trình Ngữ Văn 6, HK 1.		-Nêu nội dung văn bản. - Hiểu ý nghĩa bài học sống từ câu chuyện.	- Từ văn bản, nhận thức về một vấn đề thực tiễn.	Từ văn bản nêu suy nghĩ về một vấn đề trong thực tiễn.	

Chủ đề	Mức độ				Tổng số	
	Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao		
<p>Văn bản nhật dụng</p> <p>01 đoạn trích – trích từ văn bản “Thánh Gióng”:</p> <p>- Có độ dài khoảng 100- 150 chữ.</p> <p>- Văn bản HS đã được học chính thức trong chương trình Ngữ văn 6, HK1.</p>	<p>- Nhớ được thể loại của văn bản.</p> <p>- Nhận biết lỗi dùng từ</p>	<p>- Hiểu được nghĩa của từ</p> <p>- Hiểu ý nghĩa của chi tiết trong văn bản.</p>				
Số câu	2	4	1	1	8	
Số điểm	1,0	2,0	0,5	0,5	4,0	
Tỉ lệ	10%	20%	5%	5%	40%	
Phần 2. Tạo lập văn bản	<p>Văn tự sự</p> <p>- Viết bài văn.</p>			Viết bài văn tự sự về một sự việc gần gũi đã diễn ra trong đời sống.		
Số câu				1	1	
Số điểm				6,0	6,0	
Tỉ lệ				60%	60%	
Tổng chung	Số câu	2	4	1	2	9
	Số điểm	1,0	2,0	0,5	6,5	10,0
	Tỉ lệ	10%	20%	5%	65%	100%

5. Đề kiểm tra

ĐỀ KIỂM TRA HỌC KÌ I

LỚP 6

Môn: Ngữ văn

Phần 1. Đọc hiểu (4,0 điểm)

Đọc câu chuyện sau và trả lời câu hỏi từ câu 1 đến câu 4 :

Tôi đang dạo bộ trên bãi biển khi hoàng hôn buông xuống. Biển đông người nhưng tôi lại chú ý đến một cậu bé cứ liên tục cúi xuống nhặt thứ gì lên và ném xuống. Tiến gần hơn, tôi chú ý thấy cậu bé đang nhặt những con sao biển bị thủy triều đánh giạt lên bờ và ném chúng trở lại với đại dương :

- *Cháu đang làm gì vậy ? – Tôi làm quen.*
- *Những con sao biển này sắp chết vì thiếu nước. Cháu phải giúp chúng. – Cậu bé trả lời.*
- *Cháu có thấy mình đang mất thời gian không. Có hàng ngàn con sao biển như vậy. Cháu không thể giúp được tất cả chúng. Rồi chúng sẽ phải chết thôi.*

Cậu bé vẫn tiếp tục nhặt một con sao biển khác và nhìn tôi mỉm cười trả lời :

- *Cháu biết chứ. Nhưng cháu nghĩ cháu có thể làm được điều gì đó chứ. Ít nhất cháu đã cứu được những con sao biển này.*

(Fist news, theo The Values of Life)

Câu 1. Câu chuyện trên kể về nội dung gì? (0,5đ)

Câu 2. Bài học mà em rút ra được từ câu chuyện ? (0,5)

Câu 3. Viết khoảng 2 – 3 dòng, kể về một lần em đã có việc làm tương tự như cậu bé trong câu chuyện trên. (0,5)

Câu 4. Nêu 2 việc làm, theo em là không tốt mà em đã gặp trong đời sống? Trả lời khoảng 3- 4 dòng. (0,5đ)

Đọc đoạn trích sau và trả lời câu hỏi từ câu 5 đến câu 8 :

“Thế nước rất nguy, người người hoảng hốt. Vừa lúc đó sứ giả đem ngựa sắt, roi sắt, áo giáp sắt đến. Chú bé vùng dậy, vươn vai một cái bỗng biến thành một tráng sĩ mình cao hơn trượng, oai phong, lẫm liệt. Tráng sĩ bước lên võ vào móng ngựa. Ngựa hí dài mấy tiếng vang dội . Tráng sĩ mặc áo giáp, cầm roi, nhảy lên mình ngựa. Ngựa

phun lửa, tráng sĩ thúc ngựa phi thẳng đến nơi có giặc, đón đầu chúng đánh giết hết lớp này đến lớp khác, giặc chết như rạ. Bỗng doi sắt gãy. Tráng sĩ bèn nhổ những cụm tre bên đường quật vào giặc. Giặc tan vỡ. Đám tàn quân giẫm đạp lên nhau chạy trốn, tráng sĩ đuổi đến chân núi Sóc (Sóc Sơn). Đến đấy, một mình một ngựa, tráng sĩ lên đỉnh núi, cởi giáp sắt bỏ lại, rồi cả người lẫn ngựa từ từ bay lên trời”.

(Thánh Gióng, theo Ngữ Văn 6, tập 1)

Câu 5. Truyện dân gian Thánh Gióng viết theo thể loại nào? (0,5đ)

Câu 6. Đặt trong ngữ cảnh của đoạn trích trên, từ “**tráng sĩ**” có nghĩa gì? (0,5)

Câu 7. Xác định lỗi sai trong câu văn: *Bỗng doi sắt gãy* (0,5đ)

Câu 8. Chi tiết: “*Chú bé vùng dậy, vươn vai một cái bỗng biến thành một tráng sĩ mình cao hơn trượng, oai phong, lẫm liệt... thúc ngựa phi thẳng đến nơi có giặc, đón đầu chúng đánh giết hết lớp này đến lớp khác, giặc chết như rạ.*” có ý nghĩa gì? (0,5đ)

Phần 2. Làm văn (6,0 điểm)

Giả sử em đã từng đánh giá không đúng về một người bạn trong cuộc sống, nhưng trong một hoàn cảnh nào đấy, có một sự việc xảy ra giữa em và bạn, em đã nhận ra những đánh giá của mình là sai.

Hãy kể lại một sự việc làm thay đổi nhận thức của em về người bạn ấy.

HƯỚNG DẪN CHẤM ĐỀ KIỂM TRA HỌC KÌ I

LỚP 6

Môn: Ngữ văn

A. HƯỚNG DẪN CHUNG

Giáo viên cần nắm vững yêu cầu của Hướng dẫn chấm để đánh giá tổng quát bài làm của thí sinh, tránh cách đếm ý cho điểm. Do đặc trưng của môn Ngữ văn nên giáo viên cần linh hoạt trong quá trình chấm, khuyến khích những bài viết có suy nghĩ sâu sắc, cảm xúc tự nhiên, sáng tạo nhưng chân thực phù hợp với đời sống thực tế.

B. HƯỚNG DẪN CHẤM CỤ THỂ

Phần 1. Đọc hiểu (4,0 điểm)

Câu 1. Câu chuyện trên kể về nội dung : Kể về việc một cậu bé giúp đỡ những con sao biển.

- Điểm 0,5: Trả lời đúng theo cách trên.
- Điểm 0,25: Trả lời đúng nội dung nhưng diễn đạt lủng củng, dài dòng không cần thiết.
- Điểm 0: Trả lời sai hoặc không trả lời.

Câu 2. Bài học từ câu chuyện: Trong cuộc sống phải biết làm những điều có ích bằng tấm lòng yêu thương, dù chỉ là những việc nhỏ.

- Điểm 0,5: HS có thể diễn đạt khác nhưng phải đảm bảo nội dung trả lời theo cách trên.
- Điểm 0,25: Trả lời có ý đúng nhưng diễn đạt lủng củng, không rõ ý.
- Điểm 0: Trả lời sai hoặc không trả lời.

Câu 3. Kể về một lần em đã có việc làm tương tự như cậu bé trong câu chuyện : kể lại một việc làm có ích, dù chỉ là một việc nhỏ (trong bất kì hoàn cảnh nào).

- Điểm 0,5: Kể đúng nội dung theo cách trên.
- Điểm 0,25: Trả lời đúng tên biện pháp tu từ nhưng không nêu rõ những hình ảnh nhân hóa như cách trên.
- Điểm 0: Trả lời sai hoặc không trả lời.

Câu 4. Nêu 02 việc làm, theo quan điểm riêng của bản thân là không tốt. Câu trả lời phải rõ ràng, có sức thuyết phục, hợp lẽ phải.

- Điểm 0,5: Trả lời đúng theo cách trên.
- Điểm 0,25: Trả lời được 1 việc làm theo cách trên.
- Điểm 0: Cho điểm 0 đối với một trong những trường hợp sau:
 - + Nêu đủ 2 việc làm theo quan điểm riêng của bản thân là không tốt, những lại không phù hợp với thực tế, không hợp lẽ phải.
 - + Nêu 01 hoặc 02 việc làm theo quan điểm riêng nhưng không chính xác.
 - + Câu trả lời chung chung, không rõ ý, không có sức thuyết phục.
 - + Không có câu trả lời.

Câu 5. Truyện dân gian Thánh Gióng viết theo thể loại: truyền thuyết.

- Điểm 0,5: Trả lời đúng theo cách trên.
- Điểm 0: Trả lời sai hoặc không trả lời.

Câu 6. Từ “*tráng sĩ*” có nghĩa: người đàn ông có sức lực và chí khí mạnh mẽ

- Điểm 0,5: Trả lời đúng theo cách trên.
- Điểm 0,25: Trả lời đúng $\frac{1}{2}$ nội dung ý theo cách trên.
- Điểm 0: Trả lời sai hoặc không trả lời.

Câu 7. Lỗi sai trong câu văn “*Bông doi sắt gãy.*”: lỗi chính tả.

- Điểm 0,5: Trả lời đúng theo cách trên.
- Điểm 0: Trả lời sai hoặc không trả lời.

Câu 8. Chi tiết: “*Chú bé vùng dậy, vươn vai một cái bỗng biến thành một tráng sĩ mình cao hơn trượng, oai phong, lẫm liệt... thúc ngựa phi thẳng đến nơi có giặc, đón đầu chúng đánh giết hết lớp này đến lớp khác, giặc chết như rạ.*” có ý nghĩa:

Là sự vươn lên để đạt tâm vóc phi thường của Gióng, cũng là thể hiện sự trưởng thành vượt bậc về sức mạnh của dân tộc ta trước nạn ngoại xâm.

- Điểm 0,5: Trả lời đúng theo cách trên.
- Điểm 0,25: Trả lời được $\frac{1}{2}$ nội dung theo cách trên.
- Điểm 0: Trả lời sai hoặc không trả lời.

Phần 2. Tạo lập văn bản (6,0 điểm)

* **Yêu cầu chung:** Học sinh biết kết hợp kiến thức và kĩ năng về văn kể chuyện để tạo lập văn bản. Bài viết phải có bố cục đầy đủ, rõ ràng; kể phù hợp với đời sống thực tế, văn viết có cảm xúc chân thực; diễn đạt trôi chảy, bảo đảm tính liên kết; không mắc lỗi chính tả, từ ngữ, ngữ pháp.

* **Yêu cầu cụ thể:**

a) **Đảm bảo cấu trúc bài văn kể chuyện (0,5 điểm):**

- Điểm 0,5 điểm: Trình bày đầy đủ các phần Mở bài, Thân bài, Kết luận. Phần Mở bài biết dẫn dắt hợp lí và nêu được sự việc, nhân vật được kể; phần Thân bài biết tổ chức thành nhiều đoạn văn liên kết chặt chẽ với nhau cùng hướng về sự việc đang kể; phần Kết bài thể hiện được suy nghĩ, tình cảm và nhận thức của cá nhân.
- Điểm 0,25: Trình bày đầy đủ ba phần Mở bài, Thân bài, Kết luận, nhưng các phần chưa thể hiện được đầy đủ yêu cầu như trên; phần Thân bài chỉ có 1 đoạn văn.

- Điểm 0: Thiếu Mở bài hoặc Kết luận, Thân bài chỉ có 1 đoạn văn hoặc cả bài viết chỉ có 1 đoạn văn.

b) Xác định đúng sự việc được kể (0,5 điểm):

- Điểm 0,5: Xác định đúng sự việc: một sự việc làm thay đổi nhận thức của em về một người bạn.

- Điểm 0,25: Xác định chưa rõ sự việc, nêu chung chung.

- Điểm 0: Xác định sai sự việc hoặc trình bày lạc sang nội dung khác.

c) Lựa chọn đúng sự việc được kể, kể theo một trình tự hợp lý, có sự liên kết chặt chẽ; trong quá trình kể biết bộc lộ cảm xúc của bản thân, nêu được suy nghĩ, nhận định, đánh giá về nhân vật và của cả bản thân trong quá trình kể; thể hiện được suy nghĩ đúng đắn, nhận thức sâu sắc; sự việc được kể phải phù hợp với đời sống thực tiễn; (4,0 điểm):

- Điểm 4,0: Đảm bảo các yêu cầu trên; có thể trình bày theo định hướng sau:

+ Kể sơ lược về hoàn cảnh dẫn đến những suy nghĩ không đúng trước đó của em đối với người bạn ấy.

+ Kể cụ thể diễn biến cụ thể về sự việc làm thay đổi nhận thức của em về người bạn ấy:

+ Hoàn cảnh, tình huống xảy ra sự việc...

+ Thái độ, hành động, những việc làm của người bạn trong hoàn cảnh ấy...

+ Người bạn ấy đã làm gì mà lại có sự tác động đến tư tưởng nhận thức của em.

(Gợi ý: người bạn ấy đã giúp đỡ cho em hoặc đã đem đến cho em bài học gì từ một việc làm cụ thể hoặc một lời nói, một hành động nào đó mà em đã chứng kiến được từ bạn ấy ...)

+ Những thay đổi về nhận thức của em về người bạn ấy từ sự việc đó.

- Kể về hành động, việc làm, suy nghĩ, thái độ của em sau khi thay đổi nhận thức dành cho bạn.

Học sinh có thể có mở rộng và bổ sung thêm nội dung cho sự việc được kể nhưng phải đúng đắn, phù hợp.

- Điểm 3,5 – 3,75: Cơ bản đáp ứng được các yêu cầu trên, song vẫn còn một trong số các nội dung được kể còn chung chung, chưa nổi bật, một vài ý liên kết chưa thực sự chặt chẽ.

- Điểm 2,75 – 3,25 : Đáp ứng 1/2 đến 2/3 các yêu cầu trên.

- Điểm 1,5 - 2,5: Đáp ứng được 1/3 các yêu cầu trên, kể nhiều chỗ còn rời rạc, sơ sài.
- Điểm 1,0 – 1,25 : Có kể được một ý nhỏ, kĩ năng kể yếu.
- Điểm 0,25 - 0,5: Có viết được vài câu kể chung chung. Không có kĩ năng kể.
- Điểm 0: Không đáp ứng được bất kì yêu cầu nào trong các yêu cầu trên.

d) Sáng tạo (0,5 điểm)

- Điểm 0,5: Có nhiều cách diễn đạt độc đáo và sáng tạo (viết câu, sử dụng từ ngữ, lựa chọn sự việc kể có kịch tính, sinh động...); văn viết giàu cảm xúc; thể hiện khả năng quan sát, nhận thức tốt về đối tượng được kể.
- Điểm 0,25: Có một số cách diễn đạt độc đáo và sáng tạo; thể hiện được một số nhận thức tương đối tốt về đối tượng được kể.
- Điểm 0: Không có cách diễn đạt độc đáo và sáng tạo. Không thể hiện được nhận thức về đối tượng được kể.

e) Chính tả, dùng từ, đặt câu (0,5 điểm):

- Điểm 0,5: Không mắc lỗi chính tả, dùng từ, đặt câu.
- Điểm 0,25: Mắc một số lỗi chính tả, dùng từ, đặt câu.
- Điểm 0: Mắc nhiều lỗi chính tả, dùng từ, đặt câu.

MINH HỌA ĐỀ KIỂM TRA HỌC KÌ 2 MÔN NGỮ VĂN 6

1) Mục đích, yêu cầu: Đánh giá mức độ đạt được của HS so với mục tiêu đã đề ra ở học kì 2; phát hiện những hạn chế trong nhận thức, kĩ năng của HS để kịp thời điều chỉnh.

2) Nội dung: Kiểm tra việc đọc hiểu giá trị nội dung, nghệ thuật của văn bản thuộc các thể loại đã học (GV có thể sử dụng văn bản HS đã được học trong sách *Hướng dẫn học Ngữ văn 6* hoặc sử dụng một hoặc một số trích đoạn/văn bản mới cùng đề tài, thể loại với văn bản đã học); tích hợp nội dung kiểm tra đọc hiểu với Tiếng Việt, Tập làm văn.

3) Thời gian kiểm tra: 90 phút

4) Ma trận đề kiểm tra:

MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA HỌC KÌ 2

LỚP 6

Môn: Ngữ văn

Chủ đề		Mức độ				Tổng số
		Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao	
Phần 1. Đọc hiểu	Văn bản văn học 01 đoạn trích: - Có độ dài khoảng 50 - 100 chữ. - Tương đương với văn bản HS đã được học chính thức trong chương trình THCS, chủ yếu lớp 6.	- Nêu phương thức biểu đạt chính của văn bản. - Nhận diện biện pháp tu từ trong văn bản.	- Hiểu được tác dụng của biện pháp tu từ trong văn bản	- Đặt nhan đề cho văn bản.	- Từ văn bản, nêu suy nghĩ về một vấn đề thực tiễn.	
	Văn nhật dụng 01 đoạn trích – trích từ văn bản “Bức tranh của em gái tôi”: - Có độ dài khoảng 50- 120 chữ. - Văn bản HS đã được học chính thức trong chương trình HK2, Ngữ văn 6.	- Nhớ được tên văn bản, tác giả.	- Lí giải/suy luận về tâm trạng của nhân vật để rút ra nhận thức của nhân vật.		- Từ văn bản, nêu lên cách ứng xử đẹp trong cuộc sống.	
	Số câu Số điểm Tỉ lệ	3 1,5 15%	2 1,5 15%	1 0,25 2,5%	2 0,75 7,5%	8 4,0 40%

Chủ đề		Mức độ				Tổng số
		Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao	
Phần 2. Tạo lập văn bản	<i>Văn miêu tả</i> - Viết bài văn.				Viết bài văn miêu tả về một sự việc gần gũi đã diễn ra trong đời sống.	
	Số câu				1	2
	Số điểm				6,0	6,0
	Tỉ lệ				60%	60%
Tổng chung	Số câu	3	2	1	3	9
	Số điểm	1,5	1,5	0,25	6,75	10,0
	Tỉ lệ	15%	15%	2,5%	67,5%	100%

5) Đề kiểm tra

ĐỀ KIỂM TRA HỌC KÌ 2

LỚP 6

Môn: *Ngữ văn*

Phần 1. Đọc hiểu (4,0 điểm)

Đọc đoạn trích sau và trả lời câu hỏi từ câu 1 đến câu 5 :

“(1)Mưa mùa xuân xôn xao, phơi phới. (2)Những hạt mưa bé nhỏ, mềm mại, rơi mà như nhảy nhót. (3)Hạt nọ tiếp hạt kia đan xuống mặt đất (...). (4)Mặt đất đã kiệt sức bỗng thức dậy, âu yếm đón lấy những giọt mưa ấm áp, trong lành. (5)Đất trời lại dịu mềm, lại cần mẫn tiếp nhựa cho cây cỏ. (6)Mưa mùa xuân đã mang lại cho chúng cái sức sống ứ đầy, tràn lên các nhánh lá mầm non. (7)Và cây trả nghĩa cho mưa bằng cả mùa hoa thơm trái ngọt.”

(Nguyễn Thị Thu Trang – *Tiếng mưa*)

Câu 1. Chỉ ra phương thức biểu đạt chính trong đoạn văn trên ? (0,5đ)

Câu 2. Đặt một nhan đề phù hợp cho đoạn văn trên? (0,25đ)

Câu 3. Xác định biện pháp tu từ được tác giả sử dụng trong câu (4) và (5) của đoạn văn trên ? (0,5đ)

Câu 4. Nêu ngắn gọn tác dụng của biện pháp tu từ vừa tìm được trong câu (4) và (5)? (0,5đ)

Câu 5. Viết khoảng 2- 3 dòng, nêu một vài suy nghĩ của bản thân về thiên nhiên xung quanh mình. (0,25đ)

Đọc đoạn văn sau và trả lời câu hỏi từ câu 6 đến câu 8 :

“Mẹ hồi hộp thì thâm vào tai tôi:

- Con có nhận ra con không?

Tôi giật sững người. Chẳng hiểu sao tôi phải bám chặt vào tay mẹ. Thoạt tiên là sự ngỡ ngàng, rồi đến hãnh diện, sau đó là xấu hổ. Dưới mắt em tôi, tôi hoàn hảo đến thế kia ư ? Tôi nhìn như thôi miên vào dòng chữ đề trên bức tranh : “Anh trai tôi”. Vậy mà dưới mắt tôi thì...

– Con đã nhận ra con chưa? - Mẹ vẫn hồi hộp.

Tôi đã không trả lời mẹ vì tôi muốn khóc quá. Bởi vì nếu nói được với mẹ, tôi sẽ nói rằng : “Không phải con đâu. Đây là tâm hồn và lòng nhân hậu của em con đấy”.

Câu 6. Đoạn trích trên trích từ văn bản nào? Tác giả là ai? (0,5đ)

Câu 7. Nhân vật “tôi” tự nhận thấy được điều gì về bản thân và về cô em gái khi đứng trước bức tranh “Anh trai tôi” do em gái mình vẽ? (1,0đ)

Câu 8. Từ nhận thức của người anh, em có suy nghĩ và có cách ứng xử ra sao khi chứng kiến tài năng của người khác. Trả lời khoảng 4 – 5 dòng. (0,5đ)

Phần 2. Tạo lập văn bản (6,0 điểm)

Hãy tả lại một giờ học mà em ấn tượng nhất.

HƯỚNG DẪN CHẤM ĐỀ KIỂM TRA HỌC KÌ 2

LỚP 6

Môn: Ngữ văn

A. HƯỚNG DẪN CHUNG

Cán bộ chấm thi cần nắm vững yêu cầu của Hướng dẫn chấm để đánh giá tổng quát bài làm của thí sinh, tránh cách đếm ý cho điểm. Do đặc trưng của môn Ngữ văn

nên cán bộ chấm thi cần linh hoạt trong quá trình chấm, khuyến khích những bài viết có suy nghĩ sâu sắc, cảm xúc tự nhiên, sáng tạo nhưng chân thực phù hợp với đời sống thực tế.

B. HƯỚNG DẪN CHẤM CỤ THỂ

Phần 1. Đọc hiểu (4,0 điểm)

Câu 1. Phương thức biểu đạt chính của đoạn văn: phương thức miêu tả.

- Điểm 0,5: Trả lời đúng theo cách trên.

- Điểm 0: Trả lời sai hoặc không trả lời.

Câu 2. Đặt 1 nhan đề phù hợp, khái quát được nội dung chủ đề của đoạn văn.

- Điểm 0,25: Đặt nhan đề đúng theo cách trên.

- Điểm 0: Đặt sai hoặc không đặt nhan đề nào.

Câu 3. Biện pháp tu từ được sử dụng trong câu (4) và (5) của đoạn văn: **nhân hóa** (*mặt đất kiệt sức, thức dậy, âu yếm; đất trời dịu mềm, cần mẫn*)

- Điểm 0,5: Trả lời đúng biện pháp tu từ theo cách trên.

- Điểm 0,25: Trả lời đúng tên biện pháp tu từ nhưng không nêu rõ những hình ảnh nhân hóa như cách trên.

- Điểm 0: Trả lời sai hoặc không trả lời.

Câu 4. Tác dụng của biện pháp tu từ nhân hóa: thiên nhiên như có sinh khí, tâm hồn như con người.

- Điểm 0,5: Trả lời đúng tác dụng của biện pháp tu từ theo cách trên (hs có thể có cách diễn đạt khác nhưng phải đảm bảo nội dung theo cách trên).

- Điểm 0,25: Trả lời chung chung, chưa nêu rõ theo cách trên hoặc diễn đạt không rõ ý.

- Điểm 0: Trả lời sai hoặc không trả lời.

Câu 5. Nêu được suy nghĩ tích cực trong cách nhìn nhận về thiên nhiên xung quanh mình theo quan điểm riêng của bản thân. Câu trả lời phải diễn đạt rõ ý, thể hiện được ý nghĩa của thiên nhiên trong đời sống.

- Điểm 0,25: Nêu được suy nghĩ của bản thân theo định hướng trên.

- Điểm 0: Cho điểm 0 đối với một trong những trường hợp sau:

+ Nêu được suy nghĩ nhưng mang tính tiêu cực, nhìn nhận không chính xác về ý nghĩa của thiên nhiên.

+ Nêu suy nghĩ một cách quá sơ sài, diễn đạt yếu, không rõ ý.

+ Không có câu trả lời.

Câu 6. Đoạn trích trên trích từ văn bản: Bức tranh của em gái tôi; tác giả Tạ Duy Anh.

- Điểm 0,5: Trả lời đúng theo cách trên.
- Điểm 0,25: Trả lời đúng theo một trong hai cách trên.
- Điểm 0: Trả lời sai hoặc không trả lời.

Câu 7.

- Người anh nhận ra được phân hạn chế và cái sai của bản thân: đó là lòng tự ái, sự ganh tị và đố kỵ không đúng chỗ của mình.

- Người anh nhận thấy được tâm hồn cao đẹp và tấm lòng nhân hậu của cô em gái.

** HS có thể diễn đạt theo cách khác nhưng phải đảm bảo chính xác theo nội dung của 2 cách trên.*

- Điểm 1,0: Trả lời đúng cả 2 ý theo cách trên.
- Điểm 0,5: Trả lời đúng một trong hai ý theo cách trên.
- Điểm 0,25: Ở mỗi ý, trả lời có ý đúng nhưng chưa thật đầy đủ, diễn đạt không rõ ràng.
- Điểm 0: Trả lời sai hoặc không trả lời.

Câu 8. Nêu được suy nghĩ tích cực, sâu sắc và thể hiện được cách ứng xử có văn hóa, có hiểu biết, đúng với chuẩn mực của xã hội.

- Điểm 0,5: Nêu được suy nghĩ và cách ứng xử của bản thân theo định hướng trên.
- Điểm 0,25: Nêu được suy nghĩ và cách ứng xử đúng nhưng còn hơi hợt, diễn đạt không rõ ràng.
- Điểm 0: Cho điểm 0 đối với một trong những trường hợp sau:

+ Nêu được suy nghĩ, cách ứng xử nhưng mang tính tiêu cực, thiếu hiểu biết, đi ngược lại với chuẩn mực của xã hội.

+ Trả lời chung chung không rõ ý.

+ Không có câu trả lời.

Phần 2. Tạo lập văn bản (6,0 điểm)

*** Yêu cầu chung:** Học sinh biết kết hợp kiến thức và kỹ năng về văn miêu tả để tạo lập văn bản. Bài viết phải có bố cục đầy đủ, rõ ràng; miêu tả đúng thực tế, văn viết có cảm xúc chân thực; diễn đạt trôi chảy, bảo đảm tính liên kết; không mắc lỗi chính tả, từ ngữ, ngữ pháp.

*** Yêu cầu cụ thể:**

a) **Đảm bảo cấu trúc bài văn miêu tả (0,5 điểm):**

- Điểm 0,5 điểm: Trình bày đầy đủ các phần Mở bài, Thân bài, Kết luận. Phần Mở bài biết dẫn dắt hợp lý và nêu được đối tượng miêu tả; phần Thân bài biết tổ chức thành

nhều đoạn văn liên kết chặt chẽ với nhau cùng hướng về đối tượng miêu tả; phần Kết bài thể hiện tình cảm và nhận thức của cá nhân.

- Điểm 0,25: Trình bày đầy đủ ba phần Mở bài, Thân bài, Kết luận, nhưng các phần chưa thể hiện được đầy đủ yêu cầu như trên; phần Thân bài chỉ có 1 đoạn văn.

- Điểm 0: Thiếu Mở bài hoặc Kết luận, Thân bài chỉ có 1 đoạn văn hoặc cả bài viết chỉ có 1 đoạn văn.

b) Xác định đúng đối tượng miêu tả (0,5 điểm):

- Điểm 0,5: Xác định đúng đối tượng miêu tả: một giờ học mà em ấn tượng nhất. (hs có thể miêu tả một tiết học trên lớp hoặc giờ học ngoài giờ)

- Điểm 0, 25: Xác định chưa rõ đối tượng, nêu chung chung.

- Điểm 0: Xác định sai đối tượng hoặc trình bày lạc sang đối tượng khác.

c) Lựa chọn những đặc điểm tiêu biểu của đối tượng và miêu tả theo một trình tự hợp lý của một giờ học, có sự liên kết chặt chẽ; sử dụng tốt sự quan sát, so sánh, liên tưởng, tưởng tượng...trong quá trình miêu tả; biết bộc lộ cảm xúc, suy nghĩ, tình cảm trong quá trình miêu tả nhằm thể hiện được ấn tượng của bản thân về giờ học; nội dung miêu tả phải phù hợp với đời sống thực tiễn, chân thực của một giờ học mà bản thân đã trải qua và có nhiều ấn tượng, cụ thể, sinh động (4,0 điểm):

- Điểm 4,0: Đảm bảo các yêu cầu trên; có thể trình bày theo định hướng sau:

+ Giới thiệu được đối tượng được miêu tả: một giờ học để lại ấn tượng sâu sắc.

+ Miêu tả cụ thể giờ học theo trình tự hợp lý:

Học sinh có thể lựa chọn trình tự theo cách khác nhưng phải hợp lý và đảm bảo sự logic của giờ học.

++ Giờ học đã diễn ra như thế nào?

++ Không gian, không khí của lớp học.

++ Những hình thức học tập thú vị, hấp dẫn...

++ Hoạt động của cô giáo, của em và các bạn...

++ Những suy nghĩ và cảm xúc của em (của các bạn) trong giờ học.

Thí sinh có thể có mở rộng và bổ sung thêm nội dung miêu tả nhưng phải tiêu biểu, hợp lý, gọn gàng.

- Điểm 3,5 – 3,75: Cơ bản đáp ứng được các yêu cầu trên, song một trong số các nội dung miêu tả còn chung chung, chưa nổi bật, một vài ý liên kết chưa thực sự chặt chẽ.

- Điểm 2,75 – 3,25 : Đáp ứng 1/2 đến 2/3 các yêu cầu trên.

- Điểm 1,5 - 2,5: Đáp ứng được 1/3 các yêu cầu trên, miêu tả nhiều chỗ còn yếu.

- Điểm 1,0 – 1,25 : Có miêu tả được một ý nhỏ, kĩ năng miêu tả yếu.
- Điểm 0,25 - 0,5: Có viết được vài câu miêu tả chung chung. Không có kĩ năng miêu tả.
- Điểm 0: Không đáp ứng được bất kì yêu cầu nào trong các yêu cầu trên.

d) Sáng tạo (0,5 điểm)

- Điểm 0,5: Có nhiều cách diễn đạt độc đáo và sáng tạo (viết câu, sử dụng từ ngữ, hình ảnh miêu tả đặc sắc, sinh động...); văn viết giàu cảm xúc; thể hiện khả năng quan sát, nhận thức tốt về đối tượng miêu tả.
- Điểm 0,25: Có một số cách diễn đạt độc đáo và sáng tạo; thể hiện được một số nhận thức tương đối tốt về đối tượng miêu tả.
- Điểm 0: Không có cách diễn đạt độc đáo và sáng tạo. Không thể hiện được nhận thức về đối tượng miêu tả.

e) Chính tả, dùng từ, đặt câu (0,5 điểm):

- Điểm 0,5: Không mắc lỗi chính tả, dùng từ, đặt câu.
- Điểm 0,25: Mắc một số lỗi chính tả, dùng từ, đặt câu.
- Điểm 0: Mắc nhiều lỗi chính tả, dùng từ, đặt câu.

(Lưu ý: Giáo viên có thể tham khảo, lựa chọn một trong hai cách xây dựng hướng dẫn trên)